

LỊCH SỬ

LỚP 12 PHỔ THÔNG

TẬP II

huongmaitruongxua.v

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG – 1975

LỊCH SỬ

LỚP 12, PHỔ THÔNG

TẬP II

000807

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1930 ĐẾN NAY

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

1975

<https://tieulun.hopto.org>

III

CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

6. Tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ, khâu chính của kế hoạch Na-va.

Điện biên phủ là một cánh đồng rộng lớn ở giữa vùng rừng núi Tây bắc, dài khoảng 18 km, ngang từ 6 đến 8 km, sát biên giới Lào — Việt. Địa điểm này đây là một vị trí chiến lược hết sức quan trọng, có thể trở thành một căn cứ lực quân và không quân hết sức lợi hại trong âm mưu xâm lược lâu dài của chúng ở Đông dương và Đông Nam Á.

Lực lượng của địch ở Điện biên phủ lúc đầu độ 16 tiểu đoàn, sau tăng dần lên đến 17 tiểu đoàn và 10 đại đội bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 200 xe vận tải, 14 máy bay thường trực... tất cả gồm trên 16 nghìn tên.

Với lực lượng ấy, địch bố trí thành tập đoàn cứ điểm gồm ba phân khu, tất cả 49 cứ điểm. Phân khu quan trọng nhất là phân khu trung tâm ở giữa cánh đồng Mường thanh, tập trung đến 2/3 lực lượng của địch. Ở đây có sân bay chính và lực lượng pháo binh địch khá mạnh. Phía đông phân khu trung tâm có cả một hệ thống cao điểm lợi hại đặc biệt là các ngọn đồi (A₁, C₁, D₁, E₁...). Phân khu Bắc gồm các trung tâm đề kháng Him lam, Độc lập, Bản kéo. Phân khu Nam (phân khu Hồng cúm) có một căn cứ pháo binh và sân bay dự trữ.

Với lực lượng và hệ thống phòng ngự vững chắc như vậy, Na-va và cả tên tướng Mỹ Ô Đa-ni-en đều cho rằng Điện biên phủ là một "pháo đài không thể công phá". Do nhận định chủ quan đó, chúng cho rằng quân ta ít có khả năng tấn công Điện biên phủ, và nếu có tấn công thì không tránh khỏi thất bại.

7. Cuộc tấn công tiêu diệt Tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ.

Như trên đã nói, thời kỳ đầu của chiến cuộc đông xuân là thời kỳ ta mở một loạt chiến dịch tấn công vào những hướng quan trọng và tương đối sơ hở của địch, buộc chúng phải phân tán binh lực. Đến khi ta phát hiện thấy địch ngày càng tăng cường cho Điện biên phủ, biến Điện biên phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Na-va, thì Trung ương Đảng và Bộ Tổng tư lệnh hạ quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện biên phủ, chọn Điện biên phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với địch. Từ đó, dưới khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng địch ở Điện biên phủ", mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch Điện biên phủ tiến hành ráo riết, khẩn trương. Hàng chục vạn dân công và công binh ngày đêm bạt núi xuyên rừng, đào đắp hàng mấy trăm cây số đường và, bằng mọi phương tiện sẵn có (ô tô, xe đạp thồ, trâu, bò, ngựa, gồng gánh...), vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, vũ khí, đạn dược ra mặt trận, bắt chấp bom đạn của máy bay địch. Hàng chục cỗ pháo lớn do sức người kéo là chính được đưa vào vị trí một cách an toàn và bí mật. Rồi hàng trăm cây số đường hầm được đào làm thành một hệ thống chằng chịt như mạng nhện ôm chặt lấy tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ.

Đầu tháng 3-1954, công tác chuẩn bị về mọi mặt đã hoàn thành. Và ngày 13-3-1954, quân ta được lệnh mở cuộc đại tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ.

Chiến dịch tấn công vào Điện biên phủ đã diễn biến qua 3 đợt cho đến khi toàn thắng như sau:

Đợt 1 (13-3 đến 27-3): Ta đánh vào trung tâm đề kháng Him-lam nằm trên 3 quả đồi cao ở phía bắc, do một tiểu đoàn lê dương và một số đơn vị nguy binh đóng giữ. Đại bác và máy bay địch chằng hòa lực để bảo vệ cho Him-lam. Nhưng pháo ta đã đập tắt được

hỏa lực địch, yểm hộ cho bộ binh tiến lên, và nửa giờ sau thì là cờ chiến thắng của quân ta đã phất cao trên cả 3 ngọn đồi. Giải quyết xong khu Him-lam, ta tiếp tục tiêu diệt trung tâm đề kháng ở phía Tây bắc gồm có đồi Độc lập và Bản kéo.

Địch bị tổn thất nặng nề về sinh lực (hơn 3 tiểu đoàn) và toàn bộ phân khu phòng thủ phía bắc bị tiêu diệt. Địch bị bao vây chặt ở khu trung tâm Mường thanh và ở phân khu Hồng cúm, chỉ còn con đường tiếp tế duy nhất bằng máy bay. Tinh thần địch bắt đầu nao núng vì hỏa lực áp đảo của đại bác và súng cao xạ trẻ tuổi của ta (1).

Địch cho không quân tăng cường bắn phá các trận địa pháo và các tuyến đường tiếp tế của ta, hòng phá vỡ kế hoạch tấn công của ta, nhưng vô hiệu.

Đợt 2 (30-3 đến 24-4): Ta tấn công vào đông Mường thanh, cửa ngõ vào phân khu trung tâm của địch. Khu đông Mường thanh có 5 quả đồi, dài rộng hàng mấy ki-lô-mét có 5 tiểu đoàn tinh nhuệ của địch đóng giữ. Mặt khu đó là coi như mặt Mường thanh, cho nên ta ra sức đánh mà địch cố sức giữ. Cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài trong mấy tuần lễ liên, đặc biệt là trên hai quả đồi A1 và C1. Ngày đêm sống trong khói lửa, bụi cát, thiếu ăn, thiếu nước, thiếu thuốc men... các chiến sĩ ta vẫn bền gan chiến đấu, bám sát trận địa, giành giật từng tấc đất với địch. Đồng thời quân ta khép chặt vòng vây xung quanh khu trung tâm, tiến sát sân bay, cắt đứt con đường tiếp tế duy nhất bằng đường hàng không của địch.

Đợt 3 (1 đến 7-5): Ngày 1-5-1954, ta mở cuộc tấn công đợt 3, đánh vào khu trung tâm Mường thanh và Hồng cúm. Cuộc chiến đấu trở nên vô cùng quyết liệt. Đêm 6 rạng ngày 7-5, quân ta đánh chiếm toàn bộ các ngọn đồi phía đông là chìa khóa phòng ngự cuối cùng của phân khu trung tâm. Địch bị hất toàn bộ xuống lòng chảo Mường thanh. Cuộc tổng công kích của ta bắt đầu. Những cánh quân của ta từ các phía tới tập đánh vào chỉ huy sở của địch. Chiều ngày

(1) Lúc đầu địch rất coi thường trọng pháo và pháo cao xạ của ta. Nhưng sau những trận giao chiến đầu tiên, chúng hết sức hoảng sợ. Mấy hôm sau, tên quan nam chỉ huy trọng pháo địch ở Mường thanh đã tự sát.

7-5-1954, lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của quân ta phất cao trên nóc hầm tên tướng Đờ Catxtori. Đờ Catxtori bị bắt sống cùng toàn thể bộ tham mưu của nó. Bọn địch còn sống sót kéo cờ trắng lũ lượt ra hàng. Chiến dịch Điện biên phủ đại thắng.

8. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 và chiến thắng lịch sử Điện biên phủ.

Chiến thắng Điện biên phủ và chiến thắng Đông xuân 1953 — 1954 nói chung là chiến thắng lớn nhất, oanh liệt nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược có đế quốc Mỹ giúp sức.

Với những chiến thắng này, ta đã tiêu diệt một bộ phận rất quan trọng sinh lực của địch gồm 11 vạn 2 nghìn tên địch, và phá hủy rất nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại phần lớn mang nhãn hiệu Mỹ. Riêng tại chiến trường Điện biên phủ, ta đã giết và bắt sống 16.200 tên (trong số đó có 1 thiếu tướng, 16 quan nam, 1749 sĩ quan và hạ sĩ quan), bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại.

Ta đã giải phóng được những miền đất đai rộng lớn có tính chất quan trọng về chiến lược: khu vực Điện biên phủ và vùng xung quanh, toàn bộ tỉnh Kom-tum, phần lớn tỉnh Gia-lai (Tây nguyên); mở rộng khu căn cứ của ta trong các vùng sau lưng địch ở đồng bằng Bắc bộ, Bình Trị Thiên, Bắc Quảng nam, cực nam Trung bộ và Nam bộ. Quân và dân Lào cũng đã giành nhiều thắng lợi rất lớn: giải phóng toàn tỉnh Phong-xaly, một phần tỉnh Luang Prabang, phần lớn tỉnh Khăm muôn, cao nguyên Bô-lô-ven, nghĩa là 1/2 đất đai và dân số Lào.

Sau thất bại ở Điện biên phủ, tinh thần bọn chỉ huy và binh lính địch hoang mang đến cực độ, nguy binh tan rã và bỏ trốn từng mảng. Địch sợ bị tiêu diệt, vội vã rút chạy hàng loạt khỏi khu Chợ Bến (Hà đông), thị xã Việt trì, 4 tỉnh Hà nam, Nam định, Ninh bình, Thái bình, và căn cứ An Khê (Liên khu 5). Với thắng lợi vĩ đại Điện biên phủ và đông xuân 1953 — 1954 nói chung, ta đã làm cho kế hoạch phiêu lưu quân sự của Na-va cùng mọi mưu đồ chiến

lược diễn rõ của bọn đế quốc Pháp — Mỹ tan thành mây khói, góp phần quyết định vào thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 về vấn đề Đông dương.

Chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 và chiến thắng lịch sử Điện biên phủ là kết quả của sự phát huy đến cao độ tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn quân và toàn dân ta. Chiến sĩ Tô Vĩnh Diện lao mình vào bánh xe để chặn khẩu pháo đang lăn xuống dốc; chiến sĩ Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai; chiến sĩ Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng, và biết bao gương hy sinh dũng cảm khác tiêu biểu cho truyền thống vẻ vang của quân đội ta, một quân đội "trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Nhân dân ta, mà tuyệt đại đa số là nông dân, với truyền thống yêu nước nồng nàn, với khí thế cách mạng bừng bừng của cuộc "phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất" đã không từ một hy sinh nào về sức người sức của để góp phần tích cực nhất của mình vào chiến thắng.

Chiến thắng Điện biên phủ vĩ đại đã có ảnh hưởng quốc tế rộng lớn. Nó đã làm nức lòng nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Điện biên phủ đã trở nên niềm tự hào của các dân tộc bị áp bức, một tấm gương và một nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Á Phi, Mỹ la tinh đang tấn công vào hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Chiến thắng Điện biên phủ chứng minh một chân lý của thời đại là: "Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ, khi đã đoàn kết đứng dậy, theo một đường lối đúng đắn, kiên quyết chiến đấu cho độc lập và hòa bình thì có đầy đủ khả năng để chiến thắng quân đội xâm lược của bọn đế quốc thực dân hung hãn nhất. Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc thực dân nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công" (1).

Chiến thắng Điện biên phủ và chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung đã kết thúc thắng lợi toàn bộ cuộc kháng chiến

(1) Điện biên phủ: Võ Nguyên Giáp.

thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược bảo vệ được những thành quả vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, đồng thời đã đập tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược Đông dương của đế quốc Mỹ.

Với tất cả những ý nghĩa đó, Điện biên phủ lẫy lừng đã được ghi vào lịch sử nước ta như một Bạch đằng, một Đống đa trong thời đại mới, và được ghi vào lịch sử nhân loại như một chiến công hiển hách tiêu biểu cho sức mạnh vùng lên của các dân tộc bị áp bức trong thế kỷ 20 này.

CÂU HỎI

1. Kế hoạch Na-va ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục đích, nội dung của nó như thế nào? Tính chất phiêu lưu của nó thể hiện ở chỗ nào?
2. Chủ trương chiến lược của ta để đánh bại kế hoạch Na-va như thế nào? Tính chủ động, tích cực, linh hoạt của nó thể hiện ở chỗ nào? Chủ trương ấy đã được thực hiện và giành thắng lợi như thế nào trong thời kỳ đầu của chiến cuộc đông xuân? (trước khi mở cuộc tấn công đại quy mô vào Điện biên phủ).
3. Phân tích ý đồ chiến lược của địch trong việc xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ. Mục đích chiến lược của ta trong việc quyết định tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ?
4. Phân tích ý nghĩa lịch sử vĩ đại của chiến thắng Điện biên phủ và chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung.
5. Phân tích và chứng minh những nhân tố tạo nên thắng lợi Điện biên phủ.

ĐỌC THÊM

I. KHÔNG SÓT MỘT MỔNG (1)

... Tướng Đờ Cát ra lệnh ngừng bắn vào lúc 17 giờ 30 phút.

Từ 18 giờ 30, bộ binh của các sư đoàn số 312 và số 308 tràn vào khu trung tâm như nước vỡ bờ. Khoảng từ 17 giờ 30 đến 17 giờ 40, họ đã vào đến sở chỉ huy của tướng Đờ Cát và trưng cờ Việt minh trên nóc hầm. Hình như ở nhiều nơi trong căn cứ, lính người Phi cũng như lính người Âu, đã kéo cờ trắng ra hàng.

Nhưng bộ đội Việt nam cố bắt sống cho kỳ được tướng Đờ Cát. Câu chuyện do tướng Giáp kể lại chứng minh điều đó :

"... Tôi gọi điện thoại cho đồng chí Độ và đồng chí Thanh chỉ huy khu phía đông : có đúng là ta đã tóm được tướng Đờ Cát phải không? — tôi hỏi.

— Anh em bảo là đã tóm được nó rồi, thưa đồng chí.

Các đồng chí căn cứ vào cái gì mà biết đúng là nó?

Hai đồng chí Độ và Thanh không thể trả lời chính xác được. Tôi ra lệnh :

— Bằng mọi giá, phải bắt cho được Đờ Cát. Không để cho chúng đánh tráo một thằng nào khác vào. Kiểm tra giấy căn cước của nó và cấp hiệu của nó. Các đồng chí hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc này. Các đồng chí có ảnh của Đờ Cát không?

Hai đồng chí của tôi trả lời không. Tôi cho một cán bộ ở sở chỉ huy lấy xe gíp mang ảnh Đờ Cát đến...

Một lát sau, qua dây nói, đồng chí Thanh bảo đảm chắc chắn là đã bắt được tướng địch và cả ban tham mưu của tập đoàn cứ điểm. Bật được toàn bộ, không sót một tên nào, Đờ Cát vẫn đeo cấp hiệu, đã kiểm tra kỹ giấy tờ và căn cước của nó rồi.

(1) Trích cuốn *Tại sao Điện biên phủ?* của Pi-e Rô-côn (báo Nhân dân số ngày 27-3-1974).

Tôi cũng chưa tin hẳn.

— Các đồng chí đã tận mắt nhìn thấy Đờ Cát chưa?— tôi hỏi. Hiện giờ nó ở đâu?

Đồng chí Thanh cười vui vẻ, trả lời:

— Hiện giờ Đờ Cát đang đứng trước mặt tôi đây, thưa đồng chí, với tất cả ban tham mưu của Điện biên phủ. Hắn vẫn cầm cần và đội mũ chào mào đỏ đây!...

... Lúc đó, trong rừng Lào, trung tá Gô-đa chỉ huy đội quân đi thu nhặt theo kế hoạch tháo chạy "An-ba-tơ-rốt", được tin Điện biên phủ đã rơi vào tay địch, lập tức cho quân quay lui.

II. BÀI HỌC THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA ĐẠI TƯỚNG VÔ NGUYÊN GIÁP (Trích)

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội.

... Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội là một trong những nhân tố quyết định đã đưa chiến dịch Điện biên phủ, và nói chung cả chiến cuộc đông xuân trên khắp các mặt trận đến thắng lợi rực rỡ.

... Trên mặt trận Điện biên phủ, trong thời gian chuẩn bị, quân đội ta đã đem sức mạnh lao động sáng tạo mà mở đường tiếp tế từ Tuần giáo đến Điện biên phủ, làm đường xe hơi để chuyển pháo vào trận địa, xuyên qua rừng núi Điện biên phủ; xây dựng trận địa pháo binh, đào hào giao thông từ đồi núi đến cánh đồng, biến đổi địa hình thiên nhiên, san bằng những trở ngại rất lớn, sáng tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt quân địch. Khó khăn, mệt mỏi, bom đạn của địch không hề làm nao núng ý chí của quân ta.

Tiếng súng tấn công Điện biên phủ đã nổ. Trong suốt chiến dịch, quân ta đã chiến đấu với một tinh thần vô cùng oanh liệt. Dưới bom đạn của không quân địch, trong lưới lửa của pháo binh địch, quân ta đã anh dũng xung phong hãm trận, đánh chiếm đồi Him lam, đánh chiếm đồi Độc lập, ào ạt tiêu diệt địch trên các ngọn đồi phía đông, phát triển trận địa, cắt đứt sân bay, đánh lui các trận phản kích, thắt chặt mãi vòng vây lại. Trong suốt thời gian đó, bom na-pan của địch đã đốt sạch cây cỏ trên các ngọn đồi, bom đạn của địch đã cày sâu

nhiều mảnh ruộng ở ngay trận địa của ta. Nhưng quân ta vẫn tiến lên làm nhiệm vụ, người trước ngã kẻ sau tiếp, không khác nào một ngọn trào anh dũng dâng lên mãnh liệt, không một sức mạnh nào ngăn cản được. Đó là biểu hiện rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng tập thể mà Tổ Vinh Điện hy sinh tính mệnh bảo vệ pháo, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tổ xung phong cầm cờ Quyết chiến quyết thắng lên ngọn đồi Him lam, tiêu diệt xung phong đánh chiếm sở chỉ huy của địch, là những tấm gương chói lọi nhất và đáng kính phục nhất.

... Tinh thần quyết chiến quyết thắng nói trên của quân đội ta là do trung tâm thống nhất cường bất khuất của dân tộc ta, do bản chất cách mạng của quân đội ta, do sự dày công giáo dục của Đảng, do các cuộc chiến đấu và chỉnh huấn trước đây đã hun đúc nên. Giữa lúc chiến đấu gay go, không phải những nhân tố tiêu cực không này nọ. Giữ vững và phát huy tinh thần quyết chiến quyết thắng đó là cả một quá trình giáo dục và đấu tranh liên tục và kiên nhẫn...

Tinh thần phục vụ tiên tuyến của nhân dân.

Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định: toàn dân toàn Đảng tập trung toàn lực chỉ viện cho tiền tuyến, nhất định bảo đảm cho chiến dịch Điện biên phủ toàn thắng.

Từng đoàn xe hơi anh dũng đã vượt suối băng ngàn, có đồng chí lái xe hàng chục đêm liền không ngủ... Từng đoàn xe đạp thồ, hàng nghìn chiếc, từ các thị trấn tiến ra mặt trận... Từng đoàn thuyền lênh lênh, hàng trăm chiếc, từng đoàn bè mảng, hàng vạn chiếc, vượt thác qua ghềnh ra mặt trận... Từng đoàn ngựa thồ, từ trên vùng đồng bào Mông và Dao xuống, từ các địa phương ải, lũ lượt tiến ra mặt trận... Hàng vạn anh chị em dân công, thanh niên xung phong lấy sức người mà chuyển lương thực, đạn dược, ngày đêm trèo đèo lội suối, mặc máy bay địch, mặc bom nổ chậm...

Chưa bao giờ, người dân Việt nam đi ra mặt trận nhiều như vậy. Chưa bao giờ, người thanh niên ta đã đi đến nhiều nơi như vậy.

Quả thật, một hậu phương vững chắc là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong chiến tranh cách mạng...

(Bài viết cho báo Nhân dân, nhân dịp kỷ niệm bốn năm chiến thắng Điện biên phủ)

HỘI NGHỊ GIƠ-NE-VƠ VÀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

1. Việc triệu tập hội nghị Giơ-ne-vơ và diễn biến của Hội nghị.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Hồ Chủ tịch đã luôn luôn nêu rõ lập trường trước sau như một của nhân dân ta là sẵn sàng thương lượng để tìm một giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt nam trên cơ sở nước Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt nam. Nhưng bọn thực dân Pháp tưởng có thể dùng sức mạnh quân sự để đè bẹp ý chí giành độc lập của nhân dân ta, cho nên chúng vẫn ngoan cố tiếp tục chiến tranh. Cho mãi đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, khi tình thế thất bại của chúng trên chiến trường đã hiện ra trước mắt, đồng thời phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt nam lên mạnh, bọn chúng mới chịu thay đổi thái độ.

Tháng 1-1954, hội nghị ngoại trưởng 4 nước lớn (Liên xô, Mỹ, Anh, Pháp), họp tại Béc-lin đã thỏa thuận triệu tập một cuộc hội nghị quốc tế tại Giơ-ne-vơ để giải quyết vấn đề Triều tiên và bàn về việc lập lại hòa bình ở Đông dương. Đế quốc Mỹ với âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, đã tìm cách trì hoãn và phá hoại việc triệu tập hội nghị.

Mặc dầu vậy, đến ngày 26-4-1954, giữa lúc quân ta sắp bước vào đợt tiến công thứ ba để quyết định số phận quân địch ở Điện biên phủ thì Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông dương khai mạc.

Lúc đầu, đại biểu Pháp (Bi-đô) ngoan cố không chịu mời đại biểu Chính phủ ta tham gia hội nghị. Nhưng rồi, vì chúng sắp bị thất bại hoàn toàn ở Điện biên phủ, vì sự đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Pháp và của đại biểu các nước xã hội chủ nghĩa tại hội nghị, chúng buộc lòng phải nhượng bộ.

Ngày 4-5-1954, phái đoàn ta, do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu, đến Giơ-ne-vơ. Ngày 8, bắt đầu bàn về vấn đề Đông dương thì tin chiến thắng Điện biên phủ vang đến hội nghị. Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng nêu rõ lập trường căn bản của Chính phủ và nhân dân ta là hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ. Lập trường đó được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh, được phái đoàn Liên xô và Trung quốc tích cực ủng hộ. Trước tiếng nói chính nghĩa và lập luận sắc bén của ta, phe đế quốc trong Hội nghị không dám công khai bác bỏ, nhưng chúng vẫn đưa ra những đề nghị vô lý để phá cuộc đàm phán. Chúng ta đề nghị phải có đại biểu của các lực lượng kháng chiến Cam-pu-chia và Pa-thét Lào tham gia hội nghị. Bọn chúng ngoan cố không chịu. Chính phủ kháng chiến Lào và Chính phủ kháng chiến Cam-pu-chia tuyên bố hoàn toàn tán thành lập trường của phái đoàn ta và, trong khi chờ đợi có đại biểu ở hội nghị, hai chính phủ bạn xem phái đoàn ta như là đại diện chung. Chúng ta đòi phái giải quyết vấn đề Việt nam không tách rời vấn đề Cam-pu-chia và Lào.

Trong khi hội nghị đang bàn cãi gay go và đế quốc Mỹ đang tìm mọi cách phá hoại cuộc đàm phán thì ở Đông dương quân đội Pháp đang hốt hoảng rút chạy khỏi miền Nam đồng bằng Bắc bộ để khỏi bị tiêu diệt. Cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp đòi chấm dứt chiến tranh lên cao hơn lúc nào hết. Hàng trăm đoàn đại biểu nhân dân Pháp đến tận Giơ-ne-vơ tỏ tình đoàn kết với phái đoàn ta và đòi phái đoàn Pháp phải nghiêm chỉnh và thành thật đàm phán để nhanh chóng lập lại hòa bình ở Đông dương. Trước áp lực của nhân dân Pháp, chính phủ phản động La-ni-en đồ, Chính phủ Măng-đét Phơ-răng-xơ lên thay, phải nhận giải quyết hòa bình vấn đề Đông dương.

Đến ngày 21-7-1954, sau 75 ngày làm việc, Hội nghị Giơ-ne-vơ đã kết thúc thắng lợi.

2. Nội dung các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

Tại hội nghị, các văn bản sau đây đã được ký kết:

- Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt nam.
- Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào.

— Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Cam-pu-chia.

— Bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị.

Nội dung các văn bản ký kết trên (gọi chung là các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông dương) gồm 4 điểm chính như sau :

a) Các nước tham dự hội nghị tuyên bố công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia, và cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước đó.

b) Để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt nam, hai bên cùng thi hành ngừng bắn, tập kết chuyên quân, trao trả tù binh, đảm bảo không phân biệt đối xử và không được trả thù đối với những cá nhân hoặc tập thể đã cộng tác với một trong hai bên trong thời gian chiến tranh, hoặc với gia đình những người đó. Một giới tuyến quân sự tạm thời được đặt ra dọc theo sông Bến Hải (vĩ tuyến 17), cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến. *“Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là ranh giới về chính trị và lãnh thổ”* (Bản tuyên bố cuối cùng).

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ cấm việc đem vào các nước Đông dương quân đội, nhân viên quân sự nước ngoài, cấm các nước ngoài đặt căn cứ quân sự ở Đông dương, cấm các nước Đông dương gia nhập những khối liên minh quân sự và không được để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc để phục vụ cho mục đích xâm lược.

c) Riêng về Việt nam, một cuộc tổng tuyển cử thật sự tự do sẽ được tổ chức vào tháng 7-1956 ở hai miền để đặt cơ sở cho việc thống nhất nước Việt nam. Kể từ ngày 20-7-1955, các nhà đương cục có thẩm quyền ở hai miền sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.

Hiệp nghị cũng quy định rằng tất cả những người kế tiếp quyền lực của Pháp ở Nam Việt nam đều phải thi hành tất cả những điều khoản của Hiệp nghị.

d) Hiệp nghị quy định việc thành lập Ủy ban Liên hợp Việt — Pháp và Ủy ban Giám sát và kiểm soát quốc tế có nhiệm vụ đảm bảo thực hiện và kiểm tra sự thi hành các điều khoản của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

II. Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

Với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, hòa bình đã được lập lại ở Đông dương trên cơ sở công nhận, về mặt pháp lý quốc tế, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt nam, Cam-pu-chia và Lào.

Với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông dương của đế quốc Mỹ bị thất bại. Đó là một đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên toàn thế giới.

Đó là kết quả của cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ anh dũng của nhân dân Việt nam cũng như của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia trong 9 năm chống sự xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ là một sự cổ vũ to lớn đối với nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đang đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho họ càng thêm tin tưởng ở tiền đồ của cuộc đấu tranh giành độc lập của mình.

Đánh giá thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch nói :

“Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi về vanguard của nhân dân Việt nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.”

“Một lần nữa, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam kháng chiến cứu nước thành công, giữ gìn thành quả cách mạng của mình.”

CÂU HỎI

1. Tại sao thực dân Pháp phải chịu triệu tập hội nghị Giơ-ne-vơ và ký kết các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông dương ?

2. Ý nghĩa thắng lợi quan trọng nhất của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ là ở chỗ nào ?
3. Giải thích ý nghĩa câu nói ở cuối bài của Hồ Chủ tịch.
4. Tại sao đế quốc Mỹ luôn luôn có những hành động phá hoại trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ họp, trong hội nghị và sau khi các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã được ký kết ?

* *

ĐỌC THÊM

TỔNG HỢP THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG 8 NĂM TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (Từ 19-12-1946 đến 21-7-1954)

Tiêu diệt : 466.172 tên địch, trong đó có hàng mấy nghìn sĩ quan từ chuẩn úy đến trung tướng.

Thu : 255 cỗ đại bác các cỡ
130.415 súng các loại
504 xe các loại

Pháo : 344 cỗ đại bác các cỡ
435 máy bay các loại
603 tàu thủy ca-nô
337 đầu máy xe lửa
1.478 toa xe lửa

9.292 xe các loại và hàng chục vạn súng các loại, hàng vạn tấn bom đạn, hàng chục triệu lít xăng.

Riêng ở các mặt trận đồng bằng Bắc bộ, Lai châu, Bình Trị Thiên — Liên khu 5, Nam bộ (từ 1-12-1953 đến 10-5-1954).

Tiêu diệt : 112.000 tên, trong đó có nhiều sĩ quan từ quan một đến quan năm...

Thu : 19.000 súng các loại
34 xe các loại
260 tấn bom đạn
3 vạn lít xăng

Pháo : 81 cỗ đại bác
100 máy bay
93 tàu thủy, ca-nô
40 đầu máy xe lửa
250 toa xe lửa
1.462 xe các loại (trong đó có 102 xe tăng)
88 tấn bom đạn
12 triệu lít xăng.

*

BÀI 13

TỔNG KẾT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ 1945 — 1954

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa mới thành lập thì đã phải đứng trước muôn vàn khó khăn : thực dân Pháp bắt đầu xâm lược trở lại nước ta ở Nam bộ từ ngày 23-9-1945 ; nạn đói đe dọa nghiêm trọng, ngân quỹ Nhà nước trống rỗng ; hơn 95% nhân dân mù chữ ; 18 vạn quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch sang chiếm đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, đem theo cả một bọn Việt gian phản động đội lốt Việt nam quốc dân đảng và Cách mệnh đồng minh hội, định lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh, đưa bọn này lên nắm chính quyền ; từ vĩ tuyến 16 trở vào, mấy vạn quân Anh cùng quân Nhật giúp Pháp gây chiến tranh xâm lược ở Nam bộ.

• Nền độc lập vừa giành lại được như *• ngàn cân treo đầu sợi tóc •*.

Nhưng, nhờ tay lái hết sức tài tình của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, con thuyền quốc gia đã vượt qua các mòm đá và thác ghềnh một cách thắng lợi.

Chúng ta vừa đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam bộ vừa đấu tranh ngoại giao trên hai mặt trận chống Tưởng và chống Pháp để loại dần từng kẻ thù và để tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng.

Đến ngày 19-12-1946, khi thực dân Pháp đã lộ rõ bộ mặt tráco trở của nó, hiển ta không thể nhân nhượng được nữa, thì toàn dân ta, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến rất đúng đắn là *toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh*.

Với đường lối đó, cuộc kháng chiến của ta đã phát triển một cách vững chắc theo chiều hướng ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho địch, và về đại thể đã trải qua các giai đoạn như sau:

▲ **Giai đoạn thứ nhất (1946 — 1947)**: Sau một thời gian chiến đấu để tiêu hao và vây hãm địch trong các thành phố, quân và dân ta tiến hành cuộc rút lui có tính chất chiến lược ra khỏi các thành phố, về xây dựng căn cứ ở các vùng nông thôn và rừng núi rộng lớn, chuẩn bị lực lượng để kháng chiến lâu dài, đồng thời gây dựng cơ sở chiến tranh du kích ở các vùng tạm bị chiếm.

Thu đông 1947, địch mở cuộc tấn công qui mô lớn lên Việt bắc định tiêu diệt quân chủ lực và đầu não kháng chiến của ta, nhưng chúng đã thất bại thảm hại.

▲ **Giai đoạn thứ hai (1948 — 1953)**: Sau chiến thắng Việt bắc, cuộc chiến đấu giữa ta và địch bước sang giai đoạn giằng co. Địch cố gắng chiếm thêm đất đai, mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, Bình Trị Thiên, Liên khu 5... Nhưng chúng ngày càng gặp những mâu thuẫn lớn không sao giải quyết

được: mâu thuẫn giữa chiếm đất và giữ đất, giữa phân tán và tập trung lực lượng, giữa chiến lược *• đánh nhanh giải quyết nhanh •* và tình thế bắt buộc phải kéo dài chiến tranh. Để giải quyết phần nào những mâu thuẫn ấy, địch tăng cường chính sách *• lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt •*.

Về phía ta thì vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích ở sau lưng địch, vừa tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt: xây dựng dần các đơn vị bộ đội chủ lực tập trung, phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng, tăng gia sản xuất lương thực, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục phục vụ kháng chiến...

Từ cuối 1950, với chiến dịch Biên giới đại thắng, ta bắt đầu giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính, phát huy quyền chủ động ấy và liên tiếp giành thắng lợi ngày càng lớn trên các chiến trường từ Bắc bộ đến Bình Trị Thiên, Tây nguyên và Nam bộ (phối hợp với chiến thắng của quân và dân Lào anh em ở Thượng Lào). Địch ngày càng bị đẩy sâu vào thế bị động, và khốn đốn về mọi mặt.

▲ **Giai đoạn thứ ba (đông xuân 1953 — 1954 và Điện biên phủ)**: Do sự cấu kết chặt chẽ hơn giữa Pháp và Mỹ, hè 1953, Na-va được cử sang Đông dương với một kế hoạch quân sự rất táo bạo dự định kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Nhưng với chủ trương chiến lược rất đúng đắn của Trung ương Đảng và Chính phủ, bước vào thu đông 1953 — 1954, quân và dân ta đã chủ động mở liên tiếp nhiều chiến dịch tấn công vào những địa bàn chiến lược quan trọng và tương đối sơ hở của địch, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng và bị động đối phó khắp nơi. Và cuối cùng, ta đã mở cuộc đại tấn công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ, xương sống của kế hoạch Na-va.

Trong giai đoạn này, ta vừa đánh mạnh ở tiền tuyến vừa tiến hành phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất ở hậu phương, và chính cuộc vận động chống phong kiến này đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ đối với bộ đội ngoài tiền tuyến.

Chiến thắng đông xuân 1953 — 1954 nói chung và chiến thắng vĩ đại Điện biên phủ đã buộc thực dân Pháp, có đế quốc Mỹ giúp sức, phải đàm phán với Chính phủ ta ở hội nghị Giơ-ne-vơ, phải từ

bỏ âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, và cuối cùng đã phải ký các hiệp nghị Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông dương trên cơ sở công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt nam, Lào, Căm-pu-chia.

Như vậy là, trải qua 9 năm kháng chiến cực kỳ anh dũng, nhân dân ta đã đánh thắng một cách oanh liệt tên thực dân cáo già Pháp có tên đế quốc đầu sỏ Mỹ giúp sức, đã bảo vệ được và phát triển những thành quả vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là độc lập dân tộc và chính quyền dân chủ nhân dân.

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp thắng lợi, lại ghi thêm một trang chói lọi trong cuốn sử vàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam anh hùng.

**THỜI KỲ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC
DÂN CHỦ Ở MIỀN NAM
(1954 — 1965)**

thuongmaitruongxua.vn

TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU KHI HÒA BÌNH LẬP LẠI VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Cuộc đấu tranh để thực hiện hiệp nghị đình chiến. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Sau khi hiệp nghị đình chiến được ký kết, Chính phủ và nhân dân ta quyết làm đúng những điều khoản ghi trong hiệp nghị mặt khác chúng ta cũng đòi đối phương phải làm đúng những điều họ đã cam kết.

Đầu tiên chúng ta đã thi hành nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn và chuyển quân tập kết. Mặc dầu điều kiện chiến trường rất phức tạp, do hình thái chiến tranh "cài răng lược" để lại, tất cả các binh đoàn chủ lực cũng như bộ đội địa phương và dân quân du kích của ta đã ngừng bắn đúng ngày giờ quy định. Các lực lượng quân sự của ta ở miền Nam, tạm biệt gia đình, quê hương để tập kết ra Bắc.

Chúng ta cũng đã tiếp quản tất cả những khu vực chiếm đóng cũ của thực dân Pháp ở miền Bắc và tạm bàn giao những khu vực của ta ở miền Nam cho chúng. Ngày 6-10-1954 quân ta tiếp thu khu chu vi Hà nội. Ngày 10-10-1954 đại quân ta tiến vào thủ đô Hà nội giữa rừng cờ, biểu ngữ và tiếng hoan hô vang dậy của đồng bào đón mừng những người con ưu tú của Tổ quốc chiến thắng trở về. Tiếp đó quân ta lần lượt tiếp quản các thành phố và các khu vực khác.

Đồng bào ở các vùng mới giải phóng đã đấu tranh mạnh mẽ, ngăn chặn những hành động phá hoại của thực dân Pháp. Công nhân

đấu tranh không cho chúng tháo gỡ máy móc, di chuyển tài sản. Viên chức tìm cách giữ lại những thiết bị, tài liệu của các cơ quan, trường học, bệnh viện. Nông dân ở các vùng công giáo đấu tranh chống âm mưu dụ dỗ cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam. Đại đa số giáo dân được giải thích kiên trì, can đảm nên không mắc mưu địch, cương quyết ở lại với ruộng vườn, quê hương miền Bắc.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta, Chính phủ ta, dựa trên cơ sở pháp lý của hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã thắng những âm mưu đen tối, phản động của bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai.

Ngày 16-5-1955, theo đúng điều khoản ghi trong hiệp nghị đình chiến, những đơn vị cuối cùng của quân đội Pháp buộc phải rút khỏi Hải phòng và khu mỏ Hồng quang. Miền Bắc nước ta đã được hoàn toàn giải phóng.

Ở khắp nơi, nhân dân thoát khỏi ách áp bức của giặc đều biểu lộ một tinh thần hân hoan, phấn khởi không bờ bến. Đồng bào nhất là các em thiếu nhi quần quýt lấy anh bộ đội, đồng chí cán bộ. Tình hình chính trị và sinh hoạt ở các vùng mới giải phóng được nhanh chóng ổn định. Nhân dân bắt tay ngay vào xây dựng cuộc đời mới, trên một nửa đất nước hoàn toàn giải phóng.

2. Đế quốc Mỹ và bọn tay sai không ngừng phá hoại hiệp nghị Giơ-ne-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

Bị thất bại, không phá hoại được việc ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ vẫn không chịu từ bỏ âm mưu đen tối của chúng đối với nước ta và đối với Đông dương. Chúng tìm mọi cách để phá hoại việc thi hành hiệp nghị.

Ngày 23-7-1954, chỉ hai ngày sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, Đa-lét là bộ trưởng ngoại giao Mỹ lúc đó, đã tuyên bố: *“Từ nay về sau, vấn đề bức thiết không phải là than tiếc dĩ vãng, mà là lợi dụng thời cơ để việc thất thủ miền Bắc Việt nam không mở đường cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng ở Đông Nam Á và tây nam Thái bình dương”*. Tháng 9-1954 đế quốc Mỹ đã triệu tập hội nghị Ma-ni (Phi-líp-pin) để thành lập một khối liên minh quân sự xâm lược gọi là *“Khối phòng*

thủ Đông Nam Á”. gồm có Anh, Pháp, Phi-líp-pin, Thái lan... Khối này đã đặt miền Nam Việt nam vào khu vực *“bảo hộ”* của chúng một cách trái phép. *“Đó là một sự vi phạm trắng trợn vào hiệp nghị Giơ-ne-vơ, một sự xâm phạm vào độc lập và chủ quyền của Việt nam cũng như Miên, Lào, một sự đe dọa cho an ninh và hòa bình ở Đông Nam Á”*. (1).

Ở miền Nam Việt nam, đế quốc Mỹ có kế hoạch lần dần từng bước đi tới chỗ hất cẳng Pháp khỏi Việt nam và Đông dương. Trước hết chúng trực tiếp nắm lấy Ngô Đình Diệm (2), ra sức xây dựng chính quyền Ngô Đình Diệm thành một chính quyền độc tài, phát xít. Ngô Đình Diệm công nhiên tuyên bố truất quyền Quốc trưởng của Bảo Đại (tay sai của Pháp) và lên làm tổng thống ở miền Nam.

Theo lệnh quan thầy Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành một chính sách khủng bố tàn khốc tại Kim đôi (Thừa thiên) Cam lộ, Hương diên (Quảng trị) Chợ Đước, Duy xuyên (Quảng nam) Mỏ cày (Bến tre)... Trắng trợn hơn, chúng khăng khăng từ chối không chịu hiệp thương với Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa về việc tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt nam. Chúng công nhiên tuyên bố không có trách nhiệm thi hành hiệp nghị Giơ-ne-vơ và tự ý tổ chức tuyển cử riêng rẽ để bầu ra một *“quốc hội”* giả hiệu ở miền Nam.

Mặt khác, đế quốc Mỹ, dưới chiêu bài *“viện trợ”*, liên tiếp đưa nhiều cố vấn, huấn luyện viên quân sự và dụng cụ chiến tranh vào miền Nam, tăng cường lực lượng quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, gây chiến tranh tiêu diệt các giáo phái đối lập, khiêu khích ở khu giới tuyến tạm thời, hô hào *“Bắc tiến”*...

Tất cả những hành động trên đây của đế quốc Mỹ và tay sai đều trái với tinh thần hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đều nhằm âm mưu biến miền Nam Việt nam thành một căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài đất nước ta.

(1) Lời tuyên bố của Bộ Ngoại giao nước Việt nam dân chủ cộng hòa năm 1954.

(2) Ngô Đình Diệm là quan lại cũ, thượng thư của triều đình bù nhìn Huế thời thuộc Pháp, sau bỏ Pháp theo Nhật năm 1948 bí mật liên hệ với Mỹ và ít lâu sau được đưa sang Mỹ, được Cục tình báo trung ương Mỹ nuôi dưỡng, dạy dỗ, đào tạo thành tay sai đắc lực cho Mỹ.

3. Nhiệm vụ cách mạng Việt nam trong thời kỳ mới.

Sau khi hòa bình lập lại tình hình nước ta có nhiều thay đổi lớn. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, trong khi đó chính quyền của đế quốc và phong kiến vẫn tồn tại ở miền Nam.

Vì vậy Cách mạng ở mỗi miền nước ta có những nhiệm vụ chiến lược khác nhau, thích hợp với điều kiện của từng miền, nhưng phối hợp chặt chẽ với nhau.

Miền Bắc sau khi hoàn thành nhiệm vụ phản đế và tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ phản phong, phải chuyển lên làm Cách mạng xã hội chủ nghĩa, không thể trì hoãn, không thể chờ thống nhất nước nhà. Phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc có đời sống ấm no, hạnh phúc, biến miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

Miền Nam thì vẫn phải tiếp tục sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đại biểu cho bọn địa chủ và tư sản mại bản thân Mỹ, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Miền Bắc càng tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng các mặt càng củng cố thì càng làm cho hậu phương lớn thêm vững mạnh làm cho lực lượng so sánh địch ta trong phạm vi cả nước nghiêng về phía cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và giành thắng lợi cuối cùng. Ngược lại mỗi bước tiến của Cách mạng miền Nam không những chỉ thực hiện nhiệm vụ chiến lược của mình mà còn góp phần tích cực bảo vệ, thúc đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng ở hai miền, nhiệm vụ chung của cách mạng Việt nam sau khi hòa bình lập lại là : Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

CÂU HỎI

1. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với Cách mạng cả nước ta ?
2. Bọn Mỹ — Diệm đã có những âm mưu gì để chia cắt lâu dài đất nước ta ?
3. Tại sao nhiệm vụ cách mạng ở hai miền lại khác nhau ? Hai nhiệm vụ đó quan hệ với nhau như thế nào ?



BÀI 15

MIỀN BẮC BƯỚC SANG THỜI KỲ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954 — 1965)

MIỀN BẮC TRONG THỜI KỲ KHÔI PHỤC CẢI TẠO
VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA THEO PHƯƠNG HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1954 — 1960)

1. Kinh tế miền Bắc sau khi hòa bình lập lại.

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã có những điều kiện cần thiết để chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lúc đó, ta có nhiều khó khăn, nhưng ta cũng có những thuận lợi rất cơ bản.

Khó khăn lớn nhất là nền kinh tế của ta đã hết sức lạc hậu, lại bị tàn phá nặng nề sau 15 năm chiến tranh. Ở vùng nông thôn mới giải phóng nạn thiếu đói đe dọa nghiêm trọng, diện tích ruộng đất bị bỏ hoang khá lớn, nhiều nơi còn chằng chịt những lô cốt, mìn và dây

thép gai; hệ thống nông giang bị phá hủy, trâu bò bị giết hại, nông cụ thì thiếu thốn, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu. Các thành thị mới tiếp quản còn mang nặng tính chất buôn bán, chuyên tiêu thụ hàng xa xỉ của nước ngoài, cơ sở sản xuất chỉ chiếm rất ít. Một số xí nghiệp, nhà máy bị địch phá hoại trước khi rút đi, không hoạt động được nữa hoặc chỉ hoạt động cầm chừng. Nạn thất nghiệp còn xảy ra ở nhiều nơi.

Ở vùng tự do cũ, tuy nông nghiệp và công nghiệp có phát triển nhưng quy mô vẫn nhỏ bé, kỹ thuật còn lạc hậu, năng suất lao động thấp. Cải cách ruộng đất mới tiến hành ở một số nơi, ruộng đất còn nằm trong tay giai cấp địa chủ phong kiến. Đất nước ta còn tạm bị chia làm hai miền.

Tuy khó khăn rất nhiều, nhưng thuận lợi của ta rất lớn, rất cơ bản.

Chúng ta có Đảng, có chính quyền cách mạng vững mạnh. Ngày 1-1-1955, trong không khí đạt dào niềm vui chiến thắng, trên quảng trường Ba đình lịch sử, nhân dân ta tập trung hàng chục vạn người sung sướng đón chào Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ trở về thủ đô sau những năm kháng chiến gian khổ, anh dũng.

Nhân dân khắp miền Bắc phấn khởi, đoàn kết, yêu nước, cần cù lao động. Tài nguyên của ta thì phong phú. Chúng ta lại được các nước xã hội chủ nghĩa anh em hết lòng giúp đỡ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nhân dân ta ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn để xây dựng cuộc sống mới đầy triển vọng tốt đẹp.

2. Hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế (1955 — 1957).

Hòa bình lập lại, công tác Cải cách ruộng đất được mở rộng và trở thành một công tác trung tâm của nhiệm vụ củng cố miền Bắc. Trong hai năm 1955—1956, chúng ta đã tiến hành 5 đợt cải cách ruộng đất trên khắp miền Bắc và đã thu được những kết quả to lớn: trên 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 2 triệu nông cụ lấy từ tay giai cấp địa chủ đem chia hẳn cho hơn 2 triệu hộ nông dân lao động. Chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất đã được xóa bỏ vĩnh

viễn. Điều mơ ước hàng ngàn năm của nông dân và khẩu hiệu «người cày có ruộng» do Đảng ta đề ra hàng chục năm nay đã được thực hiện trên một nửa đất nước. Giai cấp nông dân thật sự được đưa lên địa vị làm chủ nông thôn, hăng hái tham gia sản xuất. Khối liên minh công nông càng củng cố thêm vững chắc. Trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất chúng ta có phạm một số sai lầm nhưng đã kịp thời phát hiện và kiên quyết sửa chữa.

Song song với cuộc vận động cải cách ruộng đất, chúng ta bắt tay ngay vào việc khôi phục kinh tế.

Về nông nghiệp, hầu hết các ruộng đất bỏ hoang đã được phục hồi. Các hệ thống thủy nông và đê điều được sửa chữa, bồi đắp (1). Công việc chống hạn, lụt, úng, cải tiến kỹ thuật được thường xuyên đẩy mạnh. Việc trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, đánh cá, khai thác gỗ đều được gây dựng lại. Phong trào đòi công, hợp tác bước đầu phát triển (2). Nhờ những cố gắng trên mà đến cuối 1957, tổng sản lượng nông nghiệp đã vượt mức trước chiến tranh (1957: 4.000.000 tấn so với 1939: 2.407.000 tấn). Nạn thiếu đói ở miền Bắc đã được căn bản giải quyết, điều mà bọn thực dân Pháp trước đó cho là không thể thực hiện được.

Về công nghiệp, chúng ta đã phục hồi và mở rộng hơn 10 xí nghiệp ở vùng mới giải phóng (nhà than Hồng gai, nhà máy xi măng Hải phòng, nhà máy dệt Nam định...) duy trì và củng cố 18 xí nghiệp ở vùng kháng chiến, đồng thời xây dựng thêm hàng chục xí nghiệp mới (nhà máy cơ khí Hà nội, nhà máy chè Phú thọ, nhà máy diêm Thống nhất, nhà máy cá hộp Hải phòng...). Đến cuối năm 1957 chúng ta đã có tất cả 97 xí nghiệp tương đối lớn do Nhà nước quản lý.

Bên cạnh nông nghiệp quốc doanh, thủ công nghiệp, và tiểu công nghiệp tư nhân cũng được khuyến khích phát triển theo phương

(1) Đến đầu 1957 khai thác được 125.000 ha ruộng hoang, sửa chữa được 12 hệ thống thủy nông (đập Bái thượng, đập Đồ lương, đập Thác hương...), củng cố được 3.500 km đê điều.

(2) Đến tháng 12-1957 miền Bắc có 5.961 tổ đòi công (30% nông hộ), gần 50 cơ sở hợp tác xã nông nghiệp và một số nông trường quốc doanh, nông trường quân đội.

hướng có lợi cho quốc kế dân sinh. Nhà nước còn giúp đỡ, hướng dẫn họ đặt kế hoạch sản xuất, phân phối nguyên liệu vật liệu, gia công đặt hàng, thu mua sản phẩm v. v. . .

Về giao thông, ta đã xây dựng lại gần 700 km đường sắt bị phá hoại trong kháng chiến, sửa chữa làm mới 233 cầu sắt lớn nhỏ và hàng nghìn ki-lô-mét đường bộ. Các cảng Hải phòng, Hồng gai, Cẩm phả, Bến thủy được mở lại có thể đưa vào bến các loại tàu 1.000 tấn, 10.000 tấn.

Về thương nghiệp, mậu dịch quốc doanh trên đã phát triển mạnh, giữ vai trò lãnh đạo thị trường trong nước. Hợp tác xã mua bán đang bắt đầu xây dựng ở khắp nơi trong nước nên giá cả được ổn định dần, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Tính đến cuối 1957, tổng sản lượng công nghiệp, nông nghiệp đã xấp xỉ mức 1939.

3. Kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa (1958 — 1960).

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, đáng chú ý nhất là ta đã xóa bỏ được chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, phong kiến và bước đầu phát triển được thành phần kinh tế quốc doanh, trong công nghiệp cũng như trong thương nghiệp. Song, nền kinh tế miền Bắc nước ta vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp còn nhỏ bé, thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và tiểu thương, tiểu chủ còn rất lớn. Do đó, Nhà nước ta đã đề ra kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa quy mô lớn để đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện kế hoạch đó, từ năm 1958, khắp miền Bắc đã triển khai một cuộc vận động rộng lớn đưa hàng triệu nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Đến cuối năm 1960, ta đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp: 85% tổng số nông hộ, 76% diện tích ruộng đất đã được hợp tác hóa, trong đó 14,5% số nông hộ đã vào hợp tác xã bậc cao; 75% tổng số hộ ngư dân và 77% hộ làm muối cũng đã tham gia hợp tác xã.

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã phát triển nhanh, gọn, lành mạnh. Cuộc vận động đó đã kịp thời phát huy những

thành quả của cải cách ruộng đất. Những người nông dân trong hợp tác xã rõ ràng có thêm lực lượng để tăng vụ, khai hoang làm phân bón, làm thủy nông, cải tiến nông cụ, áp dụng kỹ thuật mới. Nhờ đó sản xuất phát triển mạnh, năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh. Vụ mùa 1959 đã giành được thắng lợi lớn, bình quân mỗi hecta đạt 24 tạ thóc (1). Các ngành trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá... cũng đều phát triển. Nội bộ nông dân tương trợ, đoàn kết tốt hơn. Đời sống văn hóa và vật chất của xã viên được cải thiện, bộ mặt nông thôn dần dần đổi mới. Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử đối với nền nông nghiệp nước ta.

Đối với thợ thủ công, ta cũng tổ chức họ vào các hợp tác xã thủ công nghiệp. Cuối năm 1960, 67% tổng số lao động thủ công đã vào hợp tác xã hoặc xưởng thủ công của mậu dịch quốc doanh.

Đối với giai cấp tư sản dân tộc, ta chủ trương tiến hành cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình: về kinh tế Nhà nước không tịch thu tư liệu sản xuất của nhà tư sản mà dùng chính sách chuộc lại; về chính trị vẫn coi nhà tư sản là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam; giáo dục họ tự nguyện cải tạo thành người lao động. Đến cuối năm 1960, 100% số hộ tư sản công nghiệp, 98% số hộ tư sản thương nghiệp và 99% phương tiện vận tải cơ giới thuộc diện cải tạo đã vào công tư hợp doanh, đi theo chủ nghĩa xã hội.

Đối với những người buôn bán nhỏ thì vận động họ từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể; đi vào sản xuất công, nông nghiệp hoặc trở thành người bán hàng cho mậu dịch.

Đồng thời với kế hoạch cải tạo kinh tế, việc xây dựng và phát triển thành phần quốc doanh trong nền kinh tế quốc dân được đặc biệt coi trọng. Năm 1957 chúng ta mới có 97 xí nghiệp quốc doanh, năm 1960 ta đã có 172 xí nghiệp quốc doanh do Trung ương quản lý và trên 500 cơ sở công nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý (2).

(1) Sản lượng lúa năm 1959 của miền Bắc là 5.193.000 tấn, trong khi ấy ở miền Nam, ruộng đất phì nhiêu hơn nhưng vì bỏ hoang nhiều nên chỉ thu hoạch được có 3.000.000 tấn.

(2) Cuối năm 1960, công nghiệp quốc doanh chiếm 49,5% tổng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp. Thương nghiệp quốc doanh chiếm 91,5% tổng số mức bán lẻ.

Do kết quả của việc cải tạo và phát triển kinh tế, đời sống nhân dân đã dần dần được cải thiện. Văn hóa, giáo dục, y tế đều phát triển mạnh. Nạn mù chữ ở miền xuôi đã được xóa bỏ về căn bản. Số học sinh phổ thông tăng nhanh. Ta đã mở được 9 trường đại học với 11.070 sinh viên. Ở thành thị và cả nông thôn đều có câu lạc bộ, phòng đọc sách, bãi chiếu bóng, bệnh viện. Nhà nước dân chủ nhân dân trong thời kỳ này đã được tăng cường, Quốc hội khóa II, hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp được bầu cử lại. Đề đảm bảo quyền dân chủ và quyền bình đẳng dân tộc, Chính phủ đã thành lập khu tự trị Thái Mèo (1) và khu tự trị Việt bắc. Từ tháng 9-1955, Mặt trận Tổ quốc Việt nam được thành lập làm cơ sở vững chắc cho chính quyền.

Thắng lợi có tính chất quyết định của kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hóa là đã xác lập được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa xóa bỏ được về cơ bản chế độ người bóc lột người trên miền Bắc, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa đã chiếm ưu thế trong nền kinh tế quốc dân.

Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử trên đây đã được phản ánh và khẳng định trong bản Hiến pháp thứ hai của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, được Quốc hội thông qua ngày 31-12-1959.

II

MIỀN BẮC TRONG THỜI KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 — 1965)

4. Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng Lao động Việt nam và đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

Tháng 9-1960 Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp ở thủ đô Hà nội để bàn về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đại hội đã

(1) Nay đổi lại là khu tự trị Tây bắc.

phân tích ba đặc điểm của miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó đặc điểm chủ yếu nhất là: Miền Bắc từ một nền sản xuất nhỏ lạc hậu phân tán đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (1).

Trên cơ sở phân tích đặc điểm Đại hội đã xác định nhiệm vụ, trung tâm của cả thời kỳ quá độ là phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và kỹ thuật khoa học tiên tiến làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đại hội cũng đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965): "Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa." (học)

Sau Đại hội, Trung ương Đảng đã xác định rõ: quá trình thực hiện Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là quá trình tổng hợp của ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt.

"Trong thời gian đầu, khoảng 10 năm (kể từ năm 1961) chúng ta phải phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến căn bản trong nền kinh tế quốc dân, tiến hành trang bị cơ khí và nửa cơ khí một cách phổ biến, xóa bỏ tình trạng thủ công lạc hậu và tình trạng không cân đối nghiêm trọng hiện nay trong nền kinh tế, bảo đảm cho công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển cân đối, nhịp nhàng, mạnh mẽ nhằm giải quyết một cách căn bản những nhu cầu thông thường của

(1) Hai đặc điểm nữa là: Miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh trên thế giới có phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh về mọi mặt và trong nước thì còn tạm chia làm hai miền.

nhân dân về ăn, mặc, ở, học tập, bảo vệ sức khỏe; đồng thời chuẩn bị mọi mặt về vật chất, kỹ thuật, cán bộ, công nhân... để tiếp tục phát triển kinh tế toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc (1).

5. Những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965).

Xuất phát từ tình hình thực tế miền Bắc sau ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, phát triển văn hóa và căn cứ vào đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc, Nhà nước ta đã đề ra những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là :

Dự định sẽ đưa giá trị sản lượng công nghiệp, và thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng trên 17% ; giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng 6,5%. Số vốn đầu tư trong kế hoạch 5 năm thứ nhất sẽ gần gấp đôi số vốn đã đầu tư trong 5 năm từ 1956 — 1960, trong đó dành khoảng 86% cho những công trình có tính chất sản xuất và 14% dành cho những công trình giáo dục, văn hóa, y tế và các công trình khác. Trên cơ sở phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động, đời sống của nhân dân lao động sẽ được nâng cao thêm một bước. Thu nhập thực tế của công nhân, viên chức sẽ tăng lên nhờ tổ chức tốt hơn việc cung cấp lương thực và thực phẩm, ổn định giá cả, tăng cường hơn nữa các tổ chức phúc lợi. Trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch nông nghiệp, đời sống của nông dân năm 1965 sẽ được nâng lên ngang mức sống của trung nông lớp trên trước đây. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề sẽ không ngừng lớn mạnh. Đến năm 1965 dự kiến chúng ta sẽ có khoảng gần 3 vạn cán bộ tốt nghiệp đại học, trên 12 vạn cán bộ trung cấp kỹ thuật và trên 30 vạn công nhân biết nghề.

Khu vực kinh tế quốc doanh phát triển với tốc độ nhanh, sẽ ngày càng nâng cao ưu thế và củng cố vai trò lãnh đạo nền kinh tế quốc doanh. Cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và đẩy cao phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp, trong thủ công nghiệp sẽ làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố và ngày càng hoàn thiện hơn.

(1) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 về nhiệm vụ và phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp.

6. Việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Để thực hiện mục tiêu trên đây, nhân dân ta đã khắc phục rất nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa và do nền kinh tế quá nghèo nàn, lạc hậu của nước ta gây ra để tiến lên từng bước vững chắc. Toàn miền Bắc đã đẩy lên một cao trào thi đua sôi nổi, điển hình là phong trào thi đua « Ba nhất » trong quân đội, « Đại phong » trong nông nghiệp, « Duyên hải » trong công nghiệp, « Thành công » trong thủ công nghiệp, « Bắc lý » trong giáo dục (1) và nhất là phong trào thi đua đạt danh hiệu tổ và đội lao động xã hội chủ nghĩa. Qua những phong trào thi đua rộng lớn, tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta được phát huy mạnh mẽ.

Về nông nghiệp chúng ta đã tiến hành củng cố các hợp tác xã tiếp tục mở rộng quy mô để chuyển các hợp tác xã lên bậc cao, thông qua cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nhằm hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới. Tính đến cuối năm 1965, 80% số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao. Thủy lợi đã được coi là biện pháp cải tiến kỹ thuật hàng đầu nhằm phát triển nông nghiệp. Nhiều công trình thủy lợi do Nhà nước xây dựng cùng với hàng vạn trạm bơm điện, bơm dầu, với những đập nước và hệ thống kênh mương đã hình thành một mạng lưới thủy lợi rộng lớn tưới và tiêu nước cho phần lớn diện tích gieo trồng. Các cơ sở vật chất của hợp tác xã (nhà kho, sân phơi, trại chăn nuôi, trạm kỹ thuật, trạm xử lý giống...) ngày càng nhiều. Tính đến cuối năm 1965, hơn 1.000 hợp tác xã đã được trang bị máy móc nhỏ. Nhiều nông trường quốc doanh với trang bị kỹ thuật hiện đại bắt đầu được xây dựng.

Nhờ củng cố quan hệ sản xuất mới kết hợp với tăng cường cơ sở vật chất và cải tiến kỹ thuật nên mục tiêu phấn đấu đạt 5 tấn lúa trên một héc-ta gieo trồng trong một năm đã bắt đầu trở thành hiện thực. Cuối năm 1965 gần 700 hợp tác xã đã đạt hoặc vượt năng

(1) « Ba nhất » : đạt thành tích nhiều nhất, đều nhất, giỏi nhất.

« Đại phong » tên một hợp tác xã ở xã Phong thủy, huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng bình.

« Duyên hải » tên một nhà máy cơ khí ở Hải phòng.

« Thành công » tên một hợp tác xã thủ công nghiệp ở Thanh hóa.

« Bắc lý » tên một trường phổ thông cấp II ở huyện Lý nhân, tỉnh Nam hà.

suất 5 tấn lúa một hecta. Năm 1964 khối lượng lương thực đạt 6.075.000 tấn. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp so với năm 1963 tăng 6,7%.

Về công nghiệp nhiều xí nghiệp công nghiệp nặng với quy mô tương đối lớn, trang bị hiện đại đã được xây dựng. Khu gang thép đầu tiên của nước ta xây dựng ở Thái nguyên. Tháng 1-1964 nhà máy nhiệt điện Uông bí đi vào sản xuất. Tháng 8-1964 khởi công xây dựng công trình thủy điện Thác Bà... Hàng loạt nhà máy thuộc ngành công nghiệp nhẹ ra đời: nhà máy giấy, nhà máy miến — mỳ chính Việt Trì, nhà máy sứ Hải dương. Các nhà máy đường Vạn điểm, sông Lam, nhà máy pin Văn điện, nhà máy dệt kim Đông xuân, nhà máy dệt 8/3... đã sản xuất tới 80% hàng tiêu dùng trong nước với 12.000 mặt hàng khác nhau. Một mạng lưới công nghiệp địa phương đã được hình thành. Giao thông vận tải, thương nghiệp đều có những bước tiến quan trọng.

Đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng không ngừng được cải thiện. Đến năm 1965, hầu hết nhân dân miền Bắc đều đã biết đọc, biết viết. Số học sinh phổ thông tăng gấp 3 lần rưỡi so với hồi hòa bình lập lại. Số học sinh đại học và trung học chuyên nghiệp tăng gấp 25 lần (1). Một số dân tộc ít người đã có chữ viết riêng của mình. Nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội được ngăn chặn; sức khỏe của nhân dân được nâng cao. Nền văn học, nghệ thuật với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Ngày 27-3-1964, tại Hội nghị chính trị đặc biệt, Hồ Chủ tịch nói: *‘Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới’.*

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện có kết quả thì tháng 2-1965 đế quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt trên quy mô lớn bằng không quân và hải quân chống nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Từ đó, miền Bắc thực hiện một cuộc chuyển hướng toàn diện trong việc phát triển kinh tế và văn hóa, kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(1) Năm học 1964 — 1965 có 2.676.000 học sinh phổ thông và 27.400 sinh viên đại học.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mặc dầu có bị ảnh hưởng vì chiến tranh, song, vẫn căn bản hoàn thành. *‘Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt-nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh’* (1).

CÂU HỎI

1. Cải cách ruộng đất hoàn thành thắng lợi đã có ảnh hưởng tích cực gì đến công cuộc xây dựng miền Bắc sau hòa bình lập lại.
2. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được những thắng lợi to lớn như thế nào? Tại sao phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển nhanh mạnh?
3. Việc thực hiện kế hoạch 3 năm (1958 — 1960) đã tạo nên những biến chuyển gì trong cơ cấu kinh tế, xã hội của miền Bắc?
4. Đặc điểm chủ yếu nhất của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa là gì? Từ đặc điểm đó phân tích rõ chúng ta phải khắc phục những khó khăn gì để tiến lên xã hội chủ nghĩa? Tại sao chúng ta có thể khắc phục được những khó khăn trên?
5. Bộ mặt miền Bắc sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất có những biến đổi mới như thế nào?

* *

ĐỌC THÊM

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC CẢI THIỆN

Đời sống vật chất của nông dân, mặc dù năm 1960 bị mất mùa, vẫn được cải thiện rõ rệt trong năm 1961, 1962. Mức chênh lệch về thu nhập giữa trung nông và bán nông đã thu hẹp lại một cách rõ rệt, và đã có khoảng 30% số hộ bán nông thu nhập ngang trung nông hoặc trung nông lớp trên. Nhìn chung trong nông dân, 25% số hộ có mức sống khá, 56% số hộ có mức sống trung bình.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, tháng 12-1965.

Một điều đáng chú ý là nhiều mặt sinh hoạt ở nông thôn đã có sự chuyển biến tốt. Về nhà ở tại nhiều tỉnh, khoảng 20% số hộ nông dân đã có nhà ngói. Đời sống vật chất như ăn, mặc, đồ dùng trong nhà được cải thiện dần dần. Người nông dân xã viên ngày nay có đời sống văn hóa mà thời trước không có được như xem chiếu bóng, đọc sách báo, tiêm phòng dịch. Nhiều người có con học trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc trường đại học...

Ngày nay, con em nông dân lao động chiếm 7,3% tổng số cán bộ kỹ thuật cao cấp, 24,7% tổng số cán bộ kỹ thuật trung cấp, 46,2% tổng số sinh viên đại học và 76% tổng số học sinh các trường kỹ thuật trung cấp.

Đời sống của đồng bào miền núi đã được cải thiện rõ rệt về mọi mặt. Ở nhiều nơi sự cải thiện rõ hơn ở miền xuôi.

Đối với công nhân viên chức, cũng như đối với nhân dân thành thị nói chung, phương hướng chủ yếu để nâng cao đời sống là thu xếp công ăn việc làm cho những người đến tuổi lao động. Trong vòng 5 năm qua (1958 — 1962) tổng số người được sắp xếp công việc là hơn 30 vạn, do đó gánh nặng gia đình của công nhân, viên chức tính trung bình đã giảm bớt một phần. Ngoài ra, Nhà nước còn lần lượt thi hành nhiều biện pháp để nâng cao thu nhập của công nhân, viên chức như tăng lương (1958 và 1960) thi hành lương sản phẩm, nâng cấp, nâng bậc lương, chế độ tiền thưởng, chế độ bồi dưỡng, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ phúc lợi tập thể. Trong năm 1962, số tiền Nhà nước chi về xây dựng nhà ở, phụ cấp bảo hiểm, trợ cấp khó khăn, xây dựng vườn trẻ... là 91 triệu đồng.

(Trích báo cáo của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trình bày trước kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa II, ngày 29-4-1963).



MIỀN NAM TIẾP TỤC CUỘC CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1954 — 1965)

I

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM TỪ 1954 ĐẾN 1960

1. Âm mưu của đế quốc Mỹ biến miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng.

Từ lâu, đế quốc Mỹ đã cố tình đeo đuổi âm mưu can thiệp và xâm lược nước ta, hòng thực hiện kế hoạch bành trướng và thống trị của chúng ở cả vùng Đông Nam Á. Âm mưu của chúng cực kỳ độc ác, rất xảo quyệt, rất trắng trợn, với những thủ đoạn và phương pháp mới của chủ nghĩa thực dân mới.

Ngay từ khi chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, khi thực dân Pháp còn yếu thế, dưới chiêu bài «chống chủ nghĩa thực dân», ủng hộ quyền dân tộc tự quyết, đế quốc Mỹ đã muốn đặt Việt nam dưới một «chế độ ủy trị quốc tế» trong 40 năm trực thuộc Mỹ và Tưởng, thay cho chế độ thuộc địa cũ của Pháp.

Đến lúc nhân dân ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làm cho Pháp bị sa lầy nghiêm trọng thì đế quốc Mỹ dùng thủ đoạn «viện trợ» trực tiếp cấu kết với thực dân Pháp dựng lên một thứ liên minh quân sự kiểu mới. Những năm 1951 — 1954, viện trợ của Mỹ lên tới 2.600 triệu đô la, chiếm 75% ngân sách chiến tranh Đông dương, còn bọn Pháp và bọn bù nhìn Việt thì biến thành «đội quân đánh thuê» để thực hiện cái gọi là «phòng thủ chung», «bảo vệ an ninh của thế giới tự do». Trường đoàn viện trợ quân sự Mỹ đã thực sự duyệt các kế hoạch chiến tranh và xen cả vào việc định kế hoạch tác chiến của lực lượng liên hiệp Pháp. Bước can thiệp bằng «viện trợ» của Mỹ làm cho cuộc chiến tranh kéo dài thêm, gây thêm tổn thất về người và của cho nhân dân Việt nam và nhân dân Pháp.

Tháng 9-1954, sau khi không phá hoại được Hội nghị Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ trắng trợn lập khối xâm lược Đông Nam Á, đặt miền Nam Việt nam dưới sự bảo hộ của khối đó. Mặt khác, đế quốc Mỹ đã ra mặt hất cẳng Pháp, trực tiếp can thiệp và xâm lược toàn diện miền Nam Việt nam thông qua tên tay sai đắc lực của chúng là Ngô Đình Diệm.

Về chính trị, đế quốc Mỹ bày mưu tính kế cho Diệm đưa ra cái chính sách gọi là *đả thực, bài phong, diệt cộng*. Thực chất của chính sách *đả thực* là nhằm, một mặt để lừa bịp nhân dân, một mặt để dựa vào đó truất quyền của Pháp, đòi quân đội Pháp rút khỏi miền Nam, nhường lại quyền thống trị miền Nam cho đế quốc Mỹ. Thực chất của chính sách *bài phong* là cướp lại ruộng đất của nông dân đã giành được trong kháng chiến, khôi phục và duy trì quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ. Còn chính sách *diệt cộng* là nhằm đàn áp, khủng bố man rợ đối với những người yêu hòa bình, thiết tha với sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, là bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân. Mỹ — Diệm đã ra sức phá hoại có hệ thống Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, chống lại hiệp thương bằng tổng tuyển cử thống nhất Việt nam, tự động tuyên cử gian lận, triệu tập *quốc hội* giả hiệu, lập ra *nước Việt nam cộng hòa* trái phép do Diệm làm tổng thống. Đại sứ quán Mỹ và hệ thống *cố vấn* Mỹ dày đặc (1) trong mọi ngành, mọi mặt từ trên xuống dưới, dùng quyền lực của đồng đô-la chi phối toàn bộ vùng tạm kiểm soát của chúng ở miền Nam Việt nam. Vì vậy, tháng 5-1957, Ngô Đình Diệm sang Mỹ đã khúm núm tuyên bố một câu rất phản động: *Biên giới Hoa kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17* !

Về quân sự, đế quốc Mỹ xây dựng cho chính quyền Diệm có một đội quân mạnh, đủ sức đàn áp nhân dân miền Nam, tấn công miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa. Trưởng phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ trực tiếp nắm việc tổ chức và huấn luyện nguy quân. Quỹ viện trợ quân sự của Mỹ chiếm 80% ngân sách quốc phòng của Diệm. Từ 1955 đến 1960, có 800 tàu biển của Mỹ chở các loại vũ khí và các phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Mỹ đã biến những tiểu đoàn nguy quân trong lực lượng liên hiệp Pháp do sĩ quan Pháp

(1) MAAG về quân sự, USOM về kinh tế, USU về chính trị...

chỉ huy thành một đội quân gồm có 150.000 quân chính quy (10 sư đoàn), 160.000 bảo an, 100.000 dân vệ, 115.000 quân dự bị và 45.000 cảnh sát vũ trang. Mỹ đã đưa nhân viên quân sự trái phép vào miền Nam dưới hình thức *cố vấn* từ 200 người (1955) lên đến 2.000 người (1960). Cố vấn quân sự Mỹ nắm nguy quân tới đơn vị tiểu đoàn. Đế quốc Mỹ đã xây dựng một hệ thống sân bay quân sự (1), quân cảng, đường chiến lược khắp miền Nam. Ngoài ra, Mỹ còn giúp Diệm tổ chức một bộ máy cảnh sát, mật vụ, không lồ theo kiểu phát xít, tuyển chọn những người trung thành với gia đình Diệm, sẵn sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của Diệm và bè lũ.

Về kinh tế, đế quốc Mỹ biến miền Nam thành nơi tiêu thụ hàng hóa thừa ế của Mỹ và phe Mỹ, dưới chiêu bài *viện trợ kinh tế*. Các nguồn lợi kinh tế lớn ở miền Nam dần dần lọt vào tay Mỹ hoặc do Mỹ lũng đoạn. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính ở miền Nam đều lệ thuộc vào viện trợ Mỹ.

Về văn hóa, giáo dục, bằng đủ mọi phương tiện, Mỹ — Diệm đã ra sức gieo rắc, truyền bá hàng ngày, hàng giờ nọc độc tinh thần hòng truy lạc hóa nhân dân miền Nam, nhất là thanh niên nam nữ, làm cho họ trở thành những người mất gốc, không cần biết đến tổ quốc, đồng bào, không cần biết đến truyền thống dân tộc, sống sa đọa theo bản năng thấp hèn để cho Mỹ — Diệm sai khiến vào mục đích bán nước.

2. Chính sách khủng bố cực kỳ tàn bạo kiểu phát xít của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Chính quyền Ngô Đình Diệm do đế quốc Mỹ nuôi dưỡng, huấn luyện đã nhanh chóng trở thành một chính quyền độc tài phát xít phản dân tộc, phản nhân dân. Theo lệnh Mỹ, Ngô Đình Diệm đã tiến hành cuộc *chiến tranh một phía* đối với 14 triệu đồng bào miền Nam ta.

Ngày 7-7-1955, kỷ niệm một năm cầm quyền, Diệm đã phát động chiến dịch *tổ cộng*, *diệt cộng* và chúng coi đây là

(1) 1960 có 57 sân bay quân sự không kể xa lộ Sài gòn — Biên hòa dài 32 km, một sân bay không lồ trá hình.

‘quốc sách’ đề ‘bình định’ miền Nam. Làn sóng khủng bố kéo dài từ năm 1955 đến năm 1958 — 1959, trên toàn bộ miền Nam. Phương pháp ‘tổ cộng’ của chúng là càn quét, tố cáo những người kháng chiến cũ, buộc đầu thú, tuyên bố ly khai, bắn giết hàng loạt. Chúng tuyên bố: ‘tiêu diệt Việt cộng không thương tiếc’, ‘thù giết lầm chứ không bỏ sót’. Chúng dùng những hình thức giết người man rợ nhất của thời trung cổ như: chôn sống, mồi bụng moi gan, trôi sông, thiêu cháy, v.v... Trong vòng mấy năm ‘chiến tranh một phía’ Diệm bắt giam không thời hạn, không cần chứng cứ, không đem ra xét xử 275.000 người trong 874 nhà tù; giam lỏng hơn nửa triệu người trong 252 ‘khu dinh điền’ và ‘khu trù mật’, tra tấn thành tàn phế 530.000 người, dùng bom đạn làm 230.000 người bị thương tật, giết chết hơn 80.000 người!

Ngày 1-12-1958, Diệm gây ra vụ đầu độc tại trại tập trung Phú Lợi, giết chết hơn 1.000 chiến sĩ cách mạng. Năm 1959, Ngô Đình Diệm lại cho ra luật phát xít 10-59 để tiếp tục trấn áp lòng căm phẫn của quần chúng. Chúng quy định bất cứ người nào không tán thành Mỹ — Diệm đều bị tòa án quân sự xử tử hoặc xử tù chung thân. Máy chém của Diệm kéo lê từ tỉnh này sang tỉnh khác, giết hại nhân dân ta không kể xiết.

3. Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam không ngừng phát triển.

Mỹ — Diệm, bằng mọi âm mưu, mọi thủ đoạn, muốn đè bẹp ý chí cách mạng của nhân dân ta nhưng chúng không thể nào thực hiện nổi. Với truyền thống đấu tranh bất khuất của ‘miền Nam thành đồng’, nhân dân miền Nam, mặc dầu phải chịu bao nhiêu đau thương, tang tóc do Mỹ — Diệm gây ra, vẫn vùng lên chống đối kẻ thù một cách quyết liệt.

Phong trào đấu tranh cho hòa bình thống nhất nổ ra đầu tiên ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Huế năm 1954. Càng về sau, phong trào đấu tranh càng lan rộng, sôi nổi dưới nhiều hình thức phong phú: truyền đơn, biểu ngữ, áp phích, mít tinh, biểu tình, bãi công, đưa kiến nghị... đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống trò hề ‘trưng cầu dân ý’, ‘bầu cử quốc hội’, đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ. Trong phong trào, công nhân giữ vai trò tiên phong: ngày 1-5-1955, ba vạn công

nhân và đồng bào Huế mít tinh kiến nghị đòi tăng lương, bớt giờ làm; tháng 3-1956 công nhân nhà máy đèn chợ Quán, Sài Gòn, bãi công lôi kéo gần 20 vạn công nhân các ngành khác tham gia hưởng ứng. Nông dân đấu tranh chống ‘cải cách điền địa’ giả hiệu để bảo vệ quyền lợi đã giành được trong kháng chiến. Nhiều nhà văn, nhà báo không ngớt phơi bày, tố cáo những chính sách phản dân, hại nước của Ngô Đình Diệm. Ngày 1-5-1956, 15 vạn công nhân và nhân dân Sài Gòn — Chợ Lớn mít tinh, biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Khi chính quyền Diệm công nhiên từ chối hiệp thương tổng tuyển cử thì lập tức nổi lên phong trào đấu tranh chống lại và đòi lập lại quan hệ bình thường Nam — Bắc với 7 triệu lượt đồng bào tham gia, lôi cuốn cả đồng bào miền Bắc bị cưỡng ép di cư vào Nam, đồng bào theo các đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên chúa giáo, hình thành một thế đấu tranh mạnh mẽ, phối hợp nhân dân thành thị và nhân dân nông thôn, suốt từ Quảng Trị đến Cà Mau.

Từ năm 1957 trở đi, khi chiến dịch ‘tổ cộng’, ‘diệt cộng’ lan rộng ra khắp miền Nam thì cuộc đấu tranh của nhân dân trở nên vô cùng ác liệt. Trong những giờ phút thử thách sống còn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của cán bộ và đồng bào miền Nam đã phát triển đến cao độ. Rất nhiều tấm gương hy sinh lâm liệt để bảo vệ khí tiết của mình. Rất nhiều cán bộ sẵn sàng chịu đựng vô vàn gian nguy bám đất, bám dân, kiên trì tổ chức quần chúng đấu tranh với địch. Nhân dân thì một lòng son sắt, mặc cho kẻ thù lùng sục, bao vây, truy ép, vẫn nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ.

Năm 1958, Ngô Đình Diệm phát cho mỗi nhà báo nước ngoài đến Sài Gòn một quyển sách nhỏ trong đó hẳn nói: ‘Chúng tôi có thể kết luận rằng ở miền Nam Việt Nam, lực lượng Việt minh đã bị tiêu diệt hết rồi, không còn làm gì được nữa’. Sự thật lại không như Diệm nhận định. Rất nhiều và ngày càng nhiều cuộc học tập ‘tổ cộng’ bị phá. Bằng nhiều cách, nhân dân không chịu đi học. Những người buộc phải đi học thì dùng những lý lẽ danh thép và khôn khéo để vạch trần luận điệu xuyên tạc, vu khống của địch hoặc phá không cho cuộc họp đi đến kết quả. Năm 1958, 1959 cũng là những năm nhân dân ta đấu tranh mạnh mẽ, phá những khu ‘dinh điền’, khu ‘trù mật’ của địch.

Phong trào cách mạng miền Nam đến 1959, mặc dù trải qua những năm tháng thử thách cực kỳ nghiêm trọng, nhưng cơ sở cách

mạng vẫn được duy trì và phát triển. Các cơ quan lãnh đạo cách mạng vẫn giữ được mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Những người lãnh đạo cách mạng đã đánh giá đúng tình hình, sáng suốt nhận định là kẻ thù đã thất bại cơ bản về chính trị, do đó chuẩn bị phát động quần chúng khởi nghĩa từng phần giành chính quyền về tay nhân dân.

Cuối 1959, phong trào quần chúng không phải chỉ có đấu tranh hợp pháp với lũ tàn bạo, giết người nũa, mà đã xuất hiện ngày càng nhiều những cuộc võ trang tuyên truyền, trừ gian, diệt tề. Hàng tháng trung bình vài ba trăm tên ác ôn bị giết chết.

4. Phong trào « đồng khởi » — Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam thành lập.

Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống « *tổ cộng* », chống « *dinh điền* », chống « *khu trù mật* », chống nền độc tài cá nhân gia đình trị của Diệm đã dẫn đến phong trào « *đồng khởi* » năm 1960. Nhân dân miền Nam không thể nào để cho Mỹ — Diệm tự do hoành hành mà không chống cự. Đã đến lúc phải dùng máu để trả nợ máu. Phải dùng đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị để đưa phong trào tiến lên. Phong trào « *đồng khởi* » ở miền Nam mở đầu bằng cuộc đấu tranh của đồng bào tỉnh Bến tre.

Đúng vào đêm 17-1-1960, quần chúng nhân dân Bến tre, với gậy gộc, giáo mác, súng ống đủ các loại, đã nhất tề nổi dậy diệt ác ôn, đánh đồn bốt, cướp súng địch để diệt địch. Bị đánh bất ngờ, bọn địch hoảng sợ, nằm im thín thít trong các bốt. Chỉ qua một đêm đồng khởi, nhân dân ba huyện Mỏ cày, Thạnh phú, Minh tân (Bến tre) đã nhổ hàng chục đồn bốt, phá banh hàng chục ấp chiến lược. Bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã bị tan rã hẳn. Nhân dân đã hoàn toàn làm chủ một vùng rộng lớn.

Cả tỉnh Bến tre, các lực lượng vũ trang nhân dân hình thành và phát triển. Các ủy ban nhân dân tự quản được thành lập ở những vùng mới giải phóng. Ruộng đất của bọn địa chủ gian ác bị tịch thu, chia cho dân cày nghèo. Từ Bến tre, phong trào « *đồng khởi* » như nước vỡ bờ lan khắp các tỉnh Nam bộ, Tây nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung bộ. Trong năm 1960, phong trào « *đồng khởi* » ở miền

Nam đã lật đổ bộ máy nguy quyền ở 1.000 xã của Nam bộ và 4.000 thôn ở Tây nguyên. Chương trình « *bình định* » mà bọn Mỹ — Diệm đã bỏ bao nhiêu công sức thực hiện từ 1955 đến 1959 hoàn toàn thất bại. Thời kỳ gọi là « *tạm thời ổn định* » của chế độ Diệm đã chấm dứt.

Thắng lợi của phong trào « *đồng khởi* » đã tạo cơ sở để đẩy mạnh chiến tranh nhân dân có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài chống lại sự xâm lược của đế quốc Mỹ, làm lung lay đến tận gốc chế độ nguy quyền tay sai. Chính trong cao trào đó, ngày 20-12-1960, đại biểu các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo, các dân tộc miền Nam đã họp đại hội để thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam và thông qua chương trình hành động 10 điểm nhằm lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam Việt nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc (1).

Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời là kết quả của cả quá trình đấu tranh của quần chúng, nhân dân miền Nam từ năm 1954, đến năm 1960. Mặt trận ra đời đã đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân miền Nam, đáp ứng đúng yêu cầu của lịch sử. Mặt trận trở thành trung tâm đoàn kết, động viên mọi lực lượng yêu nước ở miền Nam chống bọn Mỹ nguy, đồng thời đem lại cho phong trào của quần chúng một phương hướng cách mạng rõ rệt.

Cuối năm 1960, đầu năm 1961, lần lượt các ủy ban mặt trận ở tỉnh, ở huyện miền Nam được thành lập và long trọng ra mắt đồng bào. Một không khí phấn khởi tin tưởng lan tràn khắp nơi. Quần chúng, nhân dân quyết tâm đi theo ngọn cờ cứu nước của Mặt trận, đẩy mạnh đấu tranh, đưa cách mạng miền Nam bước sang một giai đoạn mới.

* *

(1) Xem đọc thêm 2. ở cuối bài.

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM TỪ 1961 ĐẾN 1965 — ĐÁNH BẠI « CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

5. Nhân dân miền Nam đấu tranh làm phá sản kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ.

Trước phong trào cách mạng « đồng khởi » dâng lên như vũ bão của hàng triệu quần chúng nhân dân miền Nam, chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ đã bị phá sản. Không từ bỏ dã tâm xâm lược miền Nam, đế quốc Mỹ bị động, phải dùng thủ đoạn « chiến tranh đặc biệt » để thực hiện mục đích của chúng. Đó là loại chiến tranh tiến hành bằng lực lượng phản động tay sai bản xứ, lực lượng nguy quân và nguy quyền, với vũ khí trang bị và mọi phương tiện chiến tranh do đế quốc Mỹ cung cấp, theo kế hoạch Mỹ, dưới sự chỉ huy của Mỹ, nhằm để bẹp cuộc đấu tranh cách mạng và tiêu diệt các lực lượng yêu nước ở miền Nam nước ta.

Kế hoạch đầu tiên của loại chiến tranh trên là kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ (1), nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng và chuẩn bị tiến công ra miền Bắc. Kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ gồm hai điểm chủ yếu là lập « ấp chiến lược » để tập trung dân và tăng cường hoạt động quân sự để tiêu diệt lực lượng yêu nước.

Nửa cuối năm 1961 và cả năm 1962, Mỹ — Diệm dùng mọi lực lượng và mọi thủ đoạn từ đàn áp trắng trợn, dã man đến dụ dỗ mua chuộc để mong thực hiện kế hoạch tập trung 10 triệu dân vào trong một hệ thống 17.000 « ấp chiến lược ». Chúng tính toán một cách chủ quan rằng hệ thống « ấp chiến lược » hoàn thành sẽ vừa khống chế được nhân dân, vừa có thể tiêu diệt lực lượng cách mạng. Ngày

(1) Tướng Tay-lơ đã từng làm tổng tham mưu trưởng của quân đội Mỹ. Xta-lây là một nhà kinh tế. Cả hai đều là những người cộng tác thân cận của tổng thống Mỹ. Kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ chứng cho là một bản tổng kết kinh nghiệm rất giá trị của các cuộc chiến tranh đàn áp cách mạng ở một số nơi trên thế giới.

11-2-1962, chúng thành lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại Sài Gòn do tướng Ha-kin đứng đầu. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của bọn tướng tá Mỹ, nguy quân liên tiếp mở những cuộc hành quân lớn, càn đi quét lại hầu khắp các vùng ở miền Nam để tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, đồng thời dồn dân vào « ấp chiến lược ».

Bọn xâm lược Mỹ tưởng rằng với lực lượng quân sự mạnh mẽ và những thủ đoạn tàn ác của chúng có thể khuất phục được đồng bào miền Nam ta. Chúng đã tính sai. Cả miền Nam sục sôi chỉ căm thù, tiếp nổi tinh thần « đồng khởi », kẻ vai sát cánh giết giặc cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng.

Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân chính thức hợp nhất thành lập « Quân giải phóng » miền Nam Việt nam. Vừa mới ra đời, quân giải phóng trở thành mũi nhọn đấu tranh chống đồn dân, lập « ấp chiến lược » và chống những cuộc hành quân càn quét của địch. Các hội giải phóng, các đoàn thể giải phóng lần lượt thành lập. Ngày 1-1-1962 Đảng nhân dân Cách mạng Việt nam chính thức thành lập, thông qua cương lĩnh và điều lệ của Đảng. Các hội, các đoàn thể, các đảng phái đều tuyên bố làm thành viên của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam.

Ngày 16-2-1962, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam họp Đại hội lần thứ nhất đã vạch trần âm mưu của địch, kêu gọi toàn dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, lật đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm.

Chính vì có cơ sở chính trị vững mạnh và có lực lượng vũ trang kiên cường bất khuất nên kế hoạch lập « ấp chiến lược » của địch đã vấp phải sự chống đối kịch liệt của đồng bào ta. Nhiều ấp bị phá ngay khi mới thành lập. Nhiều ấp khác bị phá đi, phá lại nhiều lần, địch không tài nào củng cố được. Một số ấp, sau khi bị phá, đã trở thành « làng chiến đấu » của ta. Trong khi đó, chiến tranh du kích của ta phát triển mạnh mẽ khắp nơi, vùng giải phóng không thể bị thu hẹp mà còn mở rộng thêm. Ảnh hưởng của Mặt trận ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân nông thôn, rừng núi và thành thị.

Ngày 2-1-1963, đáp lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Mặt trận, quân và dân miền Nam đã lập một chiến công vang dội ở Ấp Bắc (quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho). Tại đây, lần đầu tiên, với số quân

ít hơn địch 10 lần, các chiến sĩ quân giải phóng và đồng bào đã đánh bại cuộc càn quét của trên 2.000 tên địch với vũ khí hiện đại, có cả hàng chục máy bay lên thẳng và xe tăng bọc thép M.113 yểm trợ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 450 tên Mỹ nguy. Với trận Ấp Bắc, chiến tranh du kích của quân dân miền Nam bước qua một giai đoạn phát triển mới, có đủ khả năng phá được chiến thuật *trục thăng vận* và *thiết xa vận* của Mỹ nguy, giáng một đòn chí mạng vào chiến lược *chiến tranh đặc biệt* của đế quốc Mỹ.

Tháng 4-1963, Mặt trận dân tộc giải phóng phát động phong trào *thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*. Từ đó, Ấp Bắc trở thành ngọn cờ quyết chiến, quyết thắng của quân dân miền Nam. Cả năm 1963, các lực lượng vũ trang miền Nam liên tiếp bẻ gãy các cuộc càn quét quy mô lớn, tiêu diệt được nhiều đồn bốt, nhiều cụm cứ điểm của địch. Phong trào đấu tranh chính trị cũng phát triển rộng lớn, phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự. Với những hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp, trẻ già, trai gái xông lên đấu tranh đối mặt với quân thù. Những đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng, mà điển hình là những đội quân tóc dài, đã làm thất bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ có kết quả tính mạng và tài sản của nhân dân.

Sau hai năm tiến hành *chiến tranh đặc biệt*, chiến lược nhanh chóng *bình định* miền Nam của đế quốc Mỹ đã bị phá sản. Nội bộ bọn chúng hoang mang, mâu thuẫn sâu sắc. Trong con mắt của bọn xâm lược Mỹ, tình hình xấu như vậy là hoàn toàn do trách nhiệm của chế độ Ngô Đình Diệm. Chúng nghĩ phải thay Diệm thì mới có thể tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược được tốt hơn.

Ngày 1-11-1963, Ngô Đình Diệm bị giết chết, Dương Văn Minh sau đấy là Nguyễn Khánh lên thay. Kế hoạch Xtra-lây — Tay-lơ bị chôn vùi cùng với sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm.

6. Nhân dân miền Nam đấu tranh làm phá sản kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra.

Tháng 3-1964, đế quốc Mỹ lại đưa ra kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra để cứu vãn chiến lược *chiến tranh đặc biệt*, hy vọng *bình*

định có trọng điểm (1) miền Nam trong hai năm 1964—1965. Thực hiện kế hoạch mới này, Mỹ đã cho thành lập bộ chỉ huy quân sự liên hợp Việt — Mỹ, tăng nhanh viện trợ quân sự, cổ vũ quân sự và đưa cả một số đơn vị trợ chiến Mỹ vào miền Nam Việt nam.

Tháng 5-1965, nhân viên quân sự và lính trợ chiến Mỹ lên đến 1 vạn (1960 chúng có 2.000). Kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra cũng gồm hai điểm chủ yếu là dồn dân lập *ấp chiến lược* (chỉ đòi tên là *ấp tân sinh*) và tấn công quân sự (lúc này quân nguy đã tổ chức thành những binh đoàn lớn). Trong các cuộc hành quân càn quét, bên cạnh quân nguy, có cả quân chiến đấu Mỹ. Bộ mặt xâm lược của đế quốc Mỹ đã bộc lộ rõ. Song, trước nhân dân Mỹ và trước dư luận thế giới, đế quốc Mỹ vẫn cố làm cho người ta lầm tưởng rằng cuộc chiến tranh ở Việt nam không phải là của Mỹ!

Những âm mưu mới của Mỹ vấp phải sức phản ứng mãnh liệt của nhân dân miền Nam. Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng chủ trương: mở rộng phong trào chiến tranh du kích, đồng thời đẩy mạnh tác chiến tập trung, kết hợp ba mũi giáp công đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy giành quyền làm chủ.

Có sự chỉ đạo đúng đắn và sáng suốt, các lực lượng vũ trang cùng với lực lượng quần chúng nhân dân giữ vững và phát triển thế chủ động tiến công trên khắp các mặt trận.

Từ tháng 6 đến tháng 12-1964, Mắc Na-ma-ra quyết định phải bình định bằng được trọng điểm Long an. Nhưng chúng đã bị thất bại đau đớn trên mảnh đất này (2).

(1) Trọng điểm là những nơi phong trào cách mạng đang mạnh, những vùng đông dân nhiều của. Các tỉnh chung quanh Sài gòn: Bình dương, Tây ninh, Bến tre, Mỹ tho, Long an, Gia định, Hậu nghĩa, là những vùng Mỹ coi là trọng điểm số 1.

(2) Nhà báo Úc Bơ-sét viết một bài trên báo Sao đỏ (Liên xô) ngày 24-1-1965, kể rằng: Tại Long an đề chiếm 3 làng, Mỹ nguy phải dùng đến 5 tiểu đoàn. Song rút cục, chúng phải bỏ các làng này vì chỉ sau 4 tháng chiếm đóng của chúng, mỗi làng du kích đã phát triển từ 250 đến 400 người, có trang bị súng và mìn để diệt địch.

Cả miền Nam, quân dân ta liên tục giữ thế chủ động tấn công, ngay cả những tỉnh địch gọi là trọng điểm. Theo tổng kết của thông tấn xã Giải phóng, năm 1964, quân dân miền Nam đã đánh địch trên 40.000 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 230.000 tên (trong đó có 2.111 tên Mỹ bị giết và bị thương), phá tan 3.659 ấp tăn sinh*.

Song song với các cuộc đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng rất mạnh mẽ làm cho Mỹ nguy khiếp sợ. Ngày 20-8-1964, hai mươi vạn đồng bào Sài gòn bao vây dinh Độc lập, nêu cao khẩu hiệu *«thủ tiêu chính phủ Nguyễn Khánh»*, *«đốt bần hiến chương Vũng tàu»* (1), *«Mỹ không được can thiệp vào nội bộ Việt nam»*. Ngày 24-8-1964, ba vạn đồng bào Đà Nẵng tuần hành kết hợp với bãi chợ, bãi khóa. Ngày 20-9-1964, hơn 10 vạn công nhân Sài gòn, Gia định bãi công, tuần hành phản đối chế độ độc tài quân sự Mỹ — Khánh. Ngày 15-10-1964, người thợ điện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đã biến pháp trường thành tòa án cách mạng, kết tội bọn xâm lược Mỹ và tay sai. Anh Trỗi hy sinh. Lập tức gây một tiếng vang rộng lớn khắp cả nước. Một người thợ điện bình thường, có chí khí cách mạng, đã trở thành tấm gương chói lọi trong công nhân học sinh, sinh viên.

Những tháng cuối năm 1964, nhân dân thành thị miền Nam đấu tranh rất mãnh liệt. Hàng chục vạn thanh niên, học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo... tổ chức bãi công, bãi thị, bãi khóa, mít tinh, biểu tình... đòi thủ tiêu chính quyền tay sai của Mỹ. Đồng bào Huế dùng hình thức biểu tình ngồi, chặn những ngã đường giao thông trọng yếu trong thành phố. Đồng bào Sóc Trăng xông vào sân bay níu không cho máy bay chở quân đi can quét. Phong trào đô thị sôi nổi báo trước cơn bão táp sẽ nổi lên ngay trong lòng địch. Phong trào đó chẳng những phối hợp chặt chẽ với những cuộc đấu tranh ở nông thôn mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào rộng lớn của nông dân khắp miền Nam.

Những thắng lợi về quân sự và phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam năm 1964 có tác động mạnh mẽ dẫn đến tình

(1) Khi Nguyễn Khánh làm «Chủ tịch Việt nam cộng hòa» có ban hành một cái gọi là «hiến chương 16-8-1964» hay «hiến chương Vũng tàu» để công bố chủ trương của Khánh.

trạng tan rã không ngừng hàng ngũ nguy quân, nguy quyền. Năm 1963, nguy quân đảo ngũ, rã ngũ là 40.000, năm 1964 lên đến 60.000. Còn nguy quyền, từ khi Diệm bị giết đến tháng 2-1965 chỉ có 15 tháng mà đã có 9 nội các thay nhau lên nắm quyền. Mỗi nội các tồn tại trung bình không được hai tháng! Có thể nói, đến cuối năm 1964, kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra đã bị phá sản về căn bản.

7. Chiến thắng Bình giả (Bà Rịa) — Nhân dân miền Nam tiến lên đánh bại chiến lược «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mỹ.

Trên đà phát triển mạnh mẽ của các cuộc đấu tranh chính trị và quân sự ở khắp ba vùng chiến lược, quân và dân miền Nam lại thắng lớn ở Bình giả (Bà Rịa). Tại đây, từ 4-12-1964 đến 31-1-1965, trên một địa bàn hẹp, ngang dọc chỉ vài chục ki-lô-mét, một đơn vị chủ lực quân giải phóng quần nhau với 7 — 8 tiểu đoàn địch có vũ khí hiện đại, có nhiều máy bay phản lực, máy bay lên thẳng vũ trang, nhảy dù, có nhiều xe bọc thép hỗ trợ. Nhưng kết quả là: quân ta đã tiêu diệt và đánh tan 4 tiểu đoàn địch, bắn rơi và bắn hỏng 38 máy bay, phá hủy 28 xe bọc thép, bắt sống hàng trăm tên, trong đó có một số cố vấn Mỹ, thu được rất nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng (1). Cả chiến dịch kéo dài một tháng, quân giải phóng cơ động tài tình, nay đánh đây, mai đánh kia, lúc đánh rồi đi, lúc đánh rồi vẫn ở lại làm cho từ đầu đến cuối, địch luôn luôn gặp bất ngờ, điều khiển địch chạy ngược, chạy xuôi, làm cho ta có những thời cơ thuận lợi để tiêu diệt địch.

Chiến thắng Bình giả tạo ra một bước nhảy vọt làm chuyển biến cả cục diện chiến tranh: ta thì lớn vọt lên, địch thì suy sụp tan rã. Từ sau chiến dịch Bình giả, quân và dân miền Nam thừa thắng đẩy mạnh thế tiến công, lập thêm hàng loạt chiến công lớn trong các trận An lão, Đèo nhông, Pơ-lây-cu, Ba gla, Đồng xoài.

Trong 6 tháng đầu năm 1965, vừa chống càn, vừa tấn công vào các căn cứ của giặc, quân giải phóng miền Nam đã loại ra ngoài vòng

(1) Trong trận này, bộ binh ta đi chân đuôi đánh xe bọc thép địch. Đại đội trưởng Tạ Quang Tỳ dẫn đầu đơn vị chiếm xe M.113 của địch đánh lại địch, tiêu diệt gọn cả đoàn xe.

chiến đấu trên 90.000 tên địch (có 3.000 Mỹ). Điều đáng chú ý là quân ta, lần đầu tiên, đã tấn công tiêu diệt cả một tiểu khu của địch, tiêu diệt cả một chiến đoàn gồm 3 tiểu đoàn địch (trận Ba-gia).

Kết hợp với các cuộc đấu tranh vũ trang, ở đô thị miền Nam trong 6 tháng đầu năm 1965 đã nổ ra 21 cuộc đấu tranh lớn của nhân dân. Tại Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, quần chúng nhiều lần biểu tình tuần hành chiếm cả sân bay, phá phòng thông tin và thư viện Mỹ.

Những đòn mãnh liệt của quân dân ta về các mặt đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị và binh vận, đã dồn quân địch vào chỗ hết sức lúng túng, hết sức hoang mang, đã làm cho chiến lược *chiến tranh đặc biệt* của đế quốc Mỹ bị thất bại đau đớn. Ngay quyền Sài Gòn đã ba lần đảo chính, thay đổi bốn cầm đầu, trong 6 tháng đầu năm 1965, cũng không tìm ra được lối thoát. Gần 50 vạn quân ngụy do Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và chỉ huy đã bị quân và dân miền Nam liên tục đánh bại. Hệ thống áp chiến lược và các đô thị đều bị lung lay đến tận gốc.

Trong khi đó, về phía ta, vùng giải phóng được mở rộng, trở thành hậu phương trực tiếp và vững chắc của cách mạng miền Nam. Trong vùng giải phóng, chính quyền nhân dân cách mạng thực tế đã hình thành, trật tự xã hội mới xuất hiện, ruộng đất của bọn Việt gian bị tịch thu và chia cho nông dân thiếu ruộng. Lực lượng vũ trang giải phóng với ba thứ quân đã lớn mạnh vượt bậc.

Sự phá sản của *chiến tranh đặc biệt*, đánh dấu sự thất bại về chiến lược của đế quốc Mỹ trong âm mưu *dùng người Việt đánh người Việt*, trong âm mưu dùng miền Nam Việt nam làm nơi thí nghiệm cuộc *chiến tranh đặc biệt*, một loại chiến tranh mà chúng cho rằng rất hiệu nghiệm để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới và đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Đánh bại *chiến tranh đặc biệt*, quân và dân miền Nam đã tạo ra được những lực lượng rất lớn về vật chất và tinh thần để tiến lên đánh thắng mọi âm mưu mới, tàn bạo hơn của đế quốc Mỹ.

CÂU HỎI

1. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ với chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp, áp dụng ở Việt nam.

1. Phân tích những tội ác tày trời của Mỹ — Diệt đối với nhân dân miền Nam ta trong chiến dịch *«tổ cộng diệt cộng»*.

2. Phong trào *«đồng khởi»* của nhân dân miền Nam năm 1960. Nguyên nhân và ý nghĩa của phong trào.

3. *Chiến tranh đặc biệt* đã biểu hiện như thế nào? Tại sao đế quốc Mỹ phải dùng chiến lược *chiến tranh đặc biệt* để đối phó với phong trào cách mạng ở miền Nam?

4. Kế hoạch Giôn-xơn — Mắc Na-ma-ra so với kế hoạch Xta-lây — Tay-lơ là một bước tiến hay một bước lùi của đế quốc Mỹ? Tại sao?

5. Chiến thắng Ấp Bắc và chiến thắng Bình Giả. Ý nghĩa quan trọng của từng chiến thắng trên?

* * *

ĐỌC THÊM

I. NHỮNG BẰNG CHỨNG KHÔNG THỂ CHỐI CẢI

- 20-1-1944 Tổng thống F.D. Ru-dơ-ven tuyên bố : *«Đông dương không thể rơi trở lại vào tay Pháp và nó phải đặt dưới quyền bảo trợ quốc tế»*.
- 30-1-1951 Tổng thống H.S. Tơ-ru-man và thủ tướng Pháp Rơ-nê Pơ-lê-ven ra thông cáo chung trong đó Hoa kỳ hứa cấp tốc tăng thêm viện trợ chiến cụ cho quân viễn chinh Pháp ở Đông dương.
- 11-1953 Ních-xơn, phó tổng thống Mỹ đến thăm mặt trận Ninh bình, động viên quân xâm lược Pháp và quân ngụy trong chiến dịch Mu-ét.
- 4-4-1959 Tổng thống D. Ai-xen-hao tuyên bố rằng mất Việt nam sẽ đem lại hậu quả tai hại cho nước Mỹ nên Mỹ phải vì quyền lợi của bản thân mình, ra sức giúp mọi điều kiện cần thiết cho chính quyền Sài Gòn.

II. CHƯƠNG TRÌNH 10 ĐIỂM CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

1. Đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền liên minh dân tộc, dân chủ.
2. Thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ, ban bố quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, tự do nghiệp đoàn, tự do đi lại và các quyền tự do dân chủ khác. Toàn xá chính trị phạm, giải tán các trại tập trung, các khu trù mật và dinh điền, bãi bỏ luật phát xít 10/59 và các luật phản dân chủ.
3. Bãi bỏ độc quyền kinh tế của đế quốc Mỹ và của bọn tay sai, bảo vệ nội hóa, khuyến khích công thương nghiệp trong nước, mở mang nông nghiệp, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Giải quyết công ăn việc làm cho những người thất nghiệp, tăng lương cho công nhân, binh lính và viên chức. Bãi bỏ phạt vạ vô lý, thi hành chính sách thuế khóa công bình và hợp lý. Giúp đỡ cho đồng bào di cư muốn về xứ sở, giải quyết công ăn việc làm cho những người muốn ở lại.
4. Thực hiện giảm tô, đảm bảo nguyên canh, chia lại công điền, tiến tới cải cách điền địa.
5. Bãi trừ văn hóa nô dịch đời bại kiêu Mỹ, xây dựng một nền văn hóa và giáo dục dân tộc và tiến bộ. Xóa bỏ nạn mù chữ, mở mang trường học, cải cách chế độ học tập và thi cử.
6. Bãi bỏ chế độ cố vấn quân sự Mỹ, xóa bỏ các căn cứ quân sự nước ngoài ở Việt nam, xây dựng một quân đội dân tộc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.
7. Thực hiện nam nữ bình quyền, đảm bảo nền bình đẳng giữa các dân tộc và thực hiện quyền tự trị của các dân tộc thiểu số. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều sinh sống ở Việt nam. Bảo vệ và chăm sóc quyền lợi của kiều bào ở hải ngoại.
8. Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình trung lập, đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước tôn trọng chủ quyền của Việt nam.
9. Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền. Tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.
10. Chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới.

III. NGUY QUYỀN SÀI GÒN KHỦNG HOẢNG LIÊN MIỀN (Từ 1-11-1963 đến 21-6-1965)

- 1-11-1963: Hội đồng quân nhân do tướng Dương Văn Minh làm cuộc đảo chính giết chết Ngô Đình Diệm đưa Nguyễn Ngọc Thơ lên làm thủ tướng.
- 30-1-1964: Tướng Nguyễn Khánh làm cuộc đảo chính lật đổ Minh — Thơ, đưa Khánh lên làm thủ tướng nhưng vẫn đề Minh làm quốc trưởng hờ.
- 16-8-1964: Tướng Khánh làm cuộc đảo chính êm ả, tự mình giữ chức chủ tịch Việt nam cộng hòa, chủ tịch hội đồng quân đội, thủ tướng chính phủ.
- 27-8-1964: Bị quân chúng phản đối dữ dội, tên độc tài Nguyễn Khánh phải chia quyền cho Dương Văn Minh (làm chủ tịch Việt nam cộng hòa) và Trần Thiện Khiêm (chủ tịch hội đồng quân đội).
- 13-9-1964: Tướng Lâm văn Phát và Dương Văn Đức làm cuộc đảo chính nhưng không thành.
- 20-12-1964: Khánh làm cuộc đảo chính bỏ phen gạt Minh — Khiêm ra, đưa Phan Khắc Sửu lên làm quốc trưởng, Trần văn Hương lên làm thủ tướng, Khánh thực quyền giữ chức tổng tư lệnh quân đội.
- 27-1-1965: Khánh làm cuộc đảo chính toàn bộ giải tán chính phủ Trần Văn Hương, rồi đưa Phan Huy Quát lên làm thủ tướng (16-2-1965).
- 19-2-1965: Tướng Lâm Văn Phát và đại tá Phạm Ngọc Thảo làm cuộc đảo chính lật đổ Khánh không thành.
- 20-2-1965: Bọn tướng đầu bò làm đảo chính, lật đổ Khánh, đưa Trần Văn Minh lên làm quyền tổng tư lệnh quân đội.
- 6-3-1965: Tướng Nguyễn Chánh Thi làm đảo chính định lật Quát nhưng nửa chừng bỏ dở.
- 20-4-1965: Âm mưu ám sát Phan Huy Quát làm đảo chính nhưng không thành.

20-5-1965 Phe Phát — Thảo lại nổi lên đảo chính không thành.

21-6-1965 Bọn 'tướng đầu bò' làm đảo chính, lật đổ Sứu — Quát đưa tướng Nguyễn Văn Thiệu lên làm quốc trưởng, Nguyễn Cao Kỳ làm thủ tướng.

IV. « VẤN MINH KIỀU MỸ ».

a) Số liệu về việc Mỹ rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt nam từ 1961 đến 1965 :

Năm	Số tỉnh bị rải	Số người bị nhiễm độc	Số người nhiễm độc bị chết	Diện tích bị phá hoại (héc-ta)
1961 (4 tháng rưỡi)	6	182	chưa rõ	560
1962	12	1.170	38	11.030
1963	16	9.000	80	320.000
1964	19	11.000	120	500.230
1965	26	140.000	350	700.000

b) Số liệu về việc Mỹ ném bom na-pa-lin ở miền Nam từ 1963 đến 1965 :

1963 : 2.181 tấn

1964 : 1.779 tấn

1965 : 17.659 tấn

(Trích trong cuốn sách đen tập II do « Ủy ban tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam Việt nam » công bố ngày 12-11-1966).



**THỜI KỲ TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG
MỸ, CỨU NƯỚC ĐỂ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,
BẢO VỆ MIỀN BẮC TIẾN TỚI HÒA BÌNH
THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ
(1965 — 1973)**

NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÁNH BẠI « CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI » LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN BẮC VÀ ĐÁNH BẠI « CHIẾN TRANH CỤC BỘ » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM (1965 — 1968)

I

NHÂN DÂN VIỆT NAM QUYẾT TÂM ĐÁNH MỸ VÀ THẮNG MỸ

Từ năm 1954 đến 1965, bị thất bại trong việc thực hiện chủ nghĩa thực dân mới bằng chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, bằng « chiến tranh đặc biệt », đế quốc Mỹ đã liều lĩnh mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc và chuyển sang « chiến tranh cục bộ » ở miền Nam. Cuối năm 1965, số quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ đưa vào miền Nam đã lên đến 20 vạn.

Trước tình hình vô cùng nghiêm trọng đó, tháng 3-1965, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam ra tuyên bố vạch rõ : « Nhân dân miền Nam và các lực lượng vũ trang của mình quyết không đời nào buông lỏng vũ khí khi những mục tiêu cơ bản của nhân dân miền Nam là độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập chưa được thực hiện. Nhân dân miền Nam Việt nam quyết tiếp tục giáng những đòn sấm sét xuống đầu bọn xâm lược Mỹ và bọn tay sai và nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng » (1).

Trong bài nói tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa khóa III, ngày 10-4-1965, Hồ Chủ tịch khẳng định : « Dù Mỹ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mỹ và cố lôi kéo thêm quân đội các nước chư hầu vào cuộc chiến tranh tội ác này, thì quân và dân ta cũng quyết đánh thắng chúng ».

Đế quốc Mỹ đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam đã biến cuộc chiến tranh xâm lược của chúng từ chỗ dựa

(1) Những văn kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam (từ 11-1964 đến 12-1965).

vào lực lượng nguy quân là chủ yếu đến chỗ đưa vào hai lực lượng chiến lược là quân Mỹ và quân nguy. Do đó, cuộc chiến tranh sẽ diễn ra gay go hơn, ác liệt hơn. Nhưng đế quốc Mỹ tăng cường và mở rộng chiến tranh trong thế thua, thế bị động, theo một chiến lược đầy mâu thuẫn và bế tắc. Bản thân việc Mỹ đưa quân trực tiếp xâm lược miền Nam nước ta đã làm cho bộ mặt cướp nước của đế quốc Mỹ bị phơi trần, bộ mặt bán nước của bọn tay sai càng lộ rõ. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt nam với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trở nên gay gắt và quyết liệt trong phạm vi cả nước. Tinh thần chiến đấu của quân viễn chinh Mỹ và quân nguy, do tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược chi phối, ngày càng phân hóa; nhiều binh sĩ của chúng không muốn tiếp tục đi đánh nhau. Mặt khác, tuy đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong phe đế quốc, nhưng tình hình thế giới cũng như tình hình nước Mỹ không cho phép chúng sử dụng hết tiềm lực ấy vào cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt nam được.

Trong khi đó, lực lượng cách mạng của nhân dân ta, sau hơn mười năm chiến đấu, xây dựng đã lớn mạnh về mọi mặt và đang ở vào thế rất thuận lợi. Ở miền Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng trở thành trung tâm đoàn kết nhân dân, trở thành người tổ chức và lãnh đạo mọi hoạt động yêu nước ở miền Nam. Lực lượng vũ trang giải phóng đã lớn mạnh vượt bậc, có tinh thần chiến đấu cao và đứng vững trên hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng. Phong trào đấu tranh của quần chúng lên mạnh, không những ở rừng núi, đồng bằng mà ở ngay cả thành thị nữa. Vùng giải phóng tuy chưa hoàn chỉnh, song đã bao gồm phần lớn đất đai cũng như số dân và ngày càng được củng cố.

Ở miền Bắc, lực lượng kinh tế và quốc phòng đều lớn mạnh, trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt nam trong cả nước. Nhân dân luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc và quyết kê vai sát cánh với đồng bào miền Nam để đấu tranh chống Mỹ, cứu nước cho tới ngày thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt nam ở cả hai miền ngày càng được sự đồng tình và ủng hộ tích cực, mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước dân tộc chủ nghĩa

và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân Mỹ.

So sánh lực lượng giữa ta và địch, rõ ràng chúng ta ở thế đi lên, thế của địch là thế đi xuống. Nhân dân ta có những cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường có điều kiện để đánh bại mọi âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Toàn quân và toàn dân Việt nam *• kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà •*.(1)

II

QUÂN VÀ DÂN MIỀN BẮC ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

1. Chiến công xuất sắc ngày 5-8-1964 : đòn phủ đầu đánh vào không quân Mỹ.

Kế hoạch đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân Mỹ đã được thảo luận cụ thể tại Nhà trắng vào tháng 5-1964.

Cuối tháng 7-1964 ở ngoài khơi vịnh Bắc bộ, đế quốc Mỹ cho tập trung khoảng 30 tàu chiến trong đó có 2 tàu sân bay, ở tư thế sẵn sàng hành động.

Hồi 15 giờ ngày 2-8-1964, các tàu tuần tiễu của hải quân ta bắt gặp tàu khu trục Mỹ Ma-dốc đang xâm phạm vùng biển nước ta ở khu vực Thanh hóa. Chúng nổ súng vào các tàu của ta, quân ta bắn trả, đánh đuổi chúng ra khỏi vùng biển của Tổ quốc. Nhân việc này, Nhà trắng dựng lên cái gọi là *• sự kiện vịnh Bắc bộ lần thứ nhất •* vu khống hải quân ta bắn vào tàu chiến Mỹ ở vùng biển quốc tế (!).

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt nam, tháng 12-1965.

Đêm 4-8-1964, đế quốc Mỹ lại cho tàu khu trục đóng trò dựng lên *“sự kiện vịnh Bắc bộ lần thứ hai”*. Nhưng chính nhiều nghị sĩ thượng nghị viện và báo chí Mỹ đã tố cáo sự vu khống hèn hạ này của Nhà trắng.

Ngày 5-8-1964, hồi 12 giờ 30 phút, Giôn-xơn đã trực tiếp ra lệnh cho không quân Mỹ cất cánh từ hai tàu sân bay thuộc hạm đội 7 đến đánh phá một số tỉnh trên miền Bắc nước ta. Quân và dân Quảng bình, Nghệ an, Thanh hóa, Quảng ninh liên tiếp đánh trả quyết liệt, bắn rơi 8 máy bay Mỹ, bắn bị thương 3 chiếc khác, bắt sống một giặc lái. Lần đầu tiên quân và dân miền Bắc đọ sức với các lực lượng không quân hiện đại của Mỹ, mang lại chiến thắng oanh liệt, đã nói lên ý chí, tài năng và sức mạnh của dân tộc ta, đã giáng đòn phủ đầu vào uy thế của không lực Hoa kỳ.

Sau thất bại này, giặc Mỹ cho máy bay do thám và đánh phá một số nơi thuộc quân khu 4, cho tàu chiến và tàu biệt kích hoạt động ngoài khơi. Chúng lại thất bại liên tiếp. Ngày 18-11-1964, đại đội 3 pháo cao xạ Nguyễn Viết Xuân đã chiến đấu oanh liệt, chiến thắng vẻ vang, hạ 3 máy bay Mỹ ở miền tây Quảng bình (1).

2. Đế quốc Mỹ càng leo thang càng thua đau (2-1965 đến 3-1968).

Đầu năm 1965, chiến lược *“chiến tranh đặc biệt”* của đế quốc Mỹ ở miền Nam bước vào giai đoạn phá sản hoàn toàn. Vì vậy, từ 7-2 đến 12-5-1965, đế quốc Mỹ điên cuồng *“leo thang”* đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở vào. Với kế hoạch này, chúng hy vọng có thể uy hiếp và làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, ngăn chặn sự ủng hộ tích cực của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam, củng cố tinh thần nguy quân, nguy quyền đang ngày càng suy sụp.

Nhưng thực tế đã diễn ra hoàn toàn trái ngược với những ý đồ đen tối của đế quốc Mỹ. Hơn ba tháng chiến đấu liên tục, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 277 máy bay Mỹ. Tinh thần quyết tâm chống Mỹ càng lên cao, tình ruột thịt Bắc Nam càng thêm khăng khít.

(1) Trong trận chiến đấu này, chính trị viên Nguyễn Viết Xuân đã hô tiếng hô bất diệt trên trận địa đầy khói lửa, bom đạn: *“Nhằm thẳng quân thù, bắn!”*. Tiếng hô đã trở thành khẩu lệnh chiến đấu trên các trận địa phòng không của chúng ta.

Từ nửa cuối năm 1965 trở đi, ở miền Nam, đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề, phải chuyển chiến lược *“chiến tranh đặc biệt”* sang chiến lược *“chiến tranh cục bộ”*, ồ ạt đổ quân viễn chinh Mỹ vào trực tiếp xâm lược nước ta. Ở miền Bắc, từ tháng 5-1965 đến tháng 2-1967, đế quốc Mỹ lại *“leo thang”* mở rộng dần chiến tranh phá hoại ra hầu khắp các tỉnh thành, đánh phá dữ dội các cơ sở sản xuất, các kho dự trữ, các đường giao thông, đánh cả vào đề điều, trường học, bệnh viện và các khu dân cư đông đúc. Âm mưu của chúng đánh phá sâu vào hậu phương miền Bắc, hủy hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc để chúng tự do tấn công cách mạng ở miền Nam, Nhưng quân dân hai miền giữ trọn lời thề son sắt: *“Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời, miền Bắc gọi, miền Nam trả lời. Giặc Mỹ đụng đến miền Bắc một, quân và dân miền Nam quyết đánh trả chúng gấp năm, gấp mười lần”*. (Tuyên bố của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam).

Toàn thể nhân dân miền Bắc đã chuẩn bị sẵn sàng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Hàng triệu nhân dân các thành phố, thị xã, trị trấn sơ tán về nông thôn. Cơ quan, trường học, bệnh viện đều làm tốt công tác phòng không, quân sự hóa nếp sống.

Trước bom đạn ác liệt của kẻ thù, miền Bắc vẫn không ngừng lớn mạnh. Người người, lớp lớp tỏ rõ một bản lĩnh kiên cường, một quyết tâm chống Mỹ không gì lay chuyển nổi. Bản lĩnh đó, quyết tâm đó thể hiện một cách hùng hồn trong lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch ngày 17-7-1966: *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*.

Một cao trào thi đua vâng theo lời dạy của Bác Hồ dâng lên khắp cả nước. Các lực lượng vũ trang *“trút căm thù lên đầu súng”* lấy khẩu hiệu *“nhằm thẳng quân thù mà bắn”* của anh hùng Nguyễn Viết Xuân để rèn luyện, chiến đấu. Công nhân *“tay búa tay súng”* vừa dũng cảm, mưu trí trong chiến đấu bảo vệ nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, vừa phấn đấu đạt *“3 điểm cao”* trong lao động sản xuất. Nông dân xã viên *“tay cày tay súng”* cần cù, dũng cảm, hăng hái thi đua cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, thực hiện thâm canh

tăng năng suất phần đầu đạt 5 tấn thóc bình quân một héc-ta. Thanh niên thi đua "3 sẵn sàng". Phụ nữ thi đua "3 đảm đang", v.v...

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng được phát huy đến mức rất cao và làm nảy nở rất nhiều tấm gương chói lọi, tiêu biểu là những đơn vị và cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua được Chính phủ tuyên dương trong "Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua" tháng 1-1967.

Sau hơn hai năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã hạ hơn 1.600 máy bay đủ loại của địch.

Bị thua đau ở cả hai miền, đế quốc Mỹ vừa đánh vừa lo nên "leo thang" từng bước để thăm dò dư luận. Nhưng bản chất của chúng rất ngoan cố. Từ tháng 2-1967 đến cuối tháng 3-1968, đế quốc Mỹ "leo thang" đánh phá miền Bắc rất ác liệt. Cùng với việc dùng máy bay ném bom dữ dội nhiều nơi, chúng còn cho đại bác từ bên kia giới tuyến bắn sang Vinh linh, dùng tàu chiến bắn phá có hệ thống các vùng ven biển, thả mìn và thủy lôi xuống nhiều sông, lạch. Chúng lấy Hà nội, Hải phòng là trọng điểm trong đợt "leo thang" này. Coi việc đánh phá Hà nội, Hải phòng là "chủ bài" và là "bức thư cuối cùng" hồng làm lung lay ý chí chiến đấu của nhân dân ta. Nhưng chúng càng leo cao, càng bị thất bại thảm hại (1).

3. Nhân dân Việt nam đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Đầu năm 1968, quân dân miền Nam anh hùng mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ. Ở miền Bắc, sau hơn ba năm ném bom, bắn phá rất tàn bạo, mọi mục tiêu chiến lược của Mỹ đều không đạt được. Ngày 31-3-1968, Giôn-xơn bắt buộc phải xuống thang, tuyên bố "ném bom hạn chế" miền Bắc từ vĩ tuyến 19 trở vào. Hơn một tháng sau, chúng lại phải nhận nói chuyện với đại diện Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa tại Pa-ri.

(1) Trong hơn một năm (2-1967 — 3-1968) địch bị hạ 1.121 máy bay, bị bắn chìm 77 tàu chiến và tàu biệt kích, pháo binh địch ở Cần tiền, Dốc Miếu bị trúng trệ địch đánh, hàng trăm giặc lái bị bắt sống...

Ngày 1-11-1968, sau bảy tháng cố tập trung máy bay, tàu chiến đánh phá suốt ngày đêm các tỉnh thuộc Khu bốn cũ, địch bịt hãn con đường chỉ viện từ hậu phương ra tiền tuyến không mang lại kết quả, Giôn-xơn đành phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Trước sức mạnh vô địch của quân và dân ta, "chiến tranh phá hoại" của đế quốc Mỹ bị đánh bại nhục nhã.

Trong hơn bốn năm tiến hành đánh phá miền Bắc, đế quốc Mỹ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, sử dụng mọi thứ trang bị kỹ thuật, hiện đại, dùng mọi thủ đoạn tàn bạo, trút xuống gần một triệu tấn bom đạn. Chúng đã gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân ta: các thành phố lớn và 25 trên 30 thị xã bị đánh đi đánh lại nhiều lần; 8 thị xã và thị trấn bị phá trụi (Đồng Hới, Ninh bình, Phú lý, Bắc giang, Yên Bái, Sơn la, Hà tu, Hồ xá); nhiều trường học, bệnh viện, đề điều, cầu cống bị phá hủy; hàng vạn dân thường bị giết chết. Chúng gieo gió thì chúng phải gặp bão. Trong hơn bốn năm chống "chiến tranh phá hoại", quân dân miền Bắc đã đánh cho đế quốc Mỹ những đòn đích đáng, đập tan một bộ phận của chiến tranh xâm lược, giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của chúng, thu được những thắng lợi to lớn. Tính đến ngày 1-11-1968, có 3.243 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi, hàng ngàn giặc lái đã bị diệt hoặc bị bắt sống, 143 lần bắn chìm, bắn bị thương tàu chiến, tàu biệt kích của địch.

Trong chiến tranh ác liệt, miền Bắc vừa chiến đấu, vừa xây dựng vẫn không ngừng lớn mạnh. Công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa vẫn giữ vững và phát triển. Tiềm lực kinh tế được tăng cường. Lực lượng quốc phòng phát triển vượt bậc. Giao thông vận tải vẫn thông suốt, nối liền hậu phương với tiền tuyến. Trật tự trị an được bảo đảm. Đời sống nhân dân vẫn vững vàng (1).

(1) Đến năm 1967, 93,7% tổng số nông hộ đã vào hợp tác xã (trong đó 88,8% đã vào hợp tác xã bậc cao), 4.655 hợp tác xã đã được trang bị cơ khí nhỏ, 2.551 hợp tác xã đã đạt sản lượng 5 tấn thóc trở lên một héc-ta. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lên tới 49,5%. Toàn miền Bắc có gần 5 triệu học sinh phổ thông, trên 14 vạn học sinh trung học chuyên nghiệp, hơn 7 vạn sinh viên đại học, hơn 4 vạn cán bộ có trình độ đại học và trên đại học...

Miền Bắc ngày càng sung sức để tự bảo vệ một cách thắng lợi và làm tròn sứ mạng lịch sử là căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng.

III

QUÂN VÀ DÂN MIỀN NAM ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

4. Bộ mặt xâm lược bỉ ổi của đế quốc Mỹ đã phơi trần.

Vào giữa năm 1965, chiến lược *«chiến tranh đặc biệt»* của đế quốc Mỹ đã bị phá sản; nguy quân và nguy quyền đang có nguy cơ tan vỡ và sụp đổ; dưới khẩu hiệu vu cáo *«Miền Bắc xâm lược miền Nam»*, *«Mỹ giữ lời cam kết»*, đế quốc Mỹ đã liều mạng đem quân viễn chinh ồ ạt kéo vào miền Nam gây ra chiến lược *«chiến tranh cục bộ»* ở miền Nam và đánh phá ác liệt miền Bắc, mở rộng chiến tranh ra cả nước ta.

Trong cuộc *«phản công chiến lược mùa khô»* lần thứ nhất năm 1965 — 1966, đế quốc Mỹ đã đổ vào miền Nam 20 vạn quân. Trong cuộc *«phản công chiến lược mùa khô»* lần thứ hai năm 1966 — 1967, đế quốc Mỹ đã đổ vào miền Nam tới 40 vạn quân. Mùa khô năm 1967 — 1968, số quân Mỹ và chư hầu tăng lên đến nửa triệu. Cùng với hơn nửa triệu quân nguy, tổng số quân địch ở miền Nam đầu năm 1968 là hơn một triệu trong tổng số 14 triệu dân!

Hạm đội 7 của đế quốc Mỹ ở Thái bình dương cũng được huy động tiến vào vùng biển Việt nam để sẵn sàng ứng chiến. Chi phí của Mỹ cho cuộc chiến tranh tăng lên vùn vụt. Trong *«chiến tranh đặc biệt»*, hằng năm Mỹ bỏ ra 600 triệu đô-la; chuyển sang *«chiến tranh cục bộ»*, Mỹ phải bỏ ra hàng chục tỷ đô-la mỗi năm (1965 : 20 tỷ; 1966 : 25 tỷ; 1967 : 30 tỷ). Tàu chiến, tàu hàng của Mỹ nối đuôi nhau chờ hàng triệu tấn quân trang, quân dụng và vũ khí vào miền Nam. Các căn cứ quân sự của Mỹ liên tiếp mọc lên ở ven biển như Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu...

Đế quốc Mỹ hy vọng với sự nỗ lực lớn lao về người và của, chúng sẽ giành thắng lợi ở miền Nam Việt nam trong thời gian ngắn. Chúng tin rằng với chiến lược hai gọng kìm *«tìm diệt»* và *«bình định»*,

chúng sẽ thành công trong việc bẻ gãy xương sống của quân chủ lực *«Việt cộng»* ở miền Nam, đẩy lực lượng vũ trang nhân dân miền Nam vào thế phòng ngự, từ đó kết thúc cuộc chiến tranh theo ý muốn của đế quốc Mỹ.

5. Vạn Tường : trận độ sức lớn đầu tiên giữa quân ta và quân Mỹ.

Vừa đổ quân vào miền Nam Việt nam, Mỹ đã trực tiếp tham chiến. Trong hai ngày 18 và 19 tháng 8 năm 1965, đế quốc Mỹ đã dùng một lữ đoàn bao gồm đủ các binh chủng thuộc sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1 và số 3 tấn công vào Vạn Tường, một thôn nhỏ, thuộc ven biển huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (1).

Mục tiêu của cuộc hành quân là tiêu diệt một đơn vị chủ lực, quân giải phóng mà Mỹ cho rằng đang đóng ở Vạn Tường, đồng thời thí nghiệm một chiến thuật và kỹ thuật quân sự tối tân của Mỹ.

Vạn Tường là một trận độ sức lớn đầu tiên giữa chủ lực ta và quân viễn chinh Mỹ.

Sau hai ngày chiến đấu với một kẻ địch có binh lực đông hơn, có đủ cả hải, lục, không quân phối hợp, có ưu thế tuyệt đối về hỏa lực và cơ động, một trung đoàn quân giải phóng và du kích Vạn Tường đã đánh bại cuộc hành quân của quân Mỹ, tiêu diệt và làm bị thương hơn 900 tên (có 4 đại đội bị diệt gọn), bắn rơi 13 máy bay, phá hủy 15 xe tăng và xe bọc thép.

Chiến thắng rực rỡ Vạn Tường đã khẳng định : ta có thể đánh thắng quân viễn chinh Mỹ, có thể làm phá sản chiến thuật hiện đại của Mỹ, có thể tiếp tục thế chiến lược tiến công ngay từ lúc quân viễn chinh Mỹ bắt đầu ồ ạt kéo vào miền Nam. Cuộc độ sức ở Vạn Tường đã làm bộc lộ những chỗ yếu của địch và chứng minh hiệu lực sắc bén của cách đánh của quân dân ta.

«Trận Vạn Tường có thể coi là trận Ấp Bắc đối với quân đội viễn chinh Mỹ... Trận Vạn Tường mà bọn tướng tá Mỹ cho là có thể so

(1) Lực lượng huy động của chúng là 8.000 quân, 70 máy bay phân lực, 1.000 lượt chiếc máy bay lên thẳng, hơn 40 khẩu pháo, hơn 100 xe tăng, xe bọc thép, dưới quyền chỉ huy của một tên đại tá Mỹ.

sánh với những trận chiến đấu giáp lá cà ác liệt nhất trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, là một chiến thắng lớn của quân và dân miền Nam, nó báo hiệu thất bại về chiến thuật của quân đội viễn chinh Mỹ». (1)

6. Quân dân miền Nam đánh bại cuộc « phản công chiến lược mùa khô » 1965 — 1966 và 1966 — 1967.

Báo chí Mỹ và phương Tây đã cho biết, lý thuyết « chiến tranh cục bộ » của Mỹ đề ra hai mức sử dụng quân Mỹ trực tiếp tham chiến : mức thấp là 6 vạn quân, mức cao là 18 vạn.

Cuộc « phản công chiến lược mùa khô » 1965 — 1966, với tham vọng nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị chủ lực quân giải phóng và có thể kết thúc chiến tranh sớm, đế quốc Mỹ đã tập trung toàn bộ lực lượng (18 vạn quân Mỹ và hơn 50 vạn quân ngụy lẫn chư hầu) tiến hành tấn công ồ ạt trên khắp chiến trường miền Nam. Cuộc phản công của chúng diễn ra thành hai đợt hành binh lớn kế tiếp nhau trong suốt 5 tháng.

Đợt hành binh thứ nhất vào mùa đông 1965, chúng đánh vào hai hướng chính : bắc Sài Gòn và Tây nguyên.

Bị thua đau trên cả hai hướng phản công, mùa xuân 1966, Mỹ tăng quân của chúng ở miền Nam lên 25 vạn tên, đề cùng quân ngụy mở đợt hành binh lớn thứ hai theo ba hướng trọng điểm : Đông Nam bộ, đồng bằng Trung Trung bộ và Tây nguyên.

Sau 5 tháng « phản công chiến lược mùa khô », đế quốc Mỹ không tiêu diệt được chủ lực của ta mà còn bị thất bại thảm hại. Chúng đã bị giết, bị thương, bị bắt hơn 114.000 tên, trong đó có 43.000 tên Mỹ và chư hầu. Mỹ muốn quân chủ lực ta phải phân tán, trở lại thể đánh du kích nhưng quân giải phóng đã tiến lên đánh chính quy, sử dụng hàng trung đoàn để diệt địch. Mỹ đặt rất nhiều hy vọng vào các sư đoàn tinh nhuệ với những vũ khí « tối tân », với chiến thuật « tân kỳ » của chúng nhưng cuối cùng chúng đều phải bó tay

(1) Trích trong cuốn « Cả nước một lòng đầy mạnh cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, kiên quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược » của đại tướng Võ Nguyên Giáp.

trước cách đánh dũng mãnh, mưu trí, sáng tạo của cuộc chiến tranh nhân dân.

Thắng lợi của quân và dân miền Nam trong mùa khô 1965 — 1966 là thắng lợi toàn diện về quân sự và chính trị mà chủ yếu là thắng lợi quân sự. Qua 5 tháng thử lửa với quân Mỹ, các lực lượng vũ trang giải phóng đã được tôi luyện già dặn và trưởng thành nhanh chóng.

Sang mùa khô 1966 — 1967, đế quốc Mỹ lại ráo riết đưa thêm quân Mỹ và chư hầu cùng với phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Mùa khô trước, Mỹ chủ trương « tìm diệt » là chính rồi « bình định » sau. Mùa khô lần này, chúng chủ trương tiến hành song song hai gọng kìm « tìm diệt » và « bình định nông thôn ».

Năm vững âm mưu địch, từ cuối mùa hè 1966, ta chủ động mở chiến trường mới ở Trị — Thiên để phân tán lực lượng địch, tạo một thế bất ngờ đối với địch. Mấy chục vạn quân Mỹ bị căng ra khắp chiến trường miền Nam để đối phó với cuộc chiến tranh nhân dân của ta. Tuy thế, vào mùa khô 1966 — 1967, đế quốc Mỹ vẫn cố gắng tập trung quân mở những cuộc hành quân lớn như các cuộc hành quân At-ton-bô-rơ, Xi-da-phôn, Gian-xơn Xi-ty... để mong giành một thắng lợi quân sự quyết định, chuyển thế bị động sang thế chủ động.

Mọi cố gắng của địch lại bị thất bại một lần nữa. Quân dân ta đã đánh tan các cuộc hành quân « tìm diệt » của địch đồng thời còn thọc sâu đánh trúng vào các sào huyệt hậu cần của chúng. Cuộc hành quân lớn nhất Gian-xơn Xi-ty của 4 vạn rưỡi quân Mỹ vào Tây ninh, mà chúng khoe khoang âm ỷ, lại chính là đỉnh cao của sự thất bại của Mỹ trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai. Chiến thắng mùa khô 1966 — 1967, quân dân ta đã tiêu diệt 105.000 tên địch, trong đó có 71.000 Mỹ và 15.000 chư hầu, phá hỏng, phá hủy rất nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Trên mặt trận « bình định », mặc dù chúng đã dốc toàn bộ lực lượng quân ngụy, một phần quân Mỹ và chư hầu để yểm trợ, nhưng chính những trọng điểm đánh phá như Quảng nam, Quảng Ngãi, Bình định, Long an, Bến tre... phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang lại phát triển mạnh. Cả miền Nam nhân dân đứng dậy chống phá « bình định ». Toàn dân thi đua giành danh hiệu

• *dũng sĩ* • theo lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng (1). Dân thì quyết bám đất • *một tấc không đi, một ly không rời* •. Quân thì bám dân ăn vào dân mà đánh địch. Cả hai gọng kìm • *tìm diệt* • và • *bình định* • của địch bị đập tan.

Cuộc • *phản công chiến lược mùa khô* • 1966 — 1967 bị thất bại, đế quốc Mỹ buộc phải dần dần chuyển sang phòng ngự về chiến lược. Trên chiến trường, vào thời gian nửa cuối năm 1967, địch không mở được một cuộc hành quân nào đáng kể và lâm vào thế bị động đối phó.

7. Cuộc tập kích chiến lược mùa xuân 1968, đòn quyết định đánh bại chiến lược «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mỹ.

Đầu xuân năm 1968, chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng, trong hai ngày 30 và 31 tháng 1-1968, quân và dân miền Nam đã nhất tề nổi dậy, đồng loạt tấn công mãnh liệt, toàn diện về quân sự và chính trị, đánh vào những nơi đầu não, những vị trí xung yếu của địch ở 64 thành phố, thị trấn và nhiều vùng nông thôn rộng lớn suốt từ Trị-Thiên đến Cà mau.

Ở Bắc Quảng trị, ta áp đảo địch trên tuyến đường 9, tiêu diệt chỉ khu quân sự Hướng hóa và cứ điểm Làng Vây ; bao vây tập đoàn cứ điểm Tà cơn, bắn chìm nhiều tàu địch trên sông Cửa Việt.

Ở Thừa Thiên — Huế, ta đập tan hệ thống nguy quyền trong tỉnh, diệt nhiều sinh lực địch ; làm chủ thành phố dài ngày, đánh bật hàng chục trận phản kích lớn của địch giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

Ở Trung Trung bộ, ta tiến công nhiều vị trí then chốt của địch ở các tỉnh ; liên tục đánh phá căn cứ không quân lớn của Mỹ ở Đà nẵng, sân bay Nước mặn ; giải phóng nhiều vùng đồng bằng đông dân.

(1) Dũng sĩ Nguyễn Thị Hạnh kiên trì công tác trong lòng địch đã tự mình đánh Mỹ và tự tổ chức đánh Mỹ gần 400 trận. Dũng sĩ Nguyễn Văn Lên dùng mìn đánh địch, tính đến tháng 9-1967 đã diệt được 768 địch trong đó có 400 Mỹ, đạt mức kỷ lục. Cả gia đình Vai, Kan Lịch đều là dũng sĩ, đều là anh hùng.

Ở Nam Trung bộ, ta đánh chiếm nhiều vị trí địch trong thị xã Phan thiết, làm tê liệt sân bay Phan thiết ; liên tục tiến công thành phố Đà lạt, làm tê liệt sân bay Cẩm Ly, làm chủ nhiều khu vực trong thành phố.

Ở Tây nguyên, ta tấn công mạnh ở Công-tum, Buôn-mê-thuột, đánh chiếm nhiều thị trấn, quận lỵ, phá 4 nhà tù giải thoát hàng ngàn người bị giam giữ ; cắt đứt các trục giao thông chiến lược số 19, 14.

Ở Đông Nam bộ, ta đánh phá các căn cứ lớn của Mỹ ở Lai Khê, Đồng dù, Dầu tiếng ; đánh phá sân bay Biên hòa ; tiến công và nổi dậy ở các thị xã ; làm tê liệt nhiều đường giao thông huyết mạch về Sài gòn.

Ở Trung Nam bộ, đánh mạnh vào các thị xã Mỹ tho, Bến tre, Châu đốc, Kiến tường, Kiến phong, Gò công ; và hàng loạt các thị trấn ...

Ở Tây Nam bộ, tiến công các sào huyệt của địch ở Cần thơ, Sóc trăng, Trà vinh, Vĩnh long, Bạc liêu, Cà mau, Rạch giá.

Ở Sài gòn — Gia định, ta đánh đúng vào các sào huyệt đầu não của Mỹ — nguy như dinh Độc lập, sứ quán Mỹ, bộ tổng tham mưu liên quân, bộ tư lệnh Hải quân ; tấn công sân bay Tân sơn nhất, trận địa cao xạ và khu xe thiết giáp nguy, khu hậu cần lớn nhất của nguy ở Hạnh thông tây và kho Long bình, trung tâm huấn luyện Quang Trung, đài phát thanh Sài gòn ; làm chủ dài ngày ở phần lớn các quận 4, 5, 6, 7, 8 của thành phố Sài gòn.

Sau hai ngày đồng loạt nổi dậy tấn công và tiếp theo hơn bốn mươi ngày đêm chiến đấu cực kỳ anh dũng và tài trí, quân và dân miền Nam đã giành được thắng lợi rất to lớn và toàn diện (1).

Khắp miền Nam, khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân dâng lên như nước vỡ bờ. Quân và dân ta đã quét sạch hàng loạt bọn ác ôn ; phá vỡ từng mảng dân vệ, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở nhiều ấp, xã ; thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức thêm

(1) Ta đã tiêu diệt 150.000 tên địch trong đó có 45.000 tên Mỹ và chư hầu ; bắn rơi và phá hủy gần 2.200 máy bay ; phá hủy hơn 1.750 xe tăng, xe bọc thép, hơn 300 khẩu pháo ; đánh chìm và đánh hỏng 233 tàu, xuồng chiến đấu ; san bằng 823 đồn bốt ; đánh sập 350 cầu ; phá hủy 300 kho tàng...

nhieu đội vũ trang tự vệ, lập thêm những tổ chức yêu nước mới. Một triệu 60 vạn dân đã giành quyền làm chủ, ở 100 xã và hơn 600 thôn, ấp mới được giải phóng. Vùng nông thôn của địch trước kia coi như bị bỏ ngỏ; kế hoạch "bình định" của địch bị phá sản. Chúng phải co lại đề cố thủ ở thành thị mà vẫn nơm nớp lo sợ những cuộc tiến công mới. Các cơ quan đầu não, các cơ sở yết hầu của địch đã bị đánh những đòn đau đớn và bị tê liệt, rối loạn. Cách mạng miền Nam chẳng những có thể traten vững vàng ở vùng rừng núi, ở nông thôn mà còn có mặt traten mới ở thành thị.

Chiến thắng đầu xuân 1968, nói lên nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài tình, mưu trí và táo bạo của Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng và Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Quân và dân ta biết tạo nên và phát triển yếu tố bất ngờ, vũ bão ập vào toàn bộ dinh lũy của Mỹ ngụy; biết dùng lực lượng ít mà tinh vượt qua hệ thống phòng ngự ken dày của địch, đánh thẳng vào sào huyệt của chúng; biết kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích; biết kết hợp ba mũi giáp công; kết hợp đánh địch trên cả ba vùng chiến lược.

Qua cuộc thử thách quyết liệt này, quân và dân ta đều trưởng thành và phát triển nhảy vọt, tạo nên một sức mạnh tổng hợp chưa từng có của chiến tranh nhân dân.

Cùng với những thắng lợi trước đó, chiến thắng oanh liệt của mùa xuân 1968 đã giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

Mùa hạ và mùa thu 1968, quân dân miền Nam, thừa thắng, liên tục tiến công nổi dậy, đánh Mỹ, diệt ngụy; quân dân miền Bắc thu được những thắng lợi rất to lớn trong việc đánh bại "chiến tranh phá hoại" của đế quốc Mỹ.

Chiến thắng vang dội ở cả hai miền buộc đế quốc Mỹ phải đình chỉ ném bom bắn phá toàn bộ lãnh thổ miền Bắc (1-11-1968) và phải thừa nhận đại diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tham dự Hội nghị thương lượng bốn bên tại Pa-ri (18-1-1969) (1).

(1) Cũng do chiến thắng to lớn của nhân dân Việt nam năm 1968, mà Mác Na-ma-ra phải từ chức, Giôn-xơn mất ghế tổng thống, Oét-mo-len bị thải hồi, Cô-mơ phải đòi công tác.

CÂU HỎI

1. Tại sao đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc? Đế quốc Mỹ đã "leo thang" đánh phá miền Bắc như thế nào? Tại sao nói đế quốc Mỹ càng "leo thang" càng bị thua đau?
2. Tinh thần quyết tâm chống "chiến tranh phá hoại" của quân và dân miền Bắc diễn ra như thế nào? Vì sao đế quốc Mỹ phải xuống thang rồi đi đến đình chỉ ném bom đánh phá miền Bắc?
3. Phân tích tình trạng bị động và những mặt non yếu của đế quốc Mỹ khi chúng chuyển chiến lược từ "chiến tranh đặc biệt" sang "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt nam.
4. Chiến thắng Vạn Tường. Tại sao lại so sánh chiến thắng Vạn Tường với chiến thắng Ấp Bắc?
5. Những âm mưu của đế quốc Mỹ trong hai cuộc "phản công chiến lược mùa khô" 1965 — 1967. Kết quả của hai cuộc phản công mùa khô của địch diễn ra như thế nào? Phân tích nguyên nhân dẫn đến kết quả đó.
6. Cuộc tập kích chiến lược mùa xuân 1968 của quân và dân miền Nam. Ý nghĩa quan trọng của cuộc tập kích chiến lược đó?
7. Phân tích rõ sự phối hợp của quân và dân hai miền Nam, Bắc trong việc chiến đấu chống đế quốc Mỹ từ 1965 đến 1968.

* * *

ĐỌC THÊM

I. « THẦN TƯỢNG KHÔNG LỰC HOA KỲ » BỊ HẠ BỆ

3.243 máy bay Mỹ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi gồm 47 kiểu của 17 hãng sản xuất. Hầu hết 15 tàu chở máy bay Mỹ luân phiên sang đánh phá miền Bắc nước ta (Mỹ có tất cả 18 tàu chở máy bay) và các sân bay phản lực Mỹ ở Thái lan, Nam Việt nam đều có máy bay bị bắn rơi ở miền Bắc. Hầu hết các loại máy bay chiến thuật và cả máy bay chiến lược của đế quốc Mỹ, mà chúng chưa dùng trong cuộc chiến tranh xâm lược nào trước đây, đã bị quân và dân miền Bắc bắn rơi, như: máy bay B.52, F.4C, F.105D, F.105E, A.6A, F.4D, F.111A, A.7....

3.243 máy bay Mỹ bị bắn rơi (không kể số bị trọng thương không dùng được) là bằng 5 lần rưỡi tổng số máy bay của hạm đội 7 Mỹ và bằng 16 lần tổng số máy bay trên 3 tàu chở máy bay thường xuyên hoạt động ở ngoài khơi miền Bắc nước ta. Đế quốc Mỹ phải thú nhận là chúng đã mất ở Việt nam quá nửa số máy bay *“thần sấm”* F.105 mà chúng thường khoe là loại *“tiêu biểu cho đỉnh cao nhất của khoa học hàng không quốc tế”*.

Trong số hàng nghìn tên giặc lái Mỹ bị quân và dân ta tiêu diệt và bắt sống (mỗi tên đào tạo tốn 773.000 đô la) có nhiều tên là *“anh hùng không quân Mỹ”*, có tên là *“phi công vũ trụ”*, gồm từ đại tá liên đội trưởng, liên đội phó đến trung tá, thiếu tá của các lực lượng không quân.

(Tư liệu VNNTX)

II. SỐ MÁY BAY MỸ BỊ BẮN RƠI TỪ 5-8-1964 ĐẾN 1-11-1968

1964 bắn rơi	12 máy bay Mỹ,
1965 bắn rơi	834 máy bay Mỹ,
1966 bắn rơi	773 máy bay Mỹ,
1967 bắn rơi	1.067 máy bay Mỹ,
1968 bắn rơi	557 máy bay Mỹ.

Tổng cộng : 3.243 máy bay Mỹ.

(Tư liệu VNNTX)

III. GIẢI PHÓNG NHÀ LAO THỪA PHỦ

Tiếng súng tổng tiến công nổ ra ở ngoại thành Huế. Ban lãnh đạo nhà lao Thừa phủ truyền lệnh :

— Tất cả anh chị em hãy chuẩn bị sẵn sàng !

Tiếng súng nổ càng dữ dội, mỗi lúc nghe một gần. Bọn cai ngục nhốn nháo, lồng lộn như bầy thú dữ. Anh chị em tù đứng cả dậy, mắt rực lửa căm thù đồ dòn về phía cổng nhà lao. Các đội tự vệ trong nhà lao đã được giao nhiệm vụ chiến đấu.

Tên giám ngục hốt hoảng, thúc giục tay chân gài mìn ở các cửa nhà giam. Âm mưu của chúng bị chặn đứng lại. Những tiếng thét căm hờn : *“Đả đảo bọn giết người”*, *“chặn tay bọn giết người”* vang lên từng đợt như sấm.

Cả nhà lao bừng bừng khí thế nổi dậy muốn phá tung xiềng xích gông cùm. Tất cả nóng lòng chờ đợi các chiến sĩ quân giải phóng.

Không gài được mìn, tên giám ngục điên cuồng cho tay chân ném bừa lựu đạn cay vào các buồng giam. Hàng nghìn người bị ngột ngạt. Tiếng thét nổi lên liên hồi, rung chuyển cả khu nhà lao. Nhiều anh em binh sĩ yêu nước gác ngục đã tìm cách chuyển hết thùng nước này đến thùng nước khác để anh chị em tù nhúng khăn đắp mặt chống hơi cay.

Vừa lúc đó, các mũi tiến công của Quân giải phóng ào ạt xông tới, phá tung cổng thành nhà lao, tràn vào như thác lũ.

— Đồng bào, đồng chí ơi, chúng tôi đã đến đây rồi !

Các cửa nhà lao bị phá tung. Hàng ngàn đồng bào ủa ra đón mừng các chiến sĩ giải phóng. Tiếng hò reo vang dội cả thành phố. Các đội tự vệ nhà lao phối hợp với bộ đội tóm gọn toàn bộ bọn cai ngục ác ôn.

Ban lãnh đạo khối nghĩa nhà lao kêu gọi anh chị em xung phong chiến đấu giết giặc cứu nước. Một rừng cánh tay dơ lên hưởng ứng. Hàng trăm thanh niên được phát súng. Những người khác tự nguyện vào các tổ chức hậu cần.

Từ nhà lao Thừa phủ hơn 2.200 người vừa được giải thoát, xông ra tập hợp thành đội ngũ, cùng với bộ đội và nhân dân tiếp tục tiêu diệt quân thù trên các trận địa thành phố Huế.

Đài Giải phóng

IV. TỘI ÁC TẦY TRỜI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở THÔN MỸ HỒI, XÃ SƠN MỸ, TỈNH QUẢNG NGÃI

NGÀY 16-3-1968

“Bà nội em vừa bò lên miệng hầm để xem xét, bị chúng bắn ngay vào giữa ngực. Bà em không kịp kêu lên một tiếng, ngã xuống bên người em. Em chỉ kịp nhìn thấy một chớp lửa, rồi một tiếng

nở búp, em ngã sấp, mê man. Chính nhờ xác của bà em che chở nên em đã sống. Quả lựu đạn xé xác bà em ra nhiều mảnh. Lúc tỉnh dậy, em bò ra khỏi hầm. Một cảnh chết chóc, tàn phá làm em bàng hoàng. Tất cả nhà cửa, cây cối chỉ còn một màu cháy đen. Ở hầm bác Lê, 8 người nằm chết chồng lên nhau trên miệng hầm; nhìn xuống dưới hầm 7 người nữa nằm sõng sượt. Xế chiều, em đang bơi dật tìm em Đức bị sập hầm thì giặc Mỹ lại kéo đến. Em vừa trốn xuống hầm thì chúng đã kéo đến nhà bà Khéo, đốt luôn chiếc lều nhỏ của bà. Bà Khéo 65 tuổi vừa bước ra khỏi hầm liền bị chúng bắn chết rồi hất xác vào lửa.

Em còn được nghe người trong thôn kể nhiều chuyện đau thương khác. Giặc Mỹ đã giết chết bà Mãi, năm râu ông Mãi lòi xềnh xệch, đốt râu ông, bắn ông rồi lấy lưới lê đâm vào người ông. Chúng đến hầm cô Võ Thị Phụ lòi lên đề hăm hiếp rồi bắn chết. Đứa con cô còn bỏ lên bú mẹ. Bọn giặc liền lấy rơm đốt cháy cả hai mẹ con thành than. Chị Ngôn chưa sắp đẻ, bị chúng hăm hiếp rồi cũng bắn chết làm cho em nhỏ trong bụng mẹ lòi cả chân ra ngoài. Ba đứa con khác của chị cũng bị chúng bắn chết nằm đùn một đống...

Toàn thôn em có gần 100 người phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em, nhưng tự nhiên chúng đến phá sạch, đốt sạch, giết sạch chỉ còn sống sót có 7 người. Riêng gia đình em, bà con thân thích đã bị chết đến 18 người.

(lời em Võ Thị Liên, 12 tuổi, một trong 7 người còn sống sót)



NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH « VIỆT NAM HÓA » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM VÀ ĐÁNH BẠI « CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI » LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN BẮC

I

QUÂN VÀ DÂN MIỀN NAM ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH « VIỆT NAM HÓA » CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 — 1972)

1. Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược « Việt nam hóa » chiến tranh và mở rộng chiến tranh trên toàn bộ bán đảo Đông dương

Đầu năm 1969, tổng số quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt nam là 543.482 tên (con số huy động lúc cao nhất). Chính thời gian này Ních-xơn lên cầm quyền ở Mỹ (thay Giôn-xơn). Ních-xơn biết rằng càng đổ thêm quân Mỹ vào Việt nam thì càng nếm mùi cay đắng, càng bị nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối. Vì vậy, bước vào Nhà trắng, Ních-xơn đã phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ, cho ra đời cái gọi là « học thuyết Ních-xơn » và đem học thuyết đó áp dụng thí nghiệm ở Việt nam với cái tên « Việt nam hóa » chiến tranh.

Đưa ra chiến lược « Việt nam hóa », Ních-xơn nhằm rút dần quân Mỹ về nước, dùng quân ngụy thay thế bộ binh Mỹ nhưng có sự yểm trợ mạnh bằng không quân, hải quân và hậu cần Mỹ để Mỹ vẫn có thể kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược Việt nam.

Thực chất của « Việt nam hóa » chiến tranh là áp dụng chính sách « dùng người Việt trị người Việt », là « thay màu da của các xác chết », rất thâm độc của bọn thực dân, đế quốc.

Ngày 8-7-1969, để tuyên truyền cho chiến lược « Việt nam hóa », đế quốc Mỹ cho rút khỏi miền Nam một bộ phận đầu tiên của quân Mỹ gồm 814 tên. Từ đó trở đi, chúng tiến hành rút quân « nhỏ giọt » có nghiên cứu gạn lọc, rút dần những tên lính hết hạn nghĩa vụ hoặc

không còn khả năng chiến đấu, đề có thì giờ *· vực ·* được quân nguy, cốt luôn luôn giữ được *· thể mạnh ·* về quân sự trên chiến trường. Đồng thời với việc rút quân, đế quốc Mỹ dốc thúc việc tăng quân nguy từ 50 vạn lên 80 vạn (1969) rồi lên hơn một triệu (1971). Chúng ra sức viện trợ quân sự để giúp quân nguy *· đủ mạnh ·* về hỏa lực và sức cơ động. Chúng cố gắng tập hợp các phe phái chính trị thân Mỹ, hòng lập thành một thứ *· mặt trận ·* làm hậu thuẫn cho nguy quyền Sài gòn và cho sử dụng cái nhãn hiệu *· độc lập ·* giả hiệu, bày trò *· bầu cử ·* ở các cấp, tô son vẽ phấn cho cái vỏ *· dân chủ ·* đầy xấu xa của chúng. Mặt khác, chúng ráo riết đẩy mạnh chương trình *· bình định cấp tốc ·* (1969 — 1970), *· bình định đặc biệt ·* (cuối 1970), *· bình định bồ túc ·* (1971) trên khắp miền Nam. Trong năm 1969, 50% hoạt động quân sự của Mỹ và 80% hoạt động quân sự của nguy là nhằm yểm hộ và tiến hành chương trình *· bình định ·*. So với chiến dịch *· tổ cộng diệt cộng ·* thời Ngô Đình Diệm, chương trình *· bình định ·* lần này của đế quốc Mỹ còn dã man, tàn bạo hơn nhiều.

Đầu năm 1970, đề cớ lập cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ cấu kết với bọn phản động Lon-non gây ra cuộc đảo chính, lật đổ chính phủ hợp pháp của Xăm-đéc Quốc trưởng Nô-rô-đôm Xi-ha-núc ở Căm-pu-chia (3-1970); rồi đưa quân viễn chinh Mỹ và quân Sài gòn ồ ạt xâm lược Căm-pu-chia (4-1970). Đầu năm 1971, chúng lại đưa quân Sài gòn sang xâm lược Nam Lào dưới sự phối hợp và yểm trợ của quân Mỹ. Chiến tranh đã lan rộng ra toàn bán đảo Đông dương.

2. Quân và dân miền Nam sát cánh cùng quân dân Căm-pu-chia, Lào đẩy chiến lược « Việt nam hóa » vào thế sa lầy nghiêm trọng.

Từ sau cuộc tập kích chiến lược mùa xuân năm 1968, quân và dân miền Nam liên tục tiến công và nổi dậy, liên tiếp thu được những thắng lợi to lớn. Trong hoàn cảnh ấy, ngày 6-6-1969, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam. Sự kiện lịch sử này chứng tỏ rằng nhân dân miền Nam quyết tâm tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu để làm chủ vận mệnh của mình, sẵn sàng đánh trả đích đáng âm mưu *· Việt nam hóa ·* chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng và chính quyền cách mạng, những cải cách dân chủ đã được thực hiện ở vùng giải phóng. Nông dân được chia ruộng đất để cày cấy. Sản xuất nông nghiệp, và thủ công nghiệp phát triển. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế cũng đạt được những kết quả quan trọng. Nhân dân thực sự được làm chủ cuộc đời mình và được sống tự do. Mọi chủ trương, chính sách của Mặt trận, của chính quyền cách mạng đều xuất phát từ quyền lợi và nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Vì vậy, những cải cách dân chủ, tuy mới thực hiện bước đầu ở vùng giải phóng, đã gây được không khí tin tưởng, phấn khởi, trong nhân dân, đã nói lên rất rõ tính chất ưu việt của chế độ cách mạng; làm cho mọi người thấy được tính chất lệ thuộc, thối nát của chế độ nguy quyền, con đẻ của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ nhào nặn ra.

Ngày 3-9-1969, tin Bác Hồ vô vàn kính yêu qua đời, đã đến với nhân dân miền Nam, qua đài phát thanh Tiếng nói Việt nam. Tình cảm sâu nặng của nhân dân miền Nam đối với lãnh tụ làm cho ý chí và sức mạnh chiến đấu chống quân thù tăng lên gấp bội. Những tháng cuối năm 1969, đầu năm 1970, quân dân miền Nam xốc tới, quật vào chiến lược *· Việt nam hóa ·* những đòn mãnh liệt, làm cho đế quốc Mỹ rất lung túng, phải bị động đối phó bằng cách vũ trang xâm lược sang Căm-pu-chia để cứu vãn chương trình *· Việt nam hóa ·* ở miền Nam.

Trước tình hình đó, các lực lượng yêu nước Căm-pu-chia với sự chi viện to lớn và kịp thời của nhân dân Việt nam, đã đánh cho đế quốc Mỹ và tay sai những đòn trừng phạt nặng nề. Cách mạng Căm-pu-chia tiến lên bằng những bước nhảy vọt.

Ngày 24-4-1970, những vị đứng đầu ba nước Đông dương đã họp hội nghị cấp cao để nói lên sức mạnh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc anh em, nói lên quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, hạnh phúc lâu dài của nhân dân Đông dương.

Tại Căm-pu-chia, nhân dân anh em vũ trang nổi dậy, giáng trả quyết liệt cuộc hành quân điên rồ của Mỹ nguy Sài gòn. Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới thì kịch liệt phản đối chúng. Vì vậy Mỹ buộc phải rút khỏi Căm-pu-chia chỉ để lực lượng nguy Sài gòn ở lại nhằm viện trợ cho bọn phản động Lon Non.

Tại miền Nam, trên chiến trường đồng bằng là nơi trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy, quân và dân ta, bất chấp bom đạn ác liệt, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch. Ở đồng bằng Trung Trung bộ, Nam Trung bộ và đồng bằng sông Cửu long là những nơi phong trào chống phá "bình định" rất mạnh (1).

Phong trào đấu tranh ở thành thị cũng phát triển liên tục, bền bỉ với nhiều hình thức phong phú, với quy mô to lớn hơn trước. Phong trào đã nêu nhiều khẩu hiệu có ý nghĩa chính trị cao như đòi quân Mỹ rút về nước, đánh đổ Thiệu — Kỳ — Khiêm, lập chính phủ hòa hợp dân tộc...

Năm 1970, nhân dân Việt nam và nhân dân Căm-pu-chia, Lào phối hợp chiến đấu đầy để quốc Mỹ vào thế sa lầy nghiêm trọng. Chiến lược "Việt nam hóa" chiến tranh bước đầu bị uy hiếp toàn diện.

Cuối tháng 2-1971, Mỹ ngụy đã tính toán mở cuộc hành quân lớn mang tên "Lam sơn 719" ở đường 9 — Nam Lào, hòng bịt "đường mòn Hồ Chí Minh", cắt đứt hoàn toàn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến. Đây là một cuộc hành quân điển hình của "Việt nam hóa" chiến tranh (2).

Nhưng quân và dân miền Nam cùng với quân và dân Lào anh em đã chuẩn bị sẵn sàng, chủ động tiến hành phản công. Sau 43 ngày chiến đấu liên tục, quân dân hai nước đã đập tan hoàn toàn cuộc hành quân phiêu lưu này của Mỹ ngụy (3).

(1) Thí dụ những chiến công đánh địch ở Vĩnh thuận, Cái nước, Gò quao, Xẻo rô (Rạch giá), Ông đốc, Thới bình (Cà mau), Vĩnh viễn, Long mỹ (Cần thơ), Tịnh biên, Ba xoài, Tri tôn (An giang), Hàm lương (Bến tre), Thượng đức (Quảng nam), Sơn tịnh, Trà bông (Quảng Ngãi), Vĩnh thành, Gò trạm (Bình định)...

(2) Trong cuộc hành quân này, chúng huy động tới 45.000 tên (có hơn 10.000 tên Mỹ), phần lớn là những đơn vị trong lực lượng tổng dự bị chiến lược ngụy; hơn 1.500 máy bay chiến đấu, có máy bay B.52 yểm trợ cho từng trận đánh; hơn 800 máy bay trực thăng; ngót 600 xe, phần lớn là xe tăng và xe bọc thép; gần 300 khẩu pháo.

(3) Chiến thắng đường 9 — Nam Lào đã diệt 15.400 tên địch (có 200 Mỹ), bắt sống 1.000 tên (có nhiều sĩ quan từ cấp úy đến đại tá); diệt 8 tiểu đoàn pháo binh, đánh thiệt hại 5 tiểu đoàn pháo binh khác; phá hủy và thu 496 máy bay (hầu hết là máy bay lên thẳng), phá hủy và thu được rất nhiều quân trang, quân dụng.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam và các nước trên bán đảo Đông dương đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt đời sống của nước Mỹ, của nhân dân Mỹ, gây bất lợi cho Ních-xon trong cuộc tranh cử tổng thống Mỹ năm 1972. Tập đoàn thống trị Ních-xon, một mặt, dùng chính sách ngoại giao xảo quyệt thâm độc để ngăn chặn sức tiến công của quân dân ta và gây uy tín cho chúng ở nước Mỹ, một mặt, chúng ra sức củng cố thể phòng ngự để đối phó lại khi bị tiến công.

3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam năm 1972, đập tan chiến lược "Việt nam hóa" chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Mùa xuân năm 1972, dịp tết đã qua, không thấy quân và dân miền Nam hành động lớn, Mỹ ngụy tưởng rằng nhân dân ta đã hết khả năng tiến công, thì bất ngờ ngày 30-3-1972, cuộc tiến công chiến lược của quân và dân miền Nam lại bắt đầu.

Quân giải phóng, có sự phối hợp của các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị của quần chúng, đã tiến công địch trên ba mặt trận chính: Quảng trị, Tây nguyên và Bình long — Tây ninh.

Tại mặt trận Quảng trị, quân ta đồng loạt tiến công vào hệ thống phòng thủ vòng ngoài kiên cố nhất, trên các điểm cao ở nam bắc đường 9. Chỉ trong vòng 48 giờ (kể từ trưa ngày 30-3-1972) quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn 10 cứ điểm lớn, đập tan hệ thống phòng ngự này. Để đối phó với nguy cơ bị tiêu diệt, bọn địch huy động lực lượng tối đa, hình thành một tập đoàn phòng ngự mới. Quân dân Quảng trị lại tiếp tục tiến công mãnh liệt vào các cứ điểm lớn của địch ở Đông hà, Ái tử, La vang, Tích tường, Quảng trị, tiêu diệt và bắt sống một bộ phận sinh lực lớn của địch, đập nát tập đoàn phòng ngự vào loại mạnh nhất của chúng, giải phóng tỉnh Quảng trị.

Tiếp sau đó là những cuộc chiến đấu dữ dội suốt 80 ngày đêm ở thành cổ Quảng trị, quân ta đánh lui hàng trăm trận phản kích của Mỹ ngụy, bảo vệ vùng giải phóng.

Tại mặt trận Tây nguyên, quân dân ta đánh rất mạnh, tiêu diệt nhiều căn cứ của địch, trên các dãy núi phía tây sông Pô-cô, đánh địch trên đường số 14 từ Plây-cu đi Công-tum cắt đường số 19. Ngày

24-4-1972, quân ta mở cuộc tiến công lớn, đập tan nhanh chóng tuyến phòng thủ kiên cố của địch ở Đắc tô — Tân cảnh, giải phóng phần lớn tỉnh Công-tum và một số vùng ở Plây-cu. Sau đây, quân dân ta liên tiếp bao vây, uy hiếp địch ở thị xã Công-tum.

Tại mặt trận Bình long — Tây ninh, quân và dân miền Đông Nam bộ đã tiến công vào hệ thống phòng thủ của địch ở phía bắc và tây bắc Sài gòn, tiêu diệt chi khu quân sự Lộc ninh; vây đánh ở An lộc; đánh địch trên một tuyến dài từ Chơn thành xuống Lai khê, Bến cát; đánh chiếm nhiều căn cứ địch trên đường số 13, đường 22. Trong một thời gian ngắn, quân dân ta giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn gồm hầu hết tỉnh Bình long, phần lớn các tỉnh Phước long và Tây ninh.

Phối hợp chặt chẽ với ba chiến trường lớn, trên khắp miền Nam quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ. Quân dân đồng bằng Trung Trung bộ đánh địch giải phóng phần lớn tỉnh Bình định và mở rộng được vùng giải phóng ở Quảng đà, Quảng nam, Quảng ngãi, Phú yên. Ở Nam Trung bộ, ta đánh phá nhiều căn cứ địch ở Khánh hòa, Bình thuận, Tuyên đức, Đà lạt. Ở đồng bằng sông Cửu long, quân ta đã đánh mạnh vào nhiều sở chỉ huy sư đoàn, trung đoàn của quân nguy, diệt nhiều đồn bốt địch; vùng giải phóng đều được mở rộng ở Mỹ tho, Bến tre, Kiến phong, Kiến tường, Rạch giá, Cần thơ, Trà vinh, Sóc trăng, Cà mau...

Cuộc tiến công chiến lược với quy mô to lớn trên cả ba vùng chiến lược, suốt từ Quảng trị đến Cà mau, đã kết hợp được chặt chẽ giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, với sức mạnh lớn nhất, mạnh nhất, giáng vào đầu Mỹ nguy những đòn sấm sét, thu được những thắng lợi to lớn, toàn diện và vững chắc.

Trong 5 tháng tiến công và nổi dậy, quân và dân miền Nam đã diệt và bắt 28 vạn tên; tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 7 sư đoàn, 33 lữ đoàn, trung đoàn, 205 tiểu đoàn bộ binh, 11 trung đoàn thiết giáp, 22 tiểu đoàn pháo binh; tiêu diệt và làm tan rã hàng loạt trung đội, đại đội bảo an, dân vệ. Trong số sĩ quan bị diệt, bị bắt có 3 tướng Mỹ, 2 tướng nguy và 5 đại tá. Ta đã thu và phá hủy 5.800 xe quân sự (có gần 2.000 xe tăng và xe bọc thép), 1.300 khẩu pháo: bắn rơi và phá hủy 1.850 máy bay; đánh chìm 330 tàu xuồng chiến đấu; thiêu hủy 600 kho xăng, đạn và vật liệu chiến tranh...

Cùng với những thắng lợi về quân sự, ta đã phá tung từng mảng hệ thống *binh định*, làm tan rã một bộ phận quân nguy, diệt và bức rút bức hàng hàng nghìn đồn bốt, giải tán hàng loạt tổ chức *phòng vệ dân sự*, giải phóng hàng triệu đồng bào ta.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 vượt quy mô tất cả các chiến dịch đã có trong lịch sử chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Nó nói lên sự trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng, về sức chiến đấu của quân chủ lực và tinh thần khắc phục khó khăn *“tất cả cho tiến tuyến”*, *“tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”* của nhân dân.

Trong điều kiện kẻ địch còn lực lượng quân sự khá mạnh, còn giữ nhiều địa bàn chiến lược xung yếu và còn có khả năng phản ứng quyết liệt với ta, quân và dân ta vẫn thực hiện được quyền chủ động, thực hiện được ý đồ của ta, làm đảo lộn mọi tính toán của địch, buộc chúng phải bị động đối phó, gặp hết bất ngờ này đến bất ngờ khác, dẫn kẻ địch đi đến những thất bại nặng nề. Trong chỉ đạo tác chiến, quân ta đã tổ chức tiến công cùng một lúc trên nhiều hướng khác nhau, kiên quyết hình thành ưu thế quân sự trên từng hướng một cách thích hợp, nhất là ở 3 chiến trường chính, tạo điều kiện cho các chiến trường khác tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, phối hợp được đấu tranh của ba thứ quân, giữ ba vùng chiến lược, ba mũi giáp công; phối hợp được cuộc đấu tranh ở miền Bắc và miền Nam; phối hợp được cuộc đấu tranh của quân dân ba nước Đông dương.

Sức mạnh của quân chủ lực ta khi xuất trận làm cho kẻ thù khiếp vía. Các binh chủng với trang bị và hỏa lực hùng hậu, trút những đòn mạnh mẽ như vũ bão xuống đầu kẻ thù. Sức mạnh đó đã đập tan nhiều tuyến phòng thủ vào loại mạnh nhất của địch, có mật độ dày đặc về bộ binh, pháo binh, xe tăng và có sự yểm trợ tối đa của không quân, hải quân Mỹ.

Tinh thần chiến đấu anh dũng phi thường của quân dân ta được nhân dân thế giới vô cùng khâm phục, coi đó là một sự *“thần kỳ”*, là mẫu mực của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Thắng lợi của cuộc tiến công vĩ đại năm 1972 cùng với những thắng lợi trước đó và thắng lợi của quân dân miền Bắc, đã đánh bại chiến lược *“Việt nam hóa”* chiến tranh của Ních-xơn, buộc đế

quốc Mỹ phải ký kết hiệp định Pa-ri, cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Thắng lợi đó đã đem lại cho quân và dân miền Nam một thế và lực mạnh hơn bao giờ hết, đề vững bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn.

II

QUÂN VÀ DÂN MIỀN BẮC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐÁNH BẠI « CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI » LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

4. Nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cuối năm 1968, đế quốc Mỹ bị thua đau ở hai miền nên buộc phải đình chỉ không điều kiện việc ném bom và bắn phá miền Bắc. Tình hình đó đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để miền Bắc đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và chỉ viện cho miền Nam. Nhưng mặt khác, miền Bắc cũng đang đứng trước những khó khăn to lớn do hậu quả của 4 năm chiến tranh và do hậu quả của thiên tai năm trước để lại.

Nhân dân miền Bắc phải nhanh chóng hàn gắn các vết thương chiến tranh, đồng thời phải tranh thủ thời gian hòa bình, lao động quên mình, tiến công vào mặt trận sản xuất và xây dựng; vừa phải xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa phải ra sức chỉ viện cho miền Nam; vừa phải chuẩn bị lực lượng mạnh để kiến thiết đất nước theo quy mô lớn khi có điều kiện, vừa phải chuẩn bị trường hợp nếu đế quốc Mỹ ngoan cố lao đầu vào những cuộc phiêu lưu mới đối với miền Bắc thì có thể sẵn sàng đối phó với chúng trên thế mạnh hơn.

Giữa lúc mọi tầng lớp nhân dân miền Bắc đang khẩn trương thi đua lao động sản xuất để khắc phục hậu quả của chiến tranh phá hoại thì Hồ Chủ tịch qua đời. Biến đau thương thành sức mạnh, toàn Đảng, toàn dân nguyện nghiêm chỉnh chấp hành những lời di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành Trung ương Đảng, ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước « mỗi người làm việc bằng hai », hoàn thành mọi nhiệm vụ và công tác do chính phủ đề ra, quyết chỉ viện hết sức mình cho miền Nam

ruột thịt, đồng thời không ngừng xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trọng tâm trước mắt của miền Bắc là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã đã tích cực đưa các giống lúa mới vào trồng trọt trên diện tích rộng, tìm mọi biện pháp để thâm canh tăng vụ, cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất. Các địa phương đều phấn đấu đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính và chú trọng việc cải tạo giống trong chăn nuôi. Việc cải tiến quản lý hợp tác xã có những bước tiến bộ đáng kể từ sau khi Nhà nước ban hành điều lệ mới của hợp tác xã nông nghiệp. Một số chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, chăn nuôi được công bố, áp dụng. Tất cả những việc đó đã động viên giai cấp nông dân hăng hái lao động sản xuất. Nhiều hợp tác xã, đã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc, 2 con lợn, một lao động trên một héc-ta gieo trồng trong một năm. Thái bình là tỉnh đầu tiên đạt bình quân 6 tấn thóc một héc-ta trên toàn bộ diện tích gieo trồng. Năm 1971, huyện Đan phượng (Hà tây) đạt 7 tấn thóc một héc-ta.

Về công nghiệp, miền Bắc đã ra sức khôi phục các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ bị phá hoại trong chiến tranh, đồng thời tiếp tục xây dựng những công trình đang làm dở. Tháng 10-1971, nhà máy thủy điện đầu tiên của ta ở Thác bà (Yên Bái) bắt đầu phát điện. Hệ thống giao thông vận tải được khôi phục lại nhanh chóng. Việc sản xuất hàng tiêu dùng được coi trọng để đáp ứng những nhu cầu bức thiết của nhân dân.

Công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật được tiến hành trên quy mô lớn. Cùng với các hoạt động kinh tế, văn hóa, miền Bắc đặc biệt chăm lo củng cố quốc phòng để sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của đế quốc Mỹ.

5. Đế quốc Mỹ gây « chiến tranh phá hoại » lần thứ hai. Nhân dân miền Bắc đánh trả chúng quyết liệt.

Những tháng đầu năm 1972, nhân dân miền Bắc đang tiến hành thắng lợi mọi hoạt động khôi phục và phát triển kinh tế thì đế quốc Mỹ lại điên cuồng gây ra cuộc « chiến tranh phá hoại » miền Bắc lần thứ hai. Ngày 16-4-1972, Chính phủ ta đã lên tiếng tố cáo với thế giới những hành động tội ác của đế quốc Mỹ. Nhưng từ ngày 8-5-1972,

Ních-xơn còn cho thả mìn phong tỏa bờ biển và các sông ngòi miền Bắc. Ý đồ xấu xa của đế quốc Mỹ là đánh thật ác liệt miền Bắc bằng không quân, hải quân để cắt đứt sự chi viện giữa miền Bắc đối với miền Nam, cứu nguy cho chiến lược «Việt nam hóa» sắp sụp đổ ở miền Nam và tạo được thế mạnh trên bàn hội nghị đàm phán tại Pa-ri.

Cuộc «chiến tranh phá hoại» lần thứ hai của Ních-xơn đã bỏ xa cuộc «chiến tranh phá hoại» lần thứ nhất của Giôn-xơn cả về quy mô và cường độ đánh phá (1).

Ngay từ những ngày đầu gây chiến chúng đã dùng cả B.52 đánh vào thành phố Hải phòng. Chúng ném bom rất dã man cả các vùng đông dân và đánh liên tiếp hệ thống đê điều.

Nhân dân toàn miền Bắc đã nhanh chóng tổ chức cuộc chiến đấu, đánh trả chúng quyết liệt và đi vào sinh hoạt, sản xuất theo nếp sống thời chiến, sẵn sàng vượt qua mọi thử thách to lớn trước mắt. Nhân dân các vùng bị B.52 ném bom rải thảm vẫn không hề nao núng, vẫn tiếp tục sản xuất và phục vụ chiến đấu. Mạng lưới giao thông vận tải không bị cắt đứt. Việc chi viện cho tiền tuyến vẫn đầy đủ và kịp thời. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, xã viên bình tĩnh, khẩn trương thu hoạch nhanh, gọn vụ chiêm 1972 thắng lợi và bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cho vụ mùa. Hàng triệu học sinh phổ thông các cấp và hàng vạn học sinh các trường chuyên nghiệp được bố trí học tập, phòng tránh tốt.

Từ tháng 4 đến tháng 9-1972, quân dân miền Bắc đã bắn tan xác hơn 500 máy bay hiện đại của Mỹ, bắt sống ngày càng nhiều giặc lái; quân dân miền Nam, phối hợp với miền Bắc, tiến công, nổi dậy liên tục, đánh cho Mỹ nguy những đòn trời giáng (2).

(1) Lần này chúng huy động tới 1.300 máy bay chiến đấu, hơn 60 tàu chiến các loại và 200 máy bay B.52.

(2) Mác-xoen Tay-lơ trả lời phỏng vấn của báo Mỹ «Tin Mỹ và thế giới» số ra ngày 27-11-1972 như sau: «Sức mạnh không quân và hải quân (của Mỹ) là một sự yểm trợ, nhưng nó không thể quyết định chặn đứng những con người kiên quyết chiến đấu trên mặt đất. Các đội quân vẫn có thể vận động, vẫn có thể chiến đấu, con người vẫn có thể sống và làm việc, mặc dù máy bay tiến công dữ dội. Họ có thể khổ nhưng miễn là họ quyết tâm thì họ vẫn có thể vượt lên được. Chúng tôi đã không đánh giá đúng tinh thần cực kỳ kiên quyết và đức tính hy sinh cao cả vì sự nghiệp của người Việt nam».

6. 12 ngày đêm tháng 12-1972 đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không của đế quốc Mỹ.

Đến tháng 10-1972, ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ đã lung lay (1), nhưng bản chất chúng là vô cùng tàn bạo, ngoan cố và xảo quyệt.

Ngày 16-12-1972, Kít-xin-giơ tuyên bố «Hiệp nghị hòa bình đã đạt tới 99%». Trong khi đó, Hội đồng an ninh Mỹ đã họp dưới quyền chủ tọa của Ních-xơn, bí mật quyết định tiến hành một đòn tập kích bất ngờ bằng không quân chiến lược xuống Thủ đô Hà nội (1). Một lực lượng «khổng lồ» về không quân và hải quân được đặt trong tình trạng sẵn sàng để tham chiến (2).

Ngày 18-12-1972 — 12 giờ đúng — Ních-xơn đích thân ra lệnh cho các «pháo đài bay» B.52 từ Gu-am, mang đầy bom đạn, cất cánh nhằm hướng Hà nội. Chúng yên chí sẽ diễn ra một vụ «Trận châu cảng thứ hai» (3).

Song, nhân dân miền Bắc không tê liệt cảnh giác như bọn chỉ huy Mỹ trước kia. Ngày 17-12-1972, toàn bộ quân chủng phòng không — không quân được lệnh sẵn sàng nổ súng. Nhân dân Hà nội đã triệt để sơ tán từ mấy hôm trước. Đêm 18-12-1972, trước khi còi báo động kéo lên từng hồi, những chùm bóng điện đủ màu sắc, kỷ niệm 3 ngày lễ lớn, vẫn sáng rực bờ hồ Hoàn Kiếm.

(1) Ngày 23-10-1972, Mỹ tuyên bố «xuống thang» chiến tranh, chỉ đánh từ vĩ tuyến 20 trở vào. Tổng thống Mỹ tỏ ý bằng lòng nội dung bản dự thảo Hiệp nghị đình chiến do phái đoàn nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đưa ra ở Pa-ri.

(2) Bao gồm: 193 máy bay chiến lược B.52, bằng 46% tổng số B.52 Mỹ; 1.077 máy bay chiến thuật hiện đại, bằng 31% tổng số máy bay chiến thuật Mỹ; 6 tàu sân bay, bằng 33% tổng số tàu sân bay Mỹ.

(3) Trong chiến tranh thế giới thứ hai, phát xít Nhật cho 183 máy bay, tập kích bất ngờ vào căn cứ Trân châu cảng của Mỹ giữa lúc một phái đoàn ngoại giao cao cấp Nhật đang thương thuyết ở Oa-sinh-tơn và đoàn tàu Nhật đang tiến về phía bờ biển Mỹ để đón kiều dân Nhật về nước (1). Một giờ trước khi máy bay Nhật tập kích, những trạm ra-đa ở phía cực bắc căn cứ đã báo có tín hiệu máy bay đang tiến về phía Trân châu cảng. Viên sĩ quan tham mưu trực chiến không tin và cho là máy móc đã nhầm lẫn (1). Bọn sử gia Mỹ coi các biện pháp dãn cảnh của Nhật trong trận tập kích này là xảo quyết nhất, táo tợn nhất trong lịch sử chiến tranh.

19 giờ 44 phút tối 18-12-1972 *pháo đài bay* B.52 với 90 lần chiếc và hơn 205 lần chiếc máy bay tiêm kích, cường kích ào ạt ném bom, bắn phá Hà nội. Kết thúc trận đánh đêm đầu: 7 máy bay Mỹ bị bắn rơi, trong đó có 3 B.52, 7 giặc lái bị bắt sống. Một kết quả choáng váng và bất ngờ đối với kẻ địch (1).

Tiếp đó từ 18 đến 29-12-1972, suốt 12 ngày đêm, đế quốc Mỹ đã ném bom đánh phá man rợ Hà nội, Hải phòng và một số thị xã khác ở miền Bắc. Mỗi ngày, chúng dùng hơn 100 lần chiếc máy bay chiến lược B.52 và từ 500 đến 700 lần chiếc máy bay chiến thuật. Tổng số bom chúng trút xuống miền Bắc, trong 12 ngày đêm là 10 vạn tấn (phần lớn xuống Hà nội và Hải phòng) bằng sức nổ của 5 quả bom nguyên tử mà Mỹ đã ném xuống Hi-rô-si-ma (Nhật bản) trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Quân dân miền Bắc đã có kinh nghiệm chiến đấu với không quân hiện đại Mỹ, đã làm phá sản mọi lối đánh nghi binh, gây nhiễu, nhiễu tầng, nhiễu hướng, lắt léo của địch; sáng tạo lối đánh đầy hiệu lực của chiến tranh nhân dân; hạ 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 chiếc B.52, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái.

Thắng lợi rất oanh liệt của cuộc chiến đấu đánh bại cuộc tập kích chiến lược đường không của Mỹ khẳng định rằng trong điều kiện kẻ địch có những vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại hơn, ta vẫn có cách đánh thắng chúng.

Bị thất bại rất nặng ở miền Bắc, bị nguy khốn, bế tắc ở miền Nam, bị đả kích, nguyên rủa bởi dư luận khắp thế giới, Ních-xơn phải bỏ cuộc, kết thúc cuộc tập kích chiến lược vào miền Bắc, từ 7 giờ sáng ngày 30-12-1972, xin trở lại thương lượng để ký Hiệp định Pa-ri về Việt nam.

CÂU HỎI

1. Tại sao đế quốc Mỹ phải thi hành *Việt nam hóa* chiến tranh? Nội dung của chiến lược *Việt nam hóa* chiến tranh là gì? So sánh chiến lược *Việt nam hóa* chiến tranh với chiến lược *chiến tranh đặc biệt* của đế quốc Mỹ?

(1) Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mỹ vội vã thành lập một ủy ban đề nghiên cứu ngay lý do B.52 bị hạ (1).

2. Tại sao đế quốc Mỹ lại mở rộng chiến tranh ra cả 3 nước trên bán đảo Đông dương? Nhân dân 3 nước đã đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Mỹ như thế nào?
3. Cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972 diễn ra như thế nào? Kết quả và ý nghĩa thắng lợi?
4. Cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972 và cuộc tập kích chiến lược năm 1968 khác nhau ở những điểm nào? Tại sao?
5. Đế quốc Mỹ gây ra *chiến tranh phá hoại* lần thứ hai đối với miền Bắc nhằm mục đích gì? Tại sao lại nhận định rằng cuộc *chiến tranh phá hoại* lần thứ hai bỏ xa cuộc *chiến tranh phá hoại* lần thứ nhất về quy mô và cường độ đánh phá?
6. Phân tích bộ mặt tàn bạo, ngoan cố và xảo quyệt của đế quốc Mỹ trong cuộc tập kích chiến lược bằng không quân vào miền Bắc nước Việt nam cuối năm 1972. Tinh thần và kết quả chiến đấu của quân dân miền Bắc trong việc chống lại cuộc tập kích đó như thế nào?

* *

ĐỌC THÊM

I. CON ĐƯỜNG MANG TÊN BÁC

Trường sơn thân yêu với lớp lớp người vượt Trường sơn đi đánh Mỹ.

Thuở ấy, Trường sơn chưa in mấy dấu chân người.

Đời đời biết ơn Người đã kẻ nét chỉ đường đầu tiên trên tấm bản đồ dọc theo đất nước.

Ngày sinh của con đường mòn chọn đúng kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ, mười năm trước khi Người mất.

Đường của ta mở theo dấu voi đi. Đường tới đâu, rừng sâu nổi dậy cùng ta đánh Mỹ. Con đường đã dựng dậy cả một dải Trường sơn hùng vĩ.

Trước khi Bác mất, Người đã khen anh hùng Vũ Tiến Đề, người chiến sĩ đầu tiên dám đem cơ giới xung phong lên những đỉnh Trường sơn, mở đường thật nhanh theo Bác dặn.

Tấm lòng Việt nam, dịu nhất mà mạnh nhất, chầm mìn mở đường cho tình thương xốc tới. Trường sơn nổi cả ngàn nhịp cầu thay thế Hiền lương.

Tình thương đây là hạt gạo cần đôi. Những kho gạo đầy ắp trên suốt cả các ngã đường ngang dọc Trường sơn tự nó hát lên những bài ca 5 tấn. Hạt gạo người thân làm ra, được phong lan Trường sơn che chở, băng qua bao máu lửa tới đây.

Người lái xe dừng tay lái, nao nao nhớ đường, nhớ bến, nhớ ngàm sâu, nhớ lưng đeo cang tay lái, những đêm sao.

Trăng ngàn Trường sơn mở những đêm hội lao động và hành quân.

Mưa Trường sơn. Mưa tuôn gió táp, mưa dai dẳng, mưa kinh khủng, mưa cả mùa. Dòng nước hiền hòa biến thành thác dữ.

Vượt Trường sơn đâu có chỉ vượt núi cao chót vót, vượt bom đạn sấm rền ngay đêm. Vượt Trường Sơn còn vượt cả bao dòng lũ xiết.

Áo rách bầm da. Lăn vai tím thịt. Bàn tay mẩn máu. Chân buốt thấu tim. Nhưng đưa được gạo qua, xăng qua, đạn qua... là bưng dầy chiến công trong ấy.

Điều mà cả thế giới kinh ngạc, không hiểu nổi là qua thời gian đường ta đi càng kéo dài, càng mở rộng.

Sức làm đường của thanh niên hòa tuyến mạnh hơn gang thép. Bàn tay con người làm ra tất cả và làm được tất cả.

Đường ra trận mùa này đẹp lắm.

Trường sơn Đông nhớ Trường sơn Tây.

Khúc hát như bản tình ca, rộn ràng xao xuyến. Đất nước gọi lên đường.

Hậu cần đi trước. Đoàn quân mũ giáp chỉnh tề, đội ngũ trùng trùng điệp điệp mở đường chiến dịch.

Người chỉ huy từ Nà Ngần, Phay Khắt đến với binh chủng mới của Trường sơn.

• Chào các đồng chí ! Các đồng chí có khỏe không ? •. Lời chào triu mến, thân thương, nhân danh đất nước gửi đến tận lòng từng chiến sĩ lái xe, công binh, giao liên, phòng không, bộ binh, thiết giáp ; đến từng cô gái và chàng trai xung phong cứu nước ; đến tất cả những người anh hùng bình dị quật khởi dựng xây con đường lịch sử.

Đường ra phía trước được vinh dự lớn mang tên Bác Hồ vĩ đại.

Dòng sông vô tận. Lên đường.

Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân.

(Trích Tùy bút của Thép mới)

II. LỊCH CHIẾN CÔNG CỦA MIỀN BẮC (Từ 18 đến 29-12-1972)

Ngày	Tổng số máy bay Mỹ bị bắn rơi	Trong đó số máy bay B.52 bị bắn rơi
18-12	7	3
19-12	6	2
20-12	14	4
21-12	11	3
22-12	6	3
23-12	4	2
24-12	5	1
26-12	10	8
27-12	13	5
28-12	3	2
29-12	2	1
Cộng :	81	34

III. GIẶC LÁI B.52, BỊ BẮT TRONG ĐỢT ĐỂ QUỐC MỸ TẬP KÍCH BẰNG KHÔNG QUÂN VÀO MIỀN BẮC CUỐI THÁNG 12-1972, THỨ NHẬN

• Cặp trên bảo chúng tôi phải ném bom dài phát thanh để tạo thế mạnh thúc đẩy thương lượng ở Pa-ri. Máy bay chúng tôi dẫn đầu. Vừa tới khu vực mục tiêu chúng tôi đã nhìn thấy lưới lửa phòng không dày đặc với nhiều pháo cao xạ và tên lửa. Chúng tôi vội trút bom xuống. Máy bay nhẹ bổng. Chúng tôi tăng tốc bay với mức cao nhất và nhanh nhất để chạy trốn, nhưng không kịp nữa rồi ! Máy bay của chúng tôi đã bị bắn rơi ».

(Thiếu tá A-léch-xơ-đơ Phéc-nơ-đô
có 6.500 giờ bay bằng B.52)

• Tôi nghe chung quanh có nhiều tiếng người gọi nhau í ới. Sợ quá tôi nằm im thìn thút, lặng lẽ cời hết bộ đồ bay, xếp dù và các thứ súng, dao lại một chỗ. Khi thấy trời rạng sáng, tôi đứng thẳng dậy, giờ sẵn hai tay thật cao lên trời. Một lát sau, hàng trăm người hò reo ủa tới, đi đầu là một cô gái, mặc quần áo nông dân tay cầm súng. Tôi ngoan ngoãn đi theo cô về một ngôi nhà nhỏ rồi được xe ô tô đưa về Hà nội ».

(Thiếu tá Ri-sốt Giôn-xơn)

• Ở sân bay U-ta-pao Thái lan, không khí bao trùm là lo lắng và sợ hãi ; nhiều B.52 đã đi mà không về. Liên đoàn không quân chiến lược 307 chúng tôi, ai nấy đều chán ngán. Không nói to, không chạm cốc, không một tiếng cười, dù sắp đến ngày Nô-en và năm mới !..

(Trung tá Giôn Ha-ri I-u-nin)



CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO, HIỆP ĐỊNH PA-RI ĐÁNH DẤU SỰ THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Cuộc đàm phán hai bên, rồi bốn bên ở Pa-ri giảng co và kéo dài.

Từ năm 1965, bị thua trên chiến trường và bị dư luận phản đối, tập đoàn Giôn-xơn đã phải nói đến hòa bình thương lượng. Nhưng, khi ấy, lời nói của chúng hoàn toàn giả dối. Cho mãi đến đầu năm 1968, quân dân miền Nam mở cuộc tập kích chiến lược, giáng một đòn quyết định, đánh bại « chiến tranh cục bộ » ; quân dân miền Bắc đánh quy « chiến tranh phá hoại » của đế quốc Mỹ thì chúng mới chịu nói chuyện với đại diện Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa tại Pa-ri.

Cuộc đàm phán hai bên (1) bắt đầu từ ngày 10-5-1968, cho đến ngày 18-1-1969, do sức đấu tranh bền bỉ của nhân dân Việt nam, đế quốc Mỹ buộc phải chấp nhận mở cuộc đàm phán bốn bên, chính thức nói chuyện với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam (2).

Mặt trận ngoại giao được mở ra là do nhân dân ta đấu tranh lâu dài, gian khổ, mang lại chiến thắng to lớn trên mặt trận quân sự và chính trị. Chúng ta ở tư thế chủ động đến bàn hội nghị và buộc kẻ địch phải ngồi lại. Trước con mắt nhân dân toàn thế giới, hai đoàn đại biểu của hai miền nước ta tại hội nghị Pa-ri được xem như tượng trưng cho sức mạnh quật khởi vĩ đại của dân tộc Việt nam. Nhưng chúng ta biết rằng ba mặt trận đấu tranh tuy có liên quan với nhau rất chặt chẽ song đấu tranh trên mặt trận quân sự vẫn luôn luôn giữ vai trò quyết định.

(1) Bộ trưởng Xuân Thủy là trưởng đoàn đại diện Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Trưởng đoàn Mỹ là Ha-ri-man.

(2) Đế quốc Mỹ vẫn gọi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam là « bóng ma » Nay « bóng ma » do trưởng đoàn Trần Bửu Kiếm dẫn đầu, sau là bà Nguyễn Thị Bình thay thế, ngồi đàm phán với phái đoàn Mỹ.

Lúc này, Ních-xơn đã lên cầm quyền và dùng mọi thủ đoạn quỷ quyết xấu xa làm cản trở cuộc thương lượng như vu cáo *‘miền Bắc xâm lược miền Nam’*, đòi *‘hai bên cùng rút quân’* bao che cho việc Mỹ dính líu ở miền Nam là *‘thực hiện cam kết’*.

Ngày 8-5-1969, đề đưa hội nghị ra khỏi bế tắc, phái đoàn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã nêu lên giải pháp toàn bộ 10 điểm (1) để làm cơ sở đàm phán.

Lúng túng và bị động trước giải pháp hợp tình, hợp lý đó, Ních-xơn đề ra việc rút quân từng bước để xoa dịu dư luận và để thực hiện chiến lược *‘Việt nam hóa’* chiến tranh.

Do bản chất ngoan cố của đế quốc Mỹ, cuộc đàm phán giằng co và kéo dài suốt mấy năm trời.

Ngày 1-7-1971, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam lại đưa ra giải pháp 7 điểm và đến ngày 2-2-1972 phái đoàn Việt nam nói rõ thêm hai điểm then chốt, xác định lập trường đúng đắn để giải quyết một cách căn bản và vững chắc vấn đề Việt nam là: Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh xâm lược Việt nam, phải tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt nam, chấm dứt ủng hộ ngụy quyền Sài gòn; thành lập chính phủ liên hiệp ba thành phần bao gồm mọi lực lượng và xu hướng chính trị ở miền Nam.

Những giải pháp nói trên được dư luận tiến bộ trên thế giới và ngay trong nước Mỹ hết sức ủng hộ. Nhưng, chính quyền Ních-xơn chẳng những không hưởng ứng mà còn đẩy mạnh những hành động chiến tranh ở cả hai miền Nam, Bắc.

2. Cuộc đấu tranh quyết liệt dẫn đến việc ký kết được Hiệp định Pa-ri.

Đế quốc Mỹ, một mặt dùng bom đạn đe dọa, một mặt dùng những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt, âm mưu lôi kéo một số nước để gây áp lực, hòng buộc nhân dân Việt nam phải nhượng bộ chúng trên bàn hội nghị. Song, mọi thủ đoạn của chúng

(1) Xem phần Đọc thêm 1.

chỉ mang lại thất bại nhục nhã. Trên chiến trường từ tháng 4 đến tháng 9-1972, quân dân hai miền Nam Bắc thu được những chiến công vĩ đại. Trên thế giới, do tinh thần kiên trì giữ vững đường lối độc lập tự chủ, tuyệt đối trung thành với những quyền lợi cơ bản của dân tộc, đảm bảo đúng nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt nam vẫn tiếp tục giành được sự đồng tình, ủng hộ và sự viện trợ to lớn có hiệu quả của Liên xô, Trung quốc và các nước anh em, của toàn thể loài người tiến bộ. Trên thế thắng đó, ngày 8-10-1972, Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa, được sự nhất trí hoàn toàn của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam, đã chủ động đưa ra bản dự thảo *‘Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt nam’*.

Bản dự thảo trên được Chính phủ Mỹ hoan nghênh và hai bên (Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ Mỹ) bắt tay vào bàn bạc từng điều khoản và đi tới hoàn thành văn bản hiệp định vào ngày 22-10-1972. Nhưng ngay sau đó, Mỹ lại tìm cách tráo trở, không thừa nhận tất cả những điều chúng đã thảo luận và thỏa thuận.

Ngày 26-10-1972, Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố vạch trần thái độ lật lọng, lập trường ngoan cố của chính quyền Ních-xơn. Bản tuyên bố làm chấn động dư luận thế giới, nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ hết sức công phẫn đòi Ních-xơn phải mau chóng đi đến ký kết hòa bình ở Việt nam.

Đầu tháng 12-1972, các cuộc họp bàn về nội dung hiệp định được nối lại. Phía Mỹ đòi sửa đổi nhiều điều quan trọng trong hiệp định, nên cuộc họp lại bế tắc.

Từ ngày 18 đến 29-12-1972, Ních-xơn mở trận tập kích chiến lược bằng không quân vào miền Bắc. Chúng tính toán *‘Thêm một tí bom đạn nữa thì Bắc Việt nam có thể sẽ phải nhận những điều kiện có lợi cho Mỹ hơn, thậm chí có khi phải đầu hàng về quân sự’* (1).

Ngày 18-12-1972, chính quyền Ních-xơn gửi cho Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa một bức công hàm lời lẽ láo xược, kiêu một bức *‘tối hậu thư’*.

(1) Gợi ý của Rô-bác Tô-m-xơn, chuyên gia người Anh thân cận với Nhà trắng, được Ních-xơn tán thưởng.

Ngày 28-12-1972, sau 11 ngày đánh phá ác liệt miền Bắc, Mỹ lại gửi một bức công hàm nữa, nhưng lời lẽ hoàn toàn khác trước; chúng xin nhận những điều kiện của Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa nêu lên và hẹn ngày họp lại hội nghị Pa-ri.

Ngày 3-1-1973, cổ vũ đặc biệt Lê Đức Thọ rời Hà nội lên đường đi Pa-ri. Cả thế giới reo vui trước thắng lợi rực rỡ của nhân dân Việt nam.

Ngày 23-1-1973, vào 12 giờ 30 phút, giờ Pa-ri (tức 16g30, giờ Hà nội), *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt nam* đã được ký tắt giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ, đại diện cho Việt nam dân chủ cộng hòa và Hen-ri Kít-xinh-giơ, đại diện cho Hoa kỳ.

Ngày 27-1-1973, bản *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt nam* đã được chính thức ký kết tại Pa-ri (1).

Bản hiệp định đã nêu rõ Hoa kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt nam. Hoa kỳ chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt nam.

Tôn trọng quyền tự quyết và đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt nam. Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình, thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ.

(1) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt nam dân chủ cộng hòa Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Hoa kỳ W. Râu-giơ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt nam cộng hòa cùng ký vào bản hiệp định.

Ngày 27-1-1973 là một ngày lịch sử. Ngay từ sáng sớm, hàng nghìn đại biểu các giới Việt kiều ở Pháp và đại biểu các tầng lớp nhân dân Pháp đã tới trước Trung tâm các hội nghị quốc tế (nơi tổ chức lễ ký kết) để chào mừng thắng lợi lớn của nhân dân Việt nam. Cờ đỏ sao vàng và cờ xanh đỏ cổ sao vàng ở giữa, biểu ngữ, bích chương với những dòng chữ lớn nhiệt liệt hoan nghênh thắng lợi của nhân dân Việt nam anh hùng, san sát suốt một quãng đường đại lộ Clé-be.

Khi các Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh và Nguyễn Thị Bình rời phòng ký kết hiệp định ra về, thì hàng nghìn đại biểu vẫn đứng đợi để chào mừng các vị đại diện yêu quý của nhân dân hai miền Nam, Bắc Việt nam.

Việc thống nhất nước Việt nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình.

Ngày 26-2-1973, Hội nghị quốc tế về Việt nam khai mạc trọng thể tại Pa-ri. Hội nghị có 12 đoàn đại diện chính phủ tham gia, làm việc từ 27-2 đến 2-3-1973. Hội nghị đã ký Định ước ghi nhận và ủng hộ *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt nam* và các nghị định thư kèm theo; khẳng định rằng hiệp định và các nghị định thư đó phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh; công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt nam và kêu gọi tất cả các nước trên thế giới cũng làm như vậy để thực hiện hòa bình lâu dài ở Việt nam (1).

3. Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri.

Hiệp định Pa-ri được ký kết và được Hội nghị quốc tế ghi nhận và ủng hộ là thắng lợi lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt nam, là kết quả của hơn 18 năm kiên trì chiến đấu, vượt qua muôn nghìn hy sinh, gian khổ của bốn mươi triệu đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Đây là thắng lợi của tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập tự do*, của sức mạnh đoàn kết toàn dân, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường bốn nghìn năm lịch sử dân tộc.

Đây cũng là thắng lợi của nhân dân các nước Đông dương cùng nhau đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung.

Thắng lợi của nhân dân Việt nam còn là thắng lợi có ý nghĩa thời đại của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình, của nhân dân yêu chuộng tự do, công lý trên toàn thế giới.

(1) 12 chính phủ tham gia Hội nghị quốc tế về Việt nam gồm: bốn bên ký Hiệp định Pa-ri, các nước đại diện nhiều khu vực khác nhau trên thế giới (Liên xô, Trung quốc, Pháp, Anh), bốn nước trong Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát (Hung-ga-ri, Ba lan, In-đô-nê-xi-a, Ca-na-đa) với sự có mặt của ông Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Hiệp định Pa-ri được ký kết mở ra một bước ngoặt mới của cách mạng Việt nam. Đối với miền Nam, hiệp định là cơ sở chính trị và pháp lý bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản, là cơ sở để nhân dân miền Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Đối với miền Bắc, hiệp định đã tạo những điều kiện thuận lợi chưa từng thấy để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trải qua hơn một thế kỷ liên tục chống thực dân đế quốc, lần đầu tiên trên toàn bộ đất nước ta, không còn bóng đội quân xâm lược của nước ngoài.

Cả loài người tiến bộ xác nhận thắng lợi của nhân dân Việt nam đã cõ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà tên đầu sỏ là đế quốc Mỹ. Qua tấm gương Việt nam, các dân tộc nhỏ yếu trên thế giới thừa nhận chân lý : *“ Trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, có đường lối cách mạng đúng đắn, biết đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế, quyết chiến và quyết thắng, nhất định có thể đánh bại bất cứ kẻ thù xâm lược nào ”*. (Hồ Chủ tịch).

Hiệp định Pa-ri đã được ký kết, nhưng bọn Mỹ ngụy vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại hiệp định. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam ở hai miền còn phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại. Song thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về nhân dân Việt nam, *“ Tò quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà ”*. (Di chúc của Hồ Chủ tịch).

CÂU HỎI

1. Cuộc đàm phán ở Pa-ri giằng co và kéo dài như thế nào ? Tại sao ?
2. Chứng minh cụ thể : Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao gắn chặt với cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự.
3. Những nội dung chính và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri về Việt nam.

* *

ĐỌC THÊM

I. GIẢI PHÁP TOÀN BỘ 10 ĐIỀU CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM

1. Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
2. Chính phủ Mỹ phải rút hết quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam mà không được đòi điều kiện gì.
3. Quyền của nhân dân Việt nam chiến đấu để bảo vệ tổ quốc mình là quyền tự vệ thiêng liêng bất khả xâm phạm. Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt nam ở miền Nam Việt nam sẽ do các bên Việt nam cùng nhau giải quyết.
4. Nhân dân miền Nam Việt nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình, không có sự can thiệp của nước ngoài.
5. Trong thời gian từ khi hòa bình được lập lại cho đến khi tổng tuyển cử, không một bên nào cưỡng bức nhân dân miền Nam Việt nam phải nhận chế độ chính trị của mình.
6. Miền Nam Việt nam thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập.
7. Việc thống nhất nước Việt nam sẽ thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa hai miền, không có sự can thiệp của nước ngoài.
8. Hai miền Bắc và Nam Việt nam cam kết không tham gia liên minh quân sự với nước ngoài, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội và nhân viên quân sự trên đất mình, không công nhận sự bảo hộ của bất cứ nước nào, liên minh hoặc khối quân sự nào.
9. Giải quyết những hậu quả của chiến tranh như thả những người bị bắt, Mỹ bồi thường chiến tranh cho cả hai miền.
10. Các bên sẽ thỏa thuận về một sự giám sát quốc tế đối với việc rút quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt nam.

II. SỰ KIẾN LỊCH SỬ Ở PA-RI

Sáng 23-1-1973, Trung tâm các hội nghị quốc tế phố Clê-be trang hoàng long lầy, đèn bật sáng trưng, đón chờ những giờ phút đỉnh cao của cuộc đàm phán giữa ta và Hoa kỳ, kéo dài 5 năm, qua 202 phiên họp công khai tại phố Clê-be và 24 đợt gặp riêng.

Đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Xuân Thủy cùng các đồng chí chuyên viên ta, tiến sĩ Kít-xinh-giơ cùng các chuyên gia Hoa kỳ bước vào «Phòng tổng thống», sàn trải thảm len dệt hoa to màu xanh lơ. Trong phòng rộng 60 mét vuông, dưới những chùm đèn pha lê rực rỡ, trước hai tấm thảm lớn gỗ-bơ-lanh dệt tay từ thế kỷ 17 thuộc bảo tàng quốc gia Pháp, tả cảnh chăn dê và đánh cá, đồng chí Lê Đức Thọ có đồng chí Xuân Thủy ở bên phải, ngồi đối diện với Kít-xinh-giơ và đoàn Hoa kỳ.

Phòng họp im lặng, trang nghiêm và hồi hộp. Tám gương rất to trên tường lung linh ánh điện. Trước mặt hai nhà thương lượng chủ chốt đặt tập hiệp định và nghị định thư in hai thứ tiếng Việt và Anh, đóng bằng dải lụa đỏ tươi và gắn dấu xi cũng màu đỏ. Tập văn kiện dày ấy kết tinh thắng lợi ba mươi năm chiến đấu, trong đó có 18 năm chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Đồng chí Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ cầm bút ngòi bằng da phớt, nét to, mực đậm, ký vào bản hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt nam.

Sau khi ký, đồng chí Lê Đức Thọ đưa chiếc bút của mình cho Kít-xinh-giơ, nói : « Ông giữ lấy chiếc bút này để mà nhớ thi hành nghiêm chỉnh hiệp định đã ký ». Sau đó, Kít-xinh-giơ cũng đưa đồng chí Lê Đức Thọ chiếc bút đã ký của mình và nói : « Chúng tôi mong muốn thực hiện đúng như thế ».

Trong cuộc họp báo lớn ở ngay trung tâm Clê-be với rất đông các nhà báo quốc tế có truyền hình tại chỗ bằng vô tuyến cho khắp châu Âu và truyền hình sang Hoa kỳ qua vệ tinh nhân tạo, đồng chí Lê Đức Thọ đánh giá : « Chính nghĩa đã thắng phi nghĩa. Ý chí bất khuất đã thắng bạo tàn ».

Các báo Pa-ri đăng tin với đầu đề lớn và ra nhiều trang đặc biệt. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình dành nhiều buổi nói và bình

luận liên tục về hiệp định vừa được ký tắt. Dư luận cho rằng đây là một sự kiện lịch sử vừa diễn ra ở Pa-ri, có tầm ảnh hưởng đến cục diện Đông Nam Á và toàn thế giới.

Thế giới đang nói đến một sức bật Việt nam và một tinh thần Việt nam.

(Bài của phóng viên báo Nhân dân tại Pa-ri
đăng báo Nhân dân, 25-1-1973)

III. LỄ CUỐN CỜ

Hồi 13 giờ 15 phút ngày 29-3, một buổi lễ đơn sơ cuốn cờ của Bộ tư lệnh viện trợ Hoa kỳ đã diễn ra tại căn c MACV trong công viên Tân sơn nhất, dưới quyền chủ tọa của thống tướng Uây-en và ông đại sứ Bân-cơ.

42 quân nhân Mỹ đại diện cho bốn binh chủng lục quân và hải quân dự buổi lễ này trong vòng 15 phút và sau đó tất cả lên phi cơ rời Nam Việt nam.

Thống tướng Uây-en đọc hai bài diễn văn, một bài bằng tiếng Việt, một bài bằng tiếng Anh.

Đại sứ Bân-cơ luôn luôn mặt lạnh như tiền, không hề hé răng nói nửa câu.

Sau lễ cuốn cờ là cảnh cuốn gói, xếp va-ly. Vai trò quân sự của Hoa kỳ tại Việt nam cộng hòa kể từ nay coi như chấm dứt.

(Tờ Việt nam nhật báo, Sài gòn
ngày 3-4-1973)

IV. CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN LIÊN TIẾP VI PHẠM HIỆP ĐỊNH NGỪNG BẮN

Từ 28-1 đến 25-12-1973, chính quyền Sài gòn đã vi phạm ngừng bắn 305.255 vụ, gồm 34.660 vụ hành quân lấn chiếm ; 219.643 vụ hành quân canh sát «bình định» ; 35.648 vụ bắn phá bằng đại bác ; 15.304 vụ máy bay ném bom và trinh sát vũ trang.

(Báo Quân đội nhân dân, Hà nội
28-12-1973)

V. SỐ LIỆU VỀ CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA MỸ Ở VIỆT NAM GẦN 20 NĂM

Bảng 1.

	Chiến tranh thế giới thứ hai	Chiến tranh Triều tiên	Chiến tranh Việt nam
Thời gian Mỹ tham chiến	3 năm 8 tháng (12-1941 — 8-1945)	3 năm (6-1950 — 6-1953)	11 năm 1 tháng (12-1961 — 1-1973)
Lực lượng quân Mỹ huy động lúc cao nhất		327.000 (30-6-1953)	543.482 (Tháng 4-1969)
Số bom đã sử dụng	2.056.244 tấn	635.000 tấn	7.855.000 tấn (2-1965 — 30-9-1972)
Thương vong	962.403	136.913	359.684
Chi phí	341 tỷ đô-la	20 tỷ	240 tỷ

Bảng 2.

	Tổng số máy bay sử dụng	Loại	So sánh giá một số loại máy bay	Số phi vụ
Chiến trường Thái bình dương trong chiến tranh thế giới II	593 (1941)	Cánh quạt	2 vạn đô-la (B.17)	669.235
Chiến tranh Triều tiên	1.500	Trừ 2 kiểu F.84 và F.86 còn lại đều là cánh quạt	32 vạn đô-la (F.86)	425.000
Chiến tranh Việt nam	5.300 (không kể 2.000 máy bay do ngụy sử dụng)	Hầu hết là phản lực thuộc 60 kiểu khác nhau	11 triệu đô-la (F.111A)	1.651.000

Bảng 3. SỬ DỤNG RIÊNG Ở VIỆT NAM

Số lượt lính Mỹ huy động	Số công nhân phục vụ chiến tranh	Các nhà vật lý phục vụ chiến tranh	Số trường đại học phục vụ chiến tranh	Số xí nghiệp phục vụ chiến tranh	Số bom na-pan	Số lính Mỹ tham gia chiến tranh kể cả lực lượng hỗ trợ
6.000.000	5.500.000	40%	260	22.000	201.239 tấn	80 vạn

BÀI 20

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NGÀY NAY

Dân tộc Việt nam, với lịch sử bốn nghìn năm, là một dân tộc vốn có một nền văn hiến và một truyền thống anh hùng chống ngoại xâm từ lâu đời.

Từ khi bị thực dân Pháp thống trị, Tổ quốc ta bị giày xéo, non sông gấm vóc điêu tàn, cả đến cái tên Việt nam cũng bị xóa trên bản đồ thế giới. Không cam chịu cuộc đời nô lệ, nhân dân ta đã không ngớt vùng lên quyết đấu tranh để tự giải phóng. Song, như Hồ Chủ tịch nói : *“Trong mấy mươi năm chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra”*.

Trải bao năm bôn ba chân trời, góc bể để tìm đường cứu nước, cứu dân, Hồ Chủ tịch (tức lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc) đã sớm đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lý cách mạng vĩ đại của thời đại mới. Và từ người cộng sản Việt nam đầu tiên ấy, chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đến với nhân dân ta khác nào như đến với *“người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn”* (Lời Hồ Chủ tịch).

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập chính là con đẻ của sự kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân triệt để cách mạng và với phong trào yêu nước sục sôi của dân tộc ta vào cuối những năm 20 của thế kỷ này.

Được vũ trang bằng khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lại được thừa hưởng kinh nghiệm đấu tranh quý báu hơn một trăm năm của giai cấp vô sản thế giới, Đảng cộng sản Đông dương (ngày nay là Đảng Lao động Việt nam), ngay từ khi thành lập (3-2-1930), đã đề ra được một đường lối cách mạng đúng đắn. Đó là đường lối kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, với hai khẩu hiệu *“dân tộc độc lập”* và *“người cày có ruộng”*, thực hiện triệt để cách mạng dân tộc dân chủ và, sau khi cách mạng dân tộc dân chủ hoàn thành thắng lợi, đưa nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Nhờ có đường lối đúng đắn đó mà ngay khi mới ra đời, Đảng ta tập hợp được đông đảo nông dân, lực lượng to lớn nhất của cách mạng dân tộc dân chủ, cùng với giai cấp công nhân đẩy lên cao trào *cách mạng 1930 — 1931* mà đỉnh cao là xô viết Nghệ — Tĩnh. Thực tiễn phong trào 1930 — 1931 đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân Việt nam đối với cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, đã chứng minh sức mạnh to lớn của đạo quân chủ lực của cách mạng bao gồm hai giai cấp công nhân và nông dân, đã đặt cơ sở vững chắc cho khối liên minh công nông, nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất. Cao trào cách mạng 1930 — 1931 tuy thất bại, song nhờ đã bắt rễ sâu trong quần chúng, Đảng đã vượt qua được những cơn khủng bố ác liệt của kẻ thù, đã dần dần khôi phục được tổ chức và trở thành một lực lượng chính trị vô địch.

Trong thời kỳ 1936 — 1939, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng đã vận động thành lập *Mặt trận Dân chủ rộng rãi* đấu tranh chống bọn thực dân phản động ở thuộc địa, đòi các quyền dân

sinh dân chủ đồng thời thực hiện sự phối hợp hành động với các lực lượng dân chủ ở Pháp, với phong trào cách mạng quốc tế chống phát xít và nguy cơ chiến tranh. Chưa bao giờ ở nước ta trước đó, có một phong trào đấu tranh của quần chúng, dưới các hình thức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp rộng lớn, sôi nổi như hồi bấy giờ. Thành công lớn nhất của phong trào Mặt trận Dân chủ là đã lôi cuốn được hàng triệu quần chúng vào đời sống chính trị, truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác—Lê-nin và các sách báo tiên bộ, đánh bật những luồng văn hóa ốm yếu, sa đọa, phản động, qua đó mà nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng và phát triển các tổ chức cách mạng, tạo ra những tiền đề cho cao trào cứu nước trong thời kỳ tiếp theo.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ rồi phát xít Nhật kéo vào Đông dương, Đảng nhận định đây là thời kỳ mà cách mạng các nước Đông dương nhất định sẽ bùng nổ thành cao trào và có nhiều điều kiện để thắng lợi. Theo sáng kiến của Hồ Chủ tịch, Đảng đã đề ra chủ trương vận động thành lập Mặt trận Việt minh (19-5-1941) tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân vào hàng ngũ cứu nước. Dưới ngọn cờ cứu nước của Việt minh, các lực lượng chính trị và võ trang của quần chúng ngày càng phát triển, phong trào chiến tranh du kích ngày càng mở rộng, các căn cứ địa cách mạng ở Việt Bắc và các nơi khác trong toàn quốc được thành lập. Khi Nhật hất cẳng Pháp (9-3-1945), Đảng và Mặt trận Việt minh đã nắm đúng thời cơ, phát động *«Cao trào kháng Nhật cứu nước»*, đưa quần chúng vào những cuộc tranh đấu quyết liệt với kẻ thù, kết hợp khéo léo những khẩu hiệu đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, trực tiếp chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho tổng khởi nghĩa. Đến khi Liên xô cùng phe đồng minh đánh bại phát xít Nhật, Đảng và Mặt trận Việt minh đã kịp thời phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước (Tháng 8-1945).

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời (2-9-1945), thành lập chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Chế độ thuộc địa và chế độ vua quan phong kiến bị xóa bỏ. Dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do.

Đó là kết quả rực rỡ của quá trình đấu tranh kiên cường và bền bỉ của dân tộc ta trong gần một thế kỷ. Đó cũng là kết quả rực

rỡ của quá trình vận động cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta trong 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông dương, đứng đầu là Hồ Chủ tịch.

Cách mạng tháng Tám vừa thành công thì nhân dân ta đã phải đương đầu ngay với những thử thách cực kỳ nghiêm trọng : nạn đói, nạn dốt, thù trong, giặc ngoài bốn bề như rươi. Con thuyền cách mạng chòng chềnh trong sóng gió, nhưng nhờ tay lái rất tài giỏi của Đảng và Hồ Chủ tịch, đã vượt qua được những giờ phút hiểm nghèo.

Nhưng kẻ thù vẫn rất ngoan cố, đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Từ ngày 19-12-1946, đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng của Hồ Chủ tịch : *«Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ»*, nhân dân ta từ Bắc chí Nam, đã nhất tề đứng dậy tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân và toàn diện, chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, để giữ vững và phát triển những thành quả của cách mạng tháng Tám. Trong 9 năm kháng chiến dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ Chủ tịch, quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng, đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, vừa đánh giặc vừa xây dựng những cơ sở đầu tiên của chế độ dân chủ nhân dân. Nhờ đó, lực lượng kháng chiến của ta đã trưởng thành từng bước vững chắc và cuối cùng đã đi đến thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên phủ, buộc kẻ địch phải ký kết các Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954, lập lại hòa bình ở Đông dương và công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Việt nam, Căm-pu-chia, Lào.

Pháp vừa bị đánh bại thì Mỹ nhảy vào miền Nam thay Pháp, ra sức biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, chuẩn bị tấn công ra miền Bắc vừa được hoàn toàn giải phóng và ngăn chặn làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở Đông Nam Á.

Hồ Chủ tịch nói : *«Nước ta là một, dân tộc ta là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi»*.

Đồng bào hai miền Nam Bắc, quyết chung lưng đấu cật đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Từ năm 1960, dưới ngọn cờ hiệu triệu và sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam, đồng bào

và chiến sĩ miền Nam, với khí phách anh hùng, trí thông minh và tài thao lược, đã vận dụng và phát triển đến đỉnh cao toàn bộ kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám và của cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây: dùng bạo lực cách mạng của quần chúng khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữ vững và không ngừng phát triển thế chiến lược tiến công, đánh địch bằng quân sự, chính trị và binh vận trên cả ba vùng: rừng núi, đồng bằng và thành thị v.v... Bằng những phương pháp sáng tạo, linh hoạt đó, cách mạng miền Nam không ngừng tiến lên, lần lượt đập tan các kế hoạch quân sự và chính trị của Mỹ — ngụy.

Chế độ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, rồi «chiến tranh đặc biệt» bị phá sản thảm hại, đế quốc Mỹ vội vã đem hàng chục vạn quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào miền Nam gây ra cuộc «chiến tranh cục bộ» vô cùng tàn bạo. Nhân dân miền Nam đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ, liên tiếp đánh thắng đội quân xâm lược khổng lồ của Mỹ và chư hầu được trang bị bằng đủ mọi thứ vũ khí hiện đại. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 của quân và dân miền Nam, chiến lược «chiến tranh cục bộ» của chính quyền Giôn-xơn bị phá sản, chính quyền Ních-xơn đưa ra thi thố chiến lược «Việt nam hóa chiến tranh», đến lượt nó, cũng không thoát khỏi thất bại.

Cùng với việc gây ra «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam, từ năm 1965, đế quốc Mỹ điên cuồng huy động không quân và hải quân đánh phá miền Bắc hồng ngân chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam và làm giảm sút quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch «Không có gì quý hơn độc lập tự do», quân và dân miền Bắc, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời và tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã chiến thắng hết sức oanh liệt hai cuộc chiến tranh phá hoại 1965 — 1968 và 1972. Đặc biệt, quân và dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Ních-xơn hồi cuối năm 1972, lập nên một «Điện biên phủ trên không». Những chiến thắng oanh liệt của quân và dân hai miền Nam Bắc trong hơn

18 năm đã đưa đến sự thành công của Hội nghị Pa-ri, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, rút hơn nửa triệu quân Mỹ và quân chư hầu về nước, công nhận độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua là thắng lợi rất vĩ đại của nhân dân Việt nam, đã đánh bại một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô, ác liệt, kéo dài, do tên đế quốc đầu sỏ, giàu mạnh bậc nhất trên thế giới gây ra; đồng thời đó cũng là thắng lợi to lớn của nhân dân tiến bộ toàn thế giới, trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mỹ đã ngăn chặn được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt nam và Đông dương.

Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chưa hoàn thành. Một phần khá lớn đất đai và nhân dân miền Nam vẫn còn nằm dưới quyền kiểm soát và ách thống trị phát xít tàn bạo của ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu, tay sai của đế quốc Mỹ. Mặc dầu bị thất bại thảm hại trong thời gian vừa qua, đế quốc Mỹ vẫn rất ngoan cố, chưa chịu từ bỏ âm mưu biến miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Bè lũ Mỹ — Thiệu vẫn trắng trợn vi phạm những điều khoản trọng yếu của Hiệp định Pa-ri, tiếp tục gây xung đột vũ trang, hành quân lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam, chà đạp lên các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam v.v...

Trong hoàn cảnh đó, quân và dân miền Nam, dựa vào hậu thuẫn vững chắc là miền Bắc xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, quyết nêu cao truyền thống kiên cường của «Thành đồng Tổ quốc», đấu tranh để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng đã giành được, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu phá hoại hòa bình, phá hoại hiệp định đã ký kết của bè lũ Mỹ — ngụy, tiếp tục hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Nhân dân miền Bắc phải phát huy tinh thần cách mạng tiến công, vượt mọi khó khăn gian khổ, lao động cần cù sáng tạo, đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân, đồng thời luôn luôn cảnh giác, ra sức củng cố quốc phòng, hết lòng làm tròn nhiệm vụ đối với miền Nam ruột thịt.



Mục lục

(TẬP II)

	Trang
Bài 12. Hội nghị Giơ-ne-vơ và việc lập lại hòa bình ở Đông dương	12
Bài 13. Tổng kết giai đoạn lịch sử 1945 — 1954	17

THỜI KỲ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở MIỀN NAM (1954 — 1965)

Bài 14. Tình hình Việt nam sau khi hòa bình lập lại và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới	23
Bài 15. Miền Bắc bước sang thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 — 1965)	27
Bài 16. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1954 — 1965).	39

THỜI KỲ TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC ĐỂ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, BẢO VỆ MIỀN BẮC, TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1965 — 1973)

Bài 17. Nhân dân Việt nam đánh bại 'chiến tranh phá hoại' lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và đánh bại 'chiến tranh cục bộ' của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965 — 1968).	59
--	----

Bài 18. Nhân dân Việt nam đánh bại chiến tranh 'Việt nam hóa' của đế quốc Mỹ ở miền Nam và đánh bại 'chiến tranh phá hoại' lần thứ hai của đế quốc Mỹ ở miền Bắc.	77
---	----

Bài 19. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pa-ri đánh dấu sự thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt nam.	91
--	----

Bài 20. Tổng kết lịch sử Việt nam từ năm 1930 đến 1973.	104
---	-----

LỊCH SỬ LỚP 12 PHỔ THÔNG

TẬP II

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

In 65 000 cuốn khổ 14,5 × 20,5 tại nhà in
Alpha, 235 Phạm Ngũ Lão — thành phố
Hồ Chí Minh. In xong ngày 31-12-1975. Nộp
lưu chiều tháng 1-1976.

000807

70200

uonngmaitruongxua.v